

SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
—ΩΩΩ—

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA “TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ”**

Địa điểm: Tại thôn Yên Long, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

HÀ TĨNH, NĂM 2026

SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ

Địa điểm: Tại thôn Yên Long, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

**CHỦ CƠ SỞ
TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ**



Nguyễn Đình Thiện

HÀ TĨNH, NĂM 2026

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	7
CHƯƠNG 1	8
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	8
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ	8
1.2. TÊN CƠ SỞ	8
1.2.1. Tên cơ sở	8
1.2.2. Địa điểm cơ sở:.....	8
1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án.....	9
1.2.4. Quy mô của cơ sở theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công	9
1.2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường	9
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA CƠ SỞ	10
1.3.1. Công suất hoạt động của TTYT	10
1.3.1.1. Công suất của TTYT	10
1.3.1.2. Quy mô xây dựng	10
1.3.3. Sản phẩm/dịch vụ của TTYT	13
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ.	14
1.4.1. Nhu cầu về điện, nước	14
1.4.1.1. Nhu cầu sử dụng điện	14
1.4.2. Nhu cầu về nguyên vật liệu phục vụ hoạt động chuyên môn:.....	16
1.4.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất của TTYT.....	17
1.4.4. Danh mục máy móc, thiết bị của TTYT.....	18
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ	19
Chương II	20
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,	20
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	20
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	20
Chương III	23
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	23
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	23
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	23
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	23
3.1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải:	24
3.1.3. Công trình xử lý nước thải.....	27
3.1.3.1. Bể tự hoại.....	27
3.1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	29

3.2. Công trình, biện pháp BVMT đối với bụi, khí thải.....	34
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BVMT ĐỐI VỚI CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG.....	35
3.3.1. Khối lượng, chủng loại phát sinh	35
3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	36
3.3.3 Biện pháp BVMT đối với chất thải rắn sinh hoạt	38
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CHẤT THẢI NGUY HẠI	39
3.4.1. Khối lượng, chủng loại phát sinh	39
3.4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	41
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	44
3.6. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	45
3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải.....	45
3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố bức xạ	48
3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	49
3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	50
Chương IV.....	52
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	52
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	52
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép:.....	52
4.1.3. Dòng nước thải:.....	52
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:	52
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:	53
4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn	54
4.2.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:	54
4.2.2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:.....	54
Chương V	56
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	56
5.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	56
5.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện.	56
5.1.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	56
5.1.1.2. Yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện	56

5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi đến cơ quan có thẩm quyền.....	57
5.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	57
5.2.1. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải năm 2024 của cơ sở	57
5.2.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải năm 2025 của cơ sở	58
5.4.1. Tình hình phát sinh xử lý chất thải năm 2024	61
5.4.2. Tình hình phát sinh xử lý chất thải năm 2025	62
5.4.2.1. Chất thải rắn thông thường:	62
5.4.2.2. Chất thải rắn nguy hại.....	63
5.5. KẾT QUẢ THANH TRA KIỂM TRA VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	64
Chương VI.....	65
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	65
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI.....	65
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....	65
Chương VII	67
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	67

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Quy mô đầu tư nâng cấp của TTYT	10
Bảng 1.2. Tình hình khám bệnh 3 năm gần nhất của TTYT.....	10
Bảng 1.3. Các hạng mục công trình chính của TTYT	11
Bảng 1.4. Thống kê khối lượng nước sử dụng theo hóa đơn nước giai đoạn từ năm 2025 đến nay (m3/tháng).....	14
Bảng 1.5. Tổng nhu cầu sử dụng nước của TTYT	16
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng vật dụng y tế của TTYT năm 2025.....	17
Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng hóa chất của TTYT năm 2025	17
Bảng 1.8. Danh mục máy móc, thiết bị khám chữa bệnh chính của TTYT.....	18
Bảng 2.1. Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận của Cơ sở.....	22
Bảng 3.1. Quy mô, khối lượng hạng mục thoát nước mưa	23
Bảng 3.2. Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng	32
Bảng 3. 3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại TTYT	35
Bảng 3. 3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại TTYT.....	35
Bảng 3.4. Khối lượng phát sinh chất thải y tế nguy hại.....	39
Bảng 3.5. Thống kê khối lượng một số loại chất thải nguy hại khác.....	40
Bảng 4. 1. Nồng độ các chất ô nhiễm trong dòng nước thải và giá trị giới hạn theo QCVN 28:2010/BTNMT	52
Bảng 4. 2. Nồng độ các chất ô nhiễm trong dòng nước thải và giá trị giới hạn theo QCVN 40:2025/BTNMT	53
Bảng 4. 4. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BTNMT	55
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2024	57
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2025	58
Bảng 5.3. Nội dung thực hiện cải tạo hệ thống xử lý nước thải	59
Bảng 5. 4. Kết quả đánh giá chất lượng nước thải sau khi thực hiện cải tạo	60
Bảng 5.6. Bảng tổng hợp chất thải rắn nguy hại năm 2024	61
Bảng 5.7. Bảng tổng hợp chất thải rắn thông thường năm 2025	62
Bảng 5.8. Bảng tổng hợp chất thải rắn nguy hại năm 2025	63

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Vị trí thực hiện dự án.....	8
Hình 1. 2. Sơ đồ mặt bằng TTYT theo quy hoạch	12
Hình 1.3. Sơ đồ quy trình khám và điều trị ngoại trú bệnh nhân không có BHYT (a) và có BHYT (b)	12
Hình 2.1. Sơ đồ hướng thoát nước thải của cơ sở ra nguồn tiếp nhận	22
Hình 3.1. Mương thoát nước mưa tại TTYT	23
Hình 3.2. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa	23
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của TTYT.....	24
Hình 3.4. Sơ đồ cân bằng nước	25
Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của TTYT	26
Hình 3.6. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của TTYT.....	27
Hình 3.7. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt.....	28
Hình 3.8. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải.....	29
Hình 3.9. Khu xử lý nước thải.....	30
Hình 3.11. Bể khử trùng	31
Hình 3.12. Khu vực lưu giữ chất thải	37
Hình 3.13. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại của TTYT	43

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BVMT:	Bảo vệ môi trường
CBCN:	Cán bộ công nhân
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
CTR TT:	Chất thải rắn thông thường
ĐTM:	Đánh giá tác động môi trường
GPMT:	Giấy phép môi trường
KH&KT:	Khoa học và kỹ thuật
KTMT:	Kỹ thuật môi trường
KT-XH:	Kinh tế - xã hội
TTYT:	Trung tâm y tế
NXB:	Nhà xuất bản
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
XLNT:	Xử lý nước thải
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TN&MT:	Tài nguyên và Môi trường
UBND:	Ủy ban nhân dân
VLXD:	Vật liệu xây dựng
WB:	Ngân hàng Thế giới
WHO:	Tổ chức Y tế Thế giới

MỞ ĐẦU

Trung tâm Y tế Đức Thọ là cơ sở y tế hạng II trực thuộc Sở Y tế được UBND tỉnh Hà Tĩnh thành lập theo Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 11/3/2024.

Quá trình thực hiện dự án, Trung tâm Y tế Đức Thọ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Tĩnh) phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường tại Quyết định số 101/QĐ-TNMT ngày 18/8/2009; cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3210/GP-UBND ngày 21/9/2021, thời hạn 5 năm với lưu lượng lớn nhất là 150 m³/ngày đêm, nguồn tiếp nhận nước thải hổi Cầu Đôi 2. Được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Trung tâm Y tế Đức Thọ (Chủ cơ sở) đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường (Đơn vị tư vấn) tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở “Trung tâm Y tế Đức Thọ” tại Thôn Yên Long, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ điểm c khoản 1 Mục VII Phụ lục số IX, Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ đề nghị cấp GPMT trình UBND tỉnh Hà Tĩnh thẩm định và cấp phép.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được lập theo biểu mẫu 22d của phụ lục II Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 (*mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động*).

Giấy phép môi trường được cấp sẽ được lấy làm căn cứ trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của cơ sở cũng như làm căn cứ cho việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở trong quá trình hoạt động.

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

- Trung tâm Y tế Đức Thọ.
- Địa chỉ: thôn Yên Long, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh;
- Điện thoại: 02393. 381.484.
- Đại diện: Ông Nguyễn Đình Thiện; Chức vụ: Giám đốc.
- Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 102/HT-GPHĐ được Sở Y tế tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 01/8/2025.

1.2. TÊN CƠ SỞ

1.2.1. Tên cơ sở: “Trung tâm Y tế Đức Thọ”.

1.2.2. Địa điểm cơ sở:

Cơ sở được xây dựng tại thôn Yên Long, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh có diện tích 16.792,4 m². Vị trí tiếp giáp của dự án như sau:

- Phía Đông Bắc: Giáp đường Quốc lộ 8A.
- Phía Đông Nam: Giáp hẻm Cầu Đồi 2.
- Phía Tây Bắc: Giáp đường đất.
- Phía Tây Nam: Giáp đường đất.



Hình 1.1. Vị trí thực hiện dự án.

1.2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

- *Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng:*

+ Văn bản số 336/SXD-QHHT₂ ngày 30/12/2022 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án thành phần thuộc dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM:*

+ Quyết định số 101/QĐ-TNMT ngày 18/8/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Tĩnh) về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh;

+ Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh”.

- *Các loại Giấy phép có liên quan đến môi trường:*

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3210/GP-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp cho Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ với lưu lượng xả thải lớn nhất là 150m³/ngày đêm, thời hạn 05 năm, nguồn tiếp nhận nước thải là hói Cầu Đồi 2.

- *Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của cơ sở:* UBND tỉnh Hà Tĩnh.

1.2.4. Quy mô của cơ sở theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công

Trung tâm Y tế Đức Thọ là dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực y tế, có tổng mức đầu tư khoảng 400 tỷ đồng (theo tổng giá trị tài sản của Trung tâm).

Theo tiêu chí phân loại tại *khoản 4 Điều 10* của Luật Đầu tư công 2024 và hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục I Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ thì các dự án thuộc lĩnh vực y tế có tổng mức đầu tư từ 90 tỷ đồng đến dưới 1.600 tỷ được phân loại vào dự án nhóm B.

Như vậy, cơ sở Trung tâm Y tế Đức Thọ có quy mô nhóm B theo tiêu chí Luật Đầu tư công.

1.2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường 2020 được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường 2025; khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất hoạt động của TTYT

1.3.1.1. Công suất của TTYT

Công suất 170 giường bệnh.

Bảng 1.1. Quy mô đầu tư nâng cấp của TTYT

TT	Tên khoa	Số giường bệnh
1	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	21
2	Khám bệnh	-
3	Khoa Cận lâm sàng	-
4	Khoa Nhi	21
5	Khoa Nội	51
6	Khoa Ngoại -Phẫu thuật - Gây mê hồi sức	-
7	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	16
8	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	11
9	Khoa Truyền nhiễm	13
10	Khoa chẩn đoán hình ảnh	-
11	Kiểm soát nhiễm khuẩn	-
12	Khoa Ngoại	26
13	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	-
14	Khoa RHM - Mắt - TMH	11
15	Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS	-
16	Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm.	-
	Tổng số giường bệnh	170

Tình hình khám bệnh 3 năm gần nhất được thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Bảng 1.2. Tình hình khám bệnh 3 năm gần nhất của TTYT

Năm	Giường bệnh kế hoạch	Số lượt khám chữa bệnh	Số lượt điều trị nội trú	Tổng ngày điều trị
2023	170	81.713	13.171	69.945
2024	170	80.404	12.429	73.918
2025	170	79.860	12.293	71.397

(Nguồn: *Trung tâm Y tế Đức Thọ*)

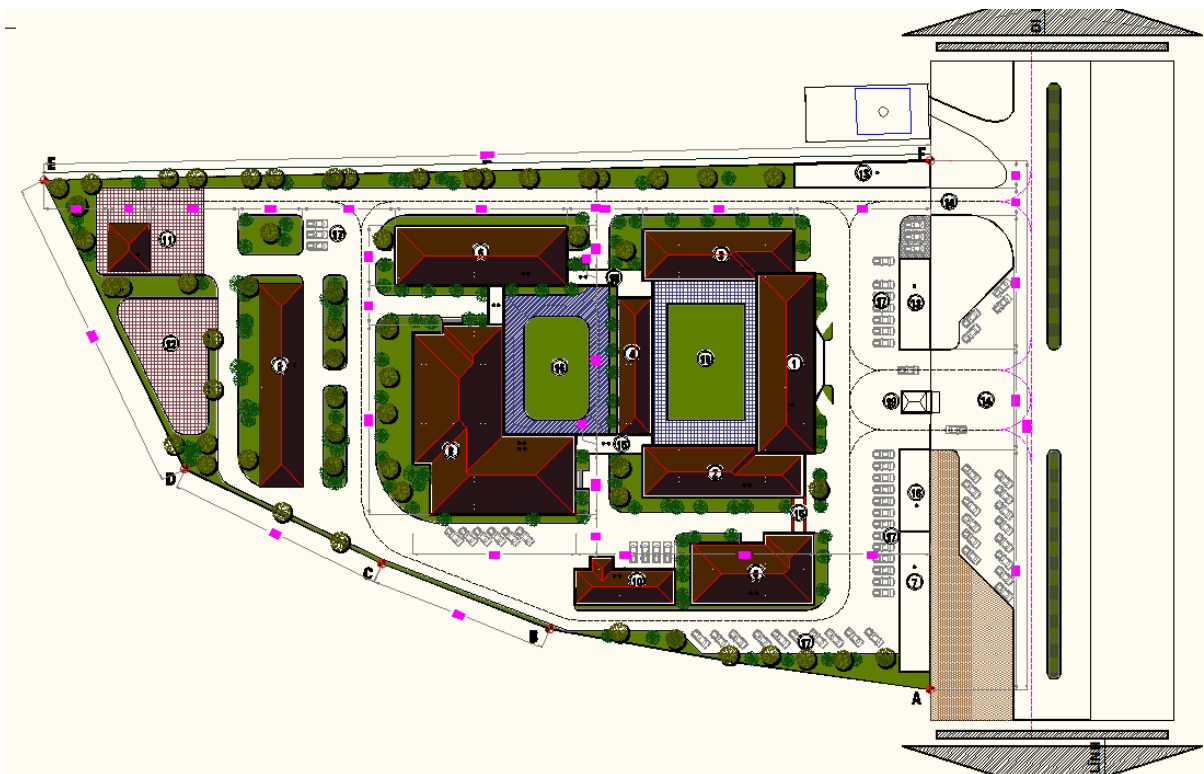
1.3.1.2. Quy mô xây dựng

TTYT Đức Thọ được xây dựng trên diện tích là 16,792,4 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 370739 ngày 26/6/2015 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp) với thời hạn sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích cơ sở y tế, bao gồm các hạng mục chính như sau:

Bảng 1.3. Các hạng mục công trình chính của TTYT

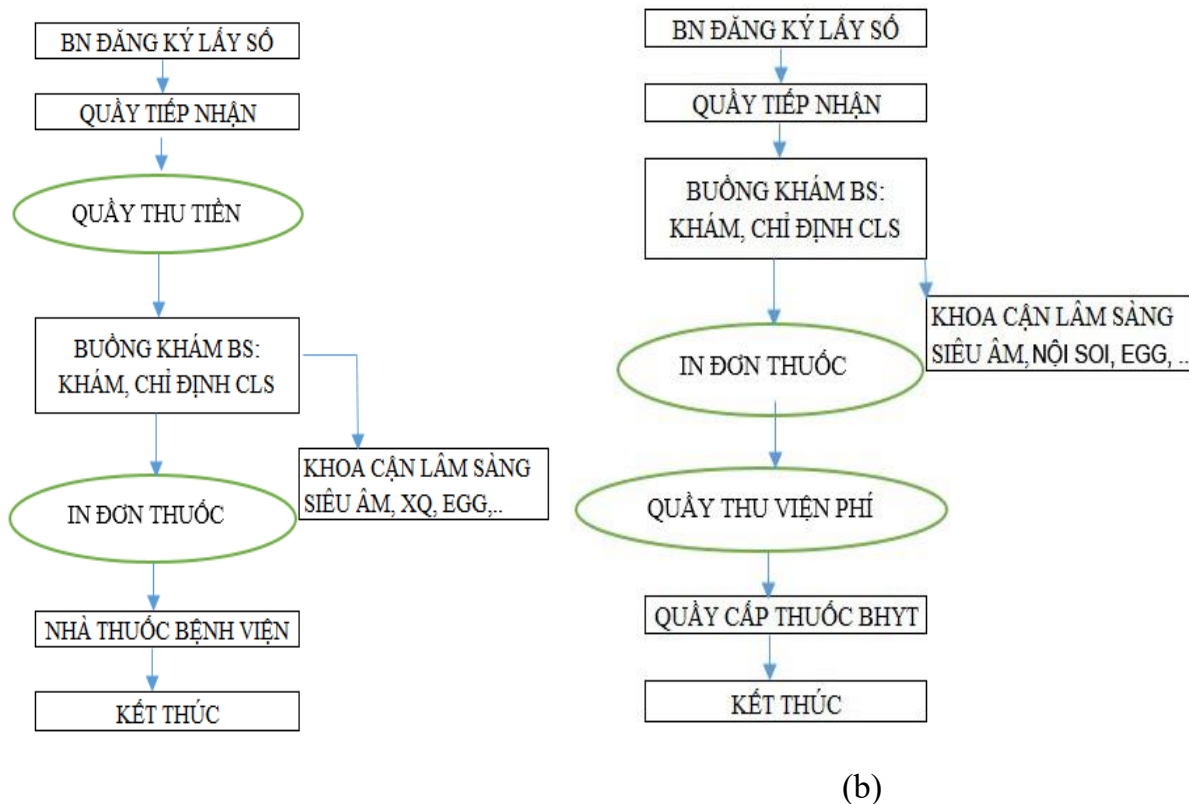
TT	Tên công trình	Quy mô (m ²)	Số tầng	Ghi chú
I.1	Đất xây dựng công trình	4.956		
1	Nhà khám đa khoa, khu hành chính	511	3	Xây mới theo dự án khác
2	Khoa Nội + Nhi + Hồi sức cấp cứu	388	2	
3	Khoa ngoại + sản	369	2	
4	Khoa dinh dưỡng	211	1	
5	Khoa dược, hấp sấy	234	2	Đã XD
6	Khoa nội Đông y + Hấp sấy	497	2	Đã XD
7	Khoa xét nghiệm, mổ, x-quang, siêu âm	394	2	Đã XD
8	Khối xây mới (khoa ngoại, sản, nhi, đông y - phục hồi chức năng)	1.047	4	Đã XD
9	Khoa truyền nhiễm	411	1	Đã XD
10	Khoa thận	186	2	Đã XD
11	Nhà xác	89	1	Đã XD
12	Nhà xe	301	1	Xây mới theo dự án khác
13	Cổng	-	1	
14	Nhà cầu	174	2	
15	Khuôn viên tiểu cảnh	-		
16	Bãi đậu xe	-	1	
17	Quầy thuốc	124	1	
18	Nhà bảo vệ	20	1	
19	Khu xử lý rác thải, nước thải	350	-	Đã XD
I.2	Diện tích cây xanh	3.798		
I.3	Sân đường, hạ tầng kỹ thuật	8.038,4		
	Tổng diện tích	16.792,4		

(Nguồn: Bản vẽ tổng mặt bằng của TTYT Đức Thọ)



Hình 1. 1. Sơ đồ mặt bằng TTYT theo quy hoạch

* Quy trình khám chữa bệnh tại TTYT



Hình 1.3. Sơ đồ quy trình khám và điều trị ngoại trú bệnh nhân không có BHYT (a) và có BHYT (b)

*** *Thuyết minh quy trình thăm khám:***

Bước 1.

Người bệnh lấy số đăng ký khám tại quầy rút số thứ tự, xếp hàng chờ và nghe loa gọi theo số đến cửa tiếp đón.

Tại cửa tiếp đón, người bệnh khai báo các thủ tục hành chính, trình thẻ BHYT, các giấy tờ có liên quan, lấy phiếu số thứ tự khám bệnh.

Nhân viên tiếp đón quản lý thẻ BHYT của người bệnh (nếu có).

Bước 2.

Người bệnh ngồi chờ tới lượt trước cửa phòng khám, số thứ tự của phiếu khám sẽ được hiện trên bảng điện tử và chuông gọi khi đến lượt.

Bước 3.

Vào phòng khám và được bác sĩ khám bệnh, chỉ định cận lâm sàng...

Đối tượng viện phí: Nộp tiền cận lâm sàng và phí khám tại quầy thu ngân mang hóa đơn và phiếu chỉ định đến khu cận lâm sàng.

Đối tượng bảo hiểm: Mang phiếu chỉ định đến khu cận lâm sàng.

Làm xét nghiệm máu, nước tiểu... tại buồng lấy bệnh phẩm xét nghiệm.

Làm siêu âm, X quang... tại khoa chẩn đoán hình ảnh.

Khoa cận lâm sàng chuyển kết quả cận lâm sàng về các phòng khám ban đầu.

Sau khi làm xong cận lâm sàng người bệnh trở về phòng khám ban đầu chờ kết quả chẩn đoán xác định của bác sĩ điều trị.

Bước 4.

Trường hợp người bệnh có chỉ định điều trị ngoại trú, bác sĩ sẽ kê đơn thuốc.

Đối tượng viện phí: Tự túc thuốc theo đơn của bác sĩ.

Đối tượng có thẻ BHYT: Qua cửa lấy thẻ và qua quầy thuốc của trung tâm lấy thuốc (nếu có).

Trường hợp người bệnh có chỉ định điều trị nội trú:

Đối tượng viện phí: qua quầy thu ngân nộp tạm ứng, đến khu đồ vải mượn đồ tư trang.

Đối tượng có thẻ BHYT: Qua cửa bảo hiểm lấy lại thẻ BHYT, nộp tạm ứng, mượn tư trang.

Nhân viên đón tiếp hướng dẫn người bệnh vào khoa điều trị hoặc trong các trường hợp đặc biệt: trẻ sơ sinh, bệnh nặng, thai sản... sẽ được nhân viên y tế dẫn vào khoa.

Các thủ tục hành chính để nhập khoa sẽ được nhân viên y tế hướng dẫn trực tiếp.

1.3.3. Sản phẩm/dịch vụ của TTYT

Trung tâm Y tế Đức Thọ đã được Sở Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh số 102/HT-GPHĐ ngày 01/8/2025 với phạm vi hoạt động chuyên môn được Sở Y tế phê duyệt tại Quyết định số 873/QĐ-SYT ngày 04/8/2025 về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do thay đổi tên và địa chỉ đối với Trung tâm Y tế Đức Thọ và Quyết định số 605/QĐ-SYT ngày 12/6/2026 về việc điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung danh mục kỹ thuật đối với Trung tâm Y tế Đức Thọ.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ.

1.4.1. Nhu cầu về điện, nước

1.4.1.1. Nhu cầu sử dụng điện

*** Nguồn cung cấp điện:**

Nguồn điện sử dụng do Công ty Điện lực Hà Tĩnh cung cấp. TTYT có 01 máy phát điện dự phòng khi mất điện lưới.

*** Nhu cầu sử dụng điện:**

Nhu cầu cấp điện của TTYT được tính toán dựa trên QCXDVN 01: 2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng. Theo đó, chỉ tiêu cấp điện cho quy mô công trình y tế tương đương TTYT là 1,5 kW/giường bệnh. Như vậy, công suất tiêu thụ điện của toàn TTYT khoảng 255kW/ngày.

1.4.1.2. Nhu cầu sử dụng nước

*** Các hoạt động sử dụng nước:**

Các hoạt động sử dụng nước của TTYT bao gồm: Nước phục vụ hoạt động khám chữa bệnh, nước dùng cho sinh hoạt; nước tưới cây, tưới sân đường; nước phòng cháy chữa cháy.

*** Nguồn cung cấp nước:**

- Nước phục vụ hoạt động chuyên môn của TTYT là nguồn nước máy, được cung cấp bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh - Trạm cấp nước Đức Thọ. Nguồn cấp nước của công trình lấy từ bể chứa nước ngầm của khu vực.

*** Lượng nước sử dụng:**

- Nhu cầu sử dụng theo tình hình thực tế:

Lượng nước sử dụng qua thống kê hóa đơn sử dụng nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh tại TTYT từ năm 2025 đến nay được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1.4. Thống kê khối lượng nước sử dụng theo hóa đơn nước giai đoạn từ năm 2025 đến nay (m³/tháng)

Năm Tháng	2025	2026
1	1.251	1.237
2	1.671	1.541
3	2.120	1.826
4	2.773	1.924
5	2.627	1.662
6	2.555	1.973
7	2.178	1.784
8	1.558	1.675

Năm Tháng	2025	2026
9	1.971	-
10	2.165	-
11	2.708	-
12	1.430	-
Lưu lượng sử dụng lớn nhất trong các tháng	2.773 m ³ /tháng (tương đương 92,43 m ³ /ngày)	
Lưu lượng sử dụng trung bình	1.893 m ³ /tháng (tương đương 63,1 m ³ /ngày)	

(Nguồn: Hóa đơn tiền nước - Công ty CP Cấp nước Hà Tĩnh)

Theo số liệu thống kê thực tế thì lượng nước sử dụng của TTYT trong vòng 2 năm qua tương đối ổn định, nhu cầu sử dụng trong một ngày là:

$$Q_{\text{cấp TB}} = 63,1 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

$$Q_{\text{cấp max}} = 92,43 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

- So sánh lượng nước sử dụng thực tế với định mức, tiêu chuẩn cấp nước:

* *Tiêu chuẩn cấp nước:*

+ *Nước cấp cho bệnh nhân - Q_1 (bao gồm nước sinh hoạt của bệnh nhân và khám chữa bệnh):*

Theo TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế, thì tiêu chuẩn dùng nước trong ngày dùng nhiều nhất đối với TTYT là từ 250 đến 300 (lít/giường) đã tính đến lượng nước dùng trong nhà ăn, nhà giặt.

+ *Nước cấp cho cán bộ nhân viên - Q_2 :*

Theo TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế, thì tiêu chuẩn cấp nước cấp sinh hoạt là 120 (lít/người/ngày).

+ *Nước cấp cho người nhà bệnh nhân, khách khám bệnh (vãng lai, không nội trú) - Q_4 :* Dựa vào đặc điểm nhu cầu sử dụng nước của hoạt động khám bệnh vãng lai, áp dụng tiêu chuẩn tương đương đối với phòng khám đa khoa tại theo Theo TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế là 15 lít/bệnh nhân. Số lượt khám chữa bệnh của TTYT trong một ngày cao điểm khoảng 250 bệnh nhân, số người nhà bệnh nhân ước tính khoảng 250 người theo số giường bệnh.

+ *Nước phục vụ tưới cây, rửa đường - Q_5 .*

Áp dụng TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế, ước tính nước phục vụ công cộng (tưới cây, rửa đường, ...) bằng 10% nước cấp cho sinh hoạt.

Như vậy, tính toán theo định mức tiêu chuẩn thì nhu cầu sử dụng nước của TTYT trong 1 ngày với quy mô 170 giường bệnh được tính toán như sau:

Bảng 1.5. Tổng nhu cầu sử dụng nước của TTYT

TT	Nhu cầu sử dụng nước	Quy mô		Tiêu chuẩn		Lưu lượng (m ³ /ng.đ)
		Đơn vị	S.lượng	Đơn vị	S.lượng	
I	Lưu lượng cấp nước sinh hoạt					84,12
1	Cán bộ viên chức	người	201	l/ng/ng.đ	120	24,12
2	Giường bệnh	giường	170	l/giường/ng.đ	300	51
3	Bệnh nhân đến khám bệnh và điều trị ngoại trú	người	300	l/ng/ng.đ	15	4,5
4	Người nhà bệnh nhân	người	300	l/ng/ng.đ	15	4,5
II	Lưu lượng nước phục vụ công cộng (tưới cây, rửa đường,...)	10 % $\sum Q(I+II)$				8,4
Tổng Q = Q_I+Q_{II}				m³/ng.đ		92,53

Như vậy, tính toán theo định mức tiêu chuẩn thì nhu cầu sử dụng nước của TTYT trong 1 ngày với quy mô 170 giường bệnh là **92,53 m³/ngày**.

** Nước phục vụ cho PCCC:*

Theo tiêu chuẩn về phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình (TCVN 2622-1995) cần phải đảm bảo một lượng nước chữa cháy cho khu vực liên tục trong 03 giờ.

+ Lưu lượng nước chữa cháy tính cho 1 đám cháy xảy ra, thời gian chữa cháy 3 giờ, lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà 10,0 l/s. Như vậy, lượng nước tạm tính cho 01 đám cháy là:

$$Q_{pccc} = 1 \text{ đám cháy} \times 03 \text{ giờ} \times 10 \text{ l/s} / 1.000 = 108 \text{ m}^3.$$

- Nguồn nước cấp phục vụ chữa cháy được lấy từ bể chứa nước trong TTYT.

1.4.2. Nhu cầu về nguyên vật liệu phục vụ hoạt động chuyên môn:

Hằng năm nhu cầu hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ cho quá trình khám chữa bệnh là tương đối lớn với nhiều chủng loại mặt hàng khác nhau. Trong đó vật liệu, hóa chất tiêu hao chủ yếu được chia làm các nhóm cơ bản như sau:

- Băng, bông, gạc y tế.
- Bơm tiêm và bơm hút các loại.
- Huyết áp kế, ống nghe.
- Chỉ khâu, vật liệu cầm máu.
- Dây chuyên dịch, dây dẫn lu, các loại sond, các loại dây nối.
- Găng tay phẫu thuật, xét nghiệm đã tiệt trùng, chưa tiệt trùng.
- Các vật tư y tế khác.
- Thuốc, dược phẩm các loại.

Nguồn cung cấp: Nguồn vật tư, hóa chất tiêu hao kể trên được mua từ các nhà sản xuất và cung ứng trong và ngoài tỉnh.

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng vật dụng y tế của TTYT năm 2025

TT	Tên vật dụng	Đơn vị	Số lượng
1	Băng dính	Cuộn	3.202
2	Bông y tế	g	368.000
3	Bơm tiêm các loại	cái	220.363
4	Bộ dây truyền dịch ECO (có kim bướm)	Bộ/túi	42.165
5	Cồn 90- 96 độ.	ml	3.000
6	Dao phẫu thuật	cái	1.166
7	Dây chuyên máu	cái	103
8	Kim lấy thuốc	cái	90.699
9	Kim lườn tĩnh mạch	cái	10.166
10	Ống nghiệm	cái	43.200

(Nguồn: Trung tâm Y tế Đức Thọ)

1.4.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất của TTYT

- *Hóa chất làm sạch, khử khuẩn TTYT:*

+ Hóa chất làm sạch gốc axit (Như: Nước rửa bồn cầu khoảng 10 lít/ngày, nước lau sàn nhu cầu khoảng 15 lít/ngày, nước lau kính nhu cầu khoảng 3 lít/ngày). Các loại hóa chất này khi được sử dụng sẽ lựa chọn thương hiệu uy tín như Vim, Gift, Duck,...

- Hóa chất khử khuẩn dụng cụ khám chữa bệnh: Sử dụng chủ yếu là bột Chloramin B 0,5% để pha khử khuẩn ở mức độ trung bình, nhu cầu khoảng 2kg/ngày. Ngoài ra, còn sử dụng một số loại chất tẩy rửa y tế khác với nhu cầu khoảng 0,2kg/ngày.

- *Hóa chất khử trùng nước thải*

+ TTYT sử dụng bột Chlorin khử trùng nước thải ước tính khoảng 0,3kg/ngày ($2 \div 3 \text{ mg/m}^3$ nước thải).

+ Hóa chất khử trùng được chứa tại khu vực điều hành hệ thống xử lý nước thải.

- *Hóa chất sử dụng cho hoạt động khám, chữa bệnh:*

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng hóa chất của TTYT năm 2025

STT	Tên hóa chất	ĐVT	Khối lượng
1	Calcium	hộp	4
2	Cholesterol	hộp	4
3	Creatinine	hộp	3
4	Triglyceride	hộp	8
5	Gamma-GT	hộp	1
6	Uric acid	hộp	3
7	Glucose	hộp	16

STT	Tên hóa chất	ĐVT	Khối lượng
8	GOT (AST)	hộp	21
9	GPT(ALT)	hộp	21
10	HbA1c	hộp	420(test)
11	Cloramin B	kg	312

(Nguồn: Trung tâm Y tế Đức Thọ)

1.4.4. Danh mục máy móc, thiết bị của TTYT

Bảng 1.8. Danh mục máy móc, thiết bị khám chữa bệnh chính của TTYT

TT	Tên gọi	TT	Tên gọi	TT	Tên gọi
1	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Scanner < 64 lát cắt	24	Hệ thống nội soi DD-TT	47	Máy điện xung + điện phân
2	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	25	Hệ thống ô xy trung tâm hút áp lực âm	48	Máy điện xung điều trị SLG-3N
3	Máy siêu âm mắt AB	26	Hệ thống phẫu thuật nội soi tiêu hóa	49	Máy điều trị điện từ trường
4	Máy siêu âm chẩn đoán ba đầu dò	27	Hệ thống tán sỏi tiết niệu nội soi	50	Máy đo chức năng hô hấp
5	Bàn mổ đa năng điện - thủy lực	28	Kính hiển vi điện 2 mắt	51	Máy đo khúc xạ tự động
6	Bơm tiêm điện	29	Kính hiển vi phẫu thuật mắt OM-5	52	Máy đo loãng xương toàn thân
7	Dao mổ điện cao tần	30	Lồng ấp trẻ sơ sinh	53	Máy gây mê kèm thở
8	Đèn khe khám mắt L-0395-CF	31	Máy điện châm	54	Máy kéo giãn CSL và cổ 4 chiều
9	Đèn mổ di động DomeLux 6200S	32	Máy điện não 28 kênh	55	Máy khí dung
10	Đèn mổ treo trần TriLite LED	33	Máy điện tim 3 cần	56	Máy Ô xy dòng cao HFNC
11	Ghế nha khoa	34	Máy soi cổ tử cung	57	Máy lấy cao răng siêu âm
12	Máy nội soi TMH MEDTRIX	35	Máy tán sỏi xung kích ngoài cơ thể	58	Máy li tâm
13	Máy phân tích khí máu	36	Máy tháo lồng	59	Máy lọc máu 4008S
14	Máy phẫu thuật Phaco	37	Máy theo dõi bệnh nhân	60	Máy nội soi TMH
15	Máy siêu âm đen trắng Prosuond 6	38	Máy theo dõi sản khoa	61	Máy xét nghiệm huyết học TĐ
16	Máy siêu âm đen trắng xách tay	39	Máy theo dõi tim thai	62	Máy xét nghiệm miễn dịch SIEMENS
17	Máy siêu âm điều trị	40	Máy thở	63	Máy xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang
18	Máy siêu âm màu	41	Máy truyền dịch	64	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số
19	Monitor theo dõi sản khoa	42	Máy xét nghiệm đông máu BTĐ Coagulyzer 4	65	Máy Xquang KTS hai tấm nhận

TT	Tên gọi	TT	Tên gọi	TT	Tên gọi
20	Máy điện tim	43	Bộ dụng cụ cắt Amydan	66	Máy Xquang răng cận chóp
21	Máy sắc thuốc nhiều bếp	44	Đèn đội đầu	67	Máy Xquang răng toàn cảnh KTS
22	Máy vật lý trị liệu đa năng	45	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	68	Máy hút dịch cầm tay
23	Máy điện xung trung tần	46	Máy phân tích điện giải đồ	69	Máy điều trị bằng sóng siêu âm

(Nguồn: *Trung tâm Y tế Đức Thọ*)

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

* **Tình hình hoạt động chuyên môn của TTYT**

- Trung tâm Y tế Đức Thọ được thành lập theo Quyết định 633/QĐ UBND ngày 11/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ; Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 về việc chuyển các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc UBND cấp huyện sang Sở Y tế và đổi tên các Trung tâm Y tế cấp huyện

- Về tổ chức bộ máy thực hiện theo Quyết định 800/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ (trước đây) về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế Đức Thọ gồm:

+ Lãnh đạo, gồm: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

+ Các phòng: 05 phòng chức năng, gồm: Kế hoạch - Nghiệp vụ; Tài chính - Kế toán; Điều dưỡng; Tổ chức - Hành chính; Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe.

+ Các khoa, gồm: 14 khoa lâm sàng và cận lâm sàng, gồm: Cấp cứu - Hồi sức tích cực và chống độc; Khám bệnh; Cận lâm sàng; Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức; Nội; Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng; Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng; Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ Sản; Nhi; Truyền nhiễm; Chẩn đoán hình ảnh; Kiểm soát nhiễm khuẩn; Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế; Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS; Y tế công cộng - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm.

- Tổng số viên chức và hợp đồng lao động có mặt đến ngày 30/7/2026 là: 201 người.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

- Quy hoạch BVMT Quốc gia và Chiến lược BVMT Quốc gia:

Theo Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024, thì TTYT có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các nhóm nhiệm vụ của chiến lược, bao gồm: nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường; nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; nhóm giải pháp tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh:

Theo Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 thì vị trí của TTYT không thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt. TTYT có các biện pháp phù hợp với phương án phát triển khu xử lý chất thải y tế đã đề ra trong Quy hoạch, cụ thể: “Tiếp tục xử lý chất thải y tế nguy hại bằng hệ thống xử lý tại chỗ của các đơn vị, xử lý theo cụm hoặc thuê đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại để xử lý theo quy định...”

- Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh:

Theo Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống Y tế tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đưa ra quan điểm đầu tiên là “Phát triển hệ thống y tế Hà Tĩnh theo hướng hiện đại và bền vững trong đó gắn y tế chuyên khoa, chuyên sâu với y tế phổ cập... với mục tiêu trọng tâm là bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng; Phát triển hệ thống y tế Hà Tĩnh từng bước nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong toàn tỉnh; phấn đấu trở thành tỉnh có các chỉ số dịch vụ y tế đạt ở mức trên trung bình trong vùng Bắc Trung Bộ.”

- Quy hoạch sử dụng đất:

Cơ sở phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 của huyện Đức Thọ được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 cụ thể là: Khu đất thực hiện nằm trong 5,29 ha đất xây dựng cơ sở y tế của thị trấn Đức Thọ tại Biểu 01: Chi tiết các chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã theo phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

TTYT Đức Thọ đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 370739 ngày 26/6/2015 với diện tích 16.792,4 m² với thời hạn sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích cơ sở y tế.

Như vậy, TTYT Đức Thọ có vị trí, chức năng, nhiệm vụ hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch phát triển tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Hiện nay, khả năng chịu tải của môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh chưa được ban hành. Khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận (Hói Cầu Đồi 2) đối với nước thải của Cơ sở đã được đánh giá chi tiết tại Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước của TTYT Đức Thọ được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3210/GP-UBND ngày 21/9/2021 với thời hạn 05 năm, lưu lượng 150m³/ngày đêm.

Nước thải của TTYT sau khi xử lý được thải ra ngoài môi trường tiếp nhận là Hói Cầu Đồi 2 tại TDP Hùng Dũng (nay là thôn Yên Long) thị trấn Đức Thọ (nay là xã Đức Thọ) sau đó ra kênh 19/5 tại xã Bùi La Nhân (nay là xã Đức Quang) và chảy về sông Nghèn. Nguồn nước từ hói Cầu Đồi 2 có chức năng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và tưới tiêu thủy lợi, không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Tuy nhiên nguồn nước từ hói Cầu Đồi 2 chảy về kênh 19/5 tại xã Đức Quang chảy về sông Nghèn tại phường Nam Hồng Lĩnh (theo quy hoạch có chức năng cấp nước sinh hoạt). Do vậy, nước thải của TTYT sau khi xử lý và thải vào môi trường tiếp nhận phải đạt các giá trị của cột A - QCVN 28:2010/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế) với hệ số K= 1,2 (do quy mô của TTYT nhỏ hơn 300 giường).

Hiện nay, đối với các nội dung về vị trí xả thải, nguồn tiếp nhận nước, phương thức xả thải của TTYT không thay đổi với Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3210/GP-UBND ngày 21/9/2021. Cụ thể:

- Vị trí xả nước thải:

- + Tổ dân phố Hùng Dũng, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn Yên Long, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hói Cầu Đồi 2 tại thôn Yên Long, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (cách khu vực hàng rào TTYT khoảng 12m về phía Đông Nam).

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,2) được xả ra môi trường tiếp nhận. Nước thải được xả trên bề mặt nguồn tiếp nhận theo phương thức tự chảy.



Hình 2.1. Sơ đồ hướng thoát nước thải của cơ sở ra nguồn tiếp nhận

Đối với chất lượng hiện trạng môi trường tiếp nhận nước thải của Cơ sở (Hối Cầu Đôi 2) được thống kê tại bảng 2.1, tại thời điểm lấy mẫu cho thấy chất lượng nước mặt tại Hối Cầu Đôi 2 hiện nay khá tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

Bảng 2.1. Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận của Cơ sở

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn (mức B-QCVN 08:2023/BTNMT)
1	pH	-	8,1	6,0 – 8,5
2	DO	mg/l	6,7	≥ 5
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	9,6	≤ 100
4	COD	mg/l	8,0	≤ 15
5	BOD ₅	mg/l	2,8	≤ 6
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,15	-
7	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	0,36	-
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	0,47	-
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	240	≤ 5.000
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	<1,0	-

Ghi chú:

- Thời gian lấy mẫu : Ngày 08 tháng 12 năm 2025;

- Vị trí lấy mẫu: Nước mặt tại Hối Cầu Đôi 2, điểm lấy mẫu có tọa độ: 105°35'42,2"(Đ); 18°30'53,6"(B).

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hiện trạng, hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa được xây dựng độc lập với hệ thống công thu gom, thoát nước thải.

Nước mưa trên mái được thu gom bằng hệ thống ống nhựa PVC có kích thước từ D110-140 cùng với nước mưa bề mặt sân bãi chảy xuống hệ thống công hộp bằng bê tông có nắp đan đầy kín, kích thước B300 - B400 chạy xung quanh các khu nhà và trục đường chính, sau đó thoát ra mương thoát nước phía Đông Nam của TTYT. Mương dẫn xây dựng bằng bê tông kiên cố thước 500 x 600mm, độ dốc từ 0,01 ÷ 0,1%, có nắp đậy BTCT, dốc theo hướng Tây Nam, trên đó có bố trí hố ga để xử lý nước mưa chảy tràn bằng phương pháp cơ học lắng cặn, đất cát trước khi thải ra môi trường tiếp nhận là Hói Cầu Đôi 2.



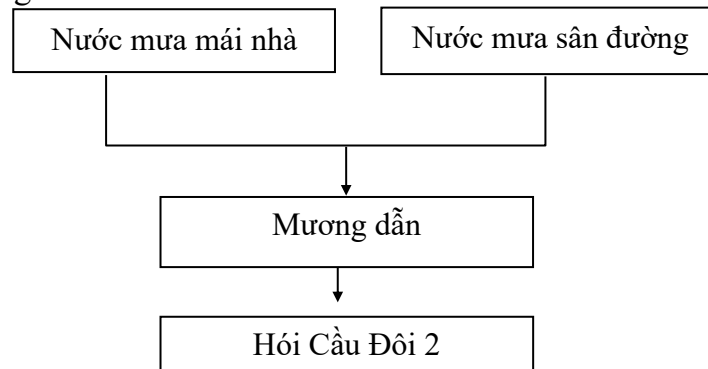
Hình 3.1. Mương thoát nước mưa tại TTYT

Quy mô, khối lượng của hệ thống thu gom nước mưa được thể hiện qua bảng sau:

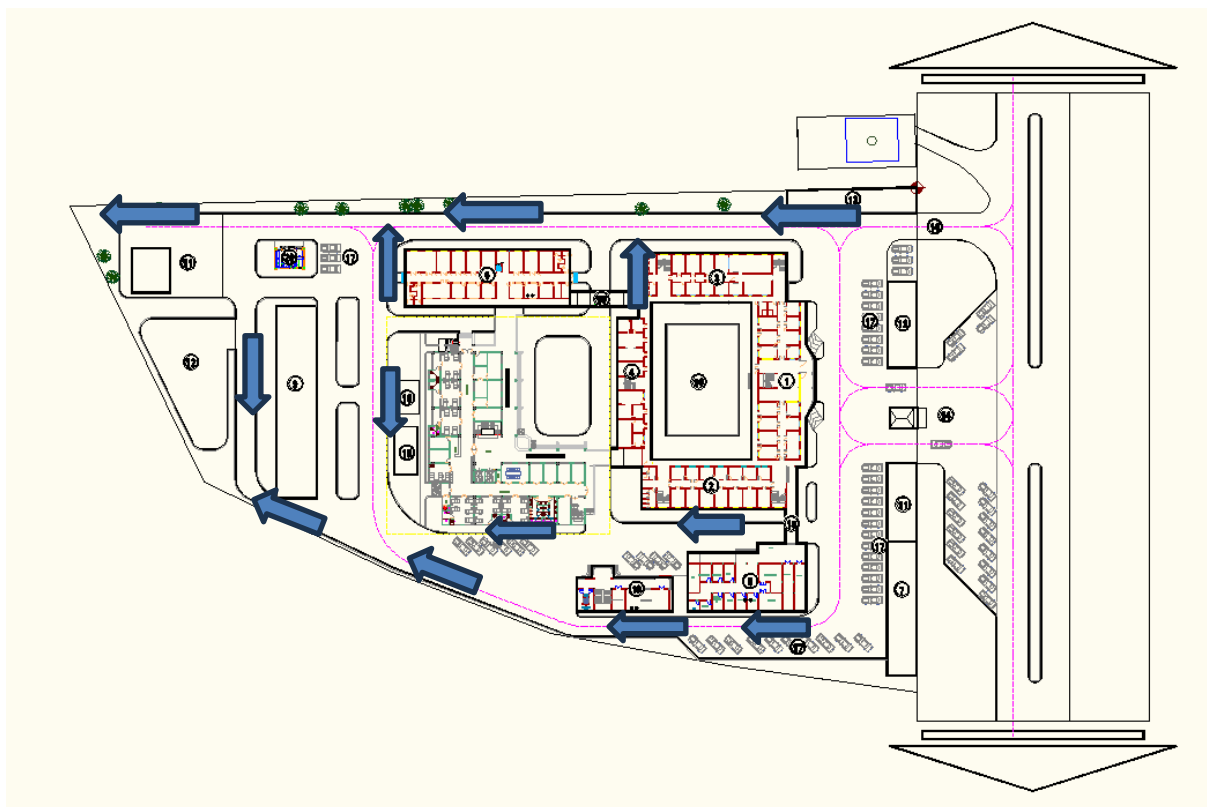
Bảng 3.1. Quy mô, khối lượng hạng mục thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Mương thoát nước mưa BTCT	m	560
2	Hố ga (DxRxC=60x60x40)(mm)	cái	25

Sơ đồ mạng lưới thoát nước mưa của TTYT như sau:



Hình 3.2. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của TTYT

** Các biện pháp khác giảm thiểu tác động từ nước mưa chảy tràn:*

- Khu vực sân bãi được vệ sinh sạch sẽ, thực hiện tốt công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.
- Định kỳ kiểm tra và nạo vét các hố ga và rãnh thu thoát nước, đặc biệt là trước và trong mùa mưa để đảm bảo hiệu quả của hệ thống thoát nước; định kỳ kiểm tra phát hiện hỏng hóc để khắc phục kịp thời.

3.1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải:

a) Khối lượng nước thải phải xử lý:

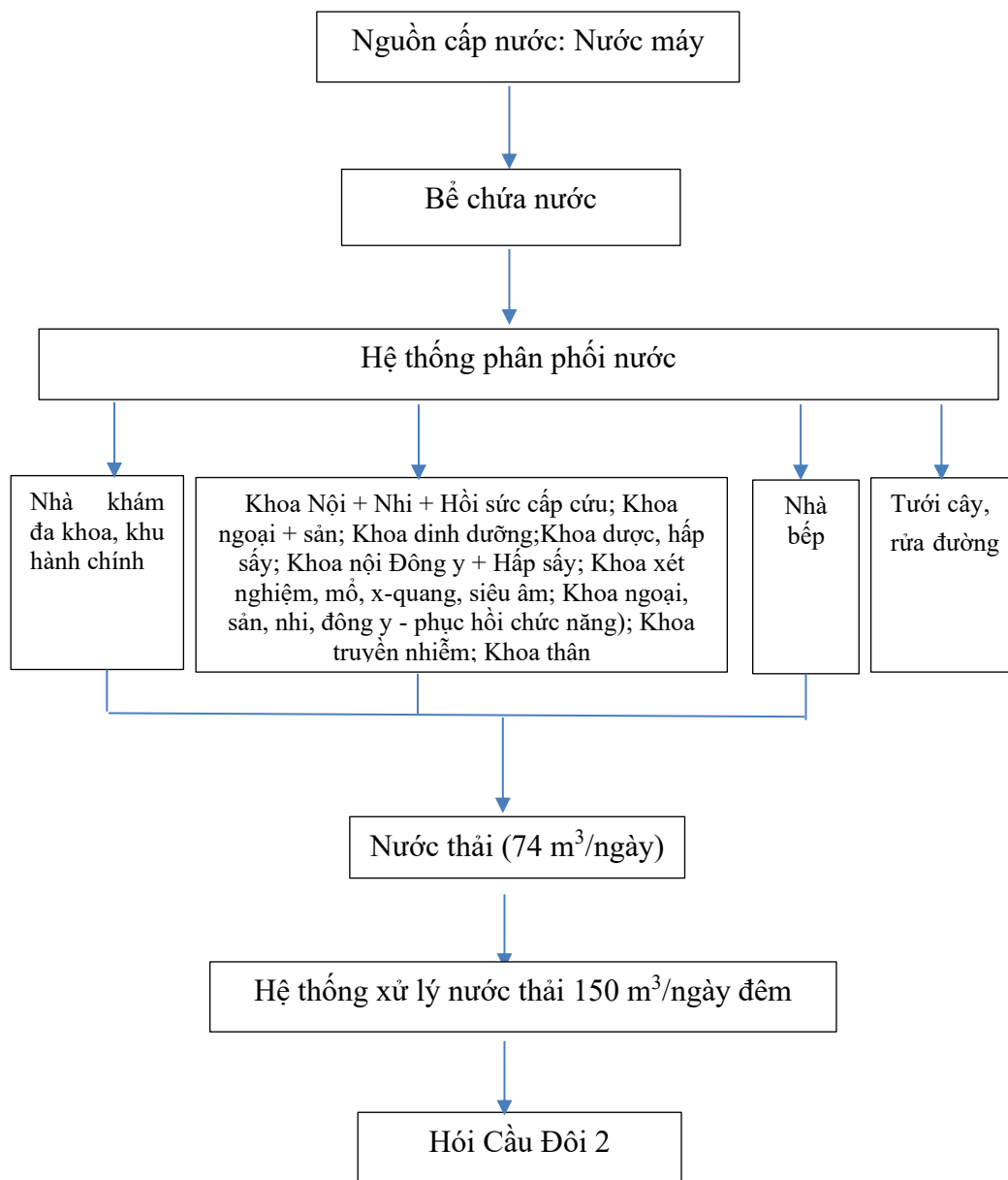
Lưu lượng nước thải lớn nhất của TTYT được xem xét trên cơ sở nhu cầu sử dụng nước theo định mức tiêu chuẩn cấp nước của TTYT được thống kê tại Bảng 1.5 Mục 1.4.1.2. Chương 1.

Theo đó, lựa chọn giá trị $92,53 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ là nhu cầu cấp nước tối đa để tính toán nhu cầu xả nước thải (nước tưới cây và rửa đường sẽ ngấm trong môi trường, không xả thải).

Căn cứ khoản 2.11.1 Quy chuẩn số 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng thì khối lượng nước thải TTYT được ước tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ.

Như vậy, với lượng nước tiêu thụ lớn nhất là $92,53 \text{ m}^3/\text{ngày}$ thì lưu lượng nước thải ngày lớn nhất của TTYT là $92,53 \times 80\% = 74 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Sơ đồ cân bằng nước trong quá trình hoạt động của TTYT được thể hiện chi tiết như sau:



Hình 3.4. Sơ đồ cân bằng nước

b) Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

Nước thải của TTYT từ các khu nhà khám chữa bệnh, nhà tắm giặt, nhà ăn ... bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh và nước thải từ việc lau rửa sàn nhà là 74 m³/ngày.đêm.

Nước thải của TTYT trước khi được dẫn về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung chung đã được xử lý sơ bộ theo 2 dòng, cụ thể như sau:

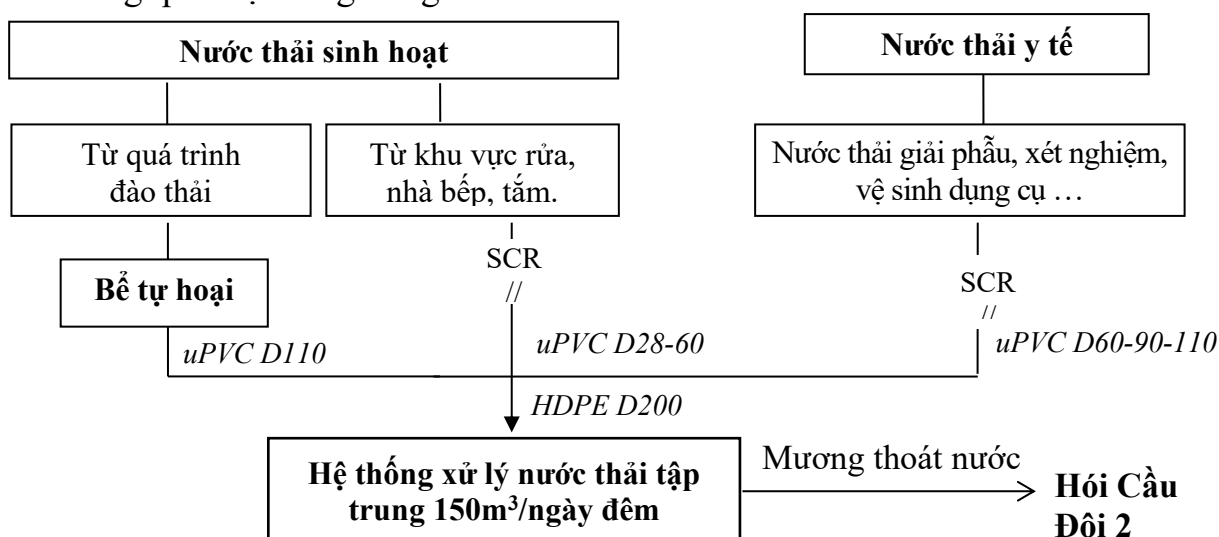
- Nước thải từ các bồn cầu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại loại 3 ngăn đặt ngầm dưới các khu nhà gồm 10 bể với tổng thể tích khoảng 85,5m³. Với thiết kế với thời gian lưu nước 2 ngày, có các vách ngăn lọc kỵ khí với hiệu suất xử lý đạt tới > 50% theo TSS và COD đối với nước thải sinh

hoạt (nước đen).

- Nước thải từ các hoạt động khám chữa bệnh, giặt giũ chăn, màn, nước chùi rửa sàn nhà, ... Nước thải này được thu gom về các hố ga có bố trí song chắn rác để tách rác và lắng cặn. Tại đây nước sẽ được tách rác bằng các lưới chắn bố trí ở đầu các tuyến gom nước thải, kết hợp tách văng xà phòng và dầu mỡ; đất cát và các tạp chất nặng có trong nước được giữ lại bể lắng cặn.

Hai dòng nước thải trên sau khi được xử lý sơ bộ chảy theo đường ống dẫn nước thải chung về hệ thống xử lý nước thải tập trung nằm ở góc phía Tây Nam TTYT để xử lý tiếp. Hệ thống đường ống dẫn nước thải của TTYT được xây dựng ngầm xung quanh khu nhà, tách biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

Tổng quát hệ thống thu gom nước thải của TTYT như sau:



Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của TTYT

- *Dòng nước thải sinh hoạt:*

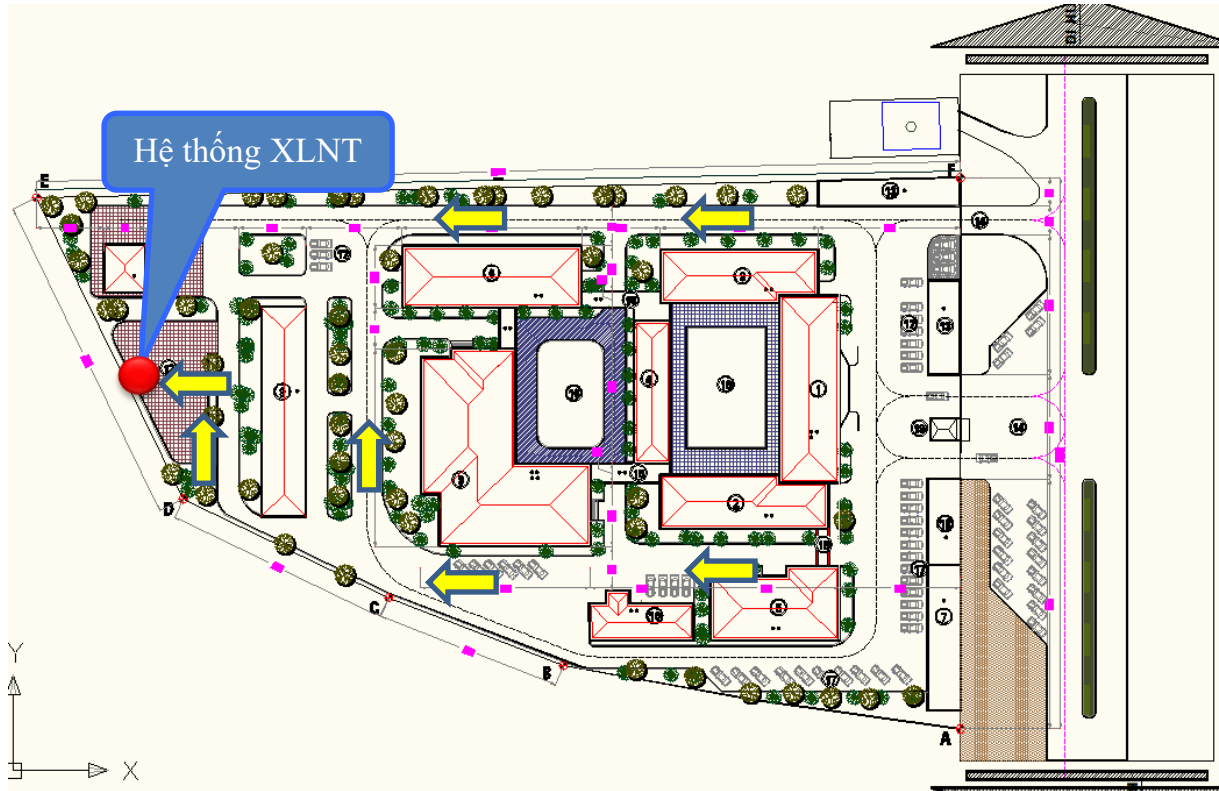
+ Nước thải từ quá trình đào thải của con người được thu gom vào các bể tự hoại đặt ngầm dưới các khu nhà để xử lý, sau đó thoát theo ống PVC D110 rồi chảy vào đường ống HDPE D200.

+ Nước thải từ nhà bếp, tắm rửa... chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn, sau đó thoát theo đường ống uPVC kích thước từ D34 - D90 rồi chảy vào đường ống đường ống HDPE D200.

- *Dòng nước thải y tế:* Phát sinh từ hoạt động chuyên môn của TTYT chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn, sau đó thoát theo đường ống uPVC kích thước từ D28 - D90 rồi chảy vào đường ống HDPE D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

* *Công trình thoát nước thải:*

Sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn (sau bể khử trùng) được dẫn thải bằng đường ống HDPE D200 thoát ra mương thoát nước phía Tây Nam của TTYT, sau đó chảy ra Hói Cầu Đồi 2 (tổng chiều dài thoát nước từ vị trí điểm xả thải đến điểm tiếp nhận Hói Cầu Đồi 2 là khoảng 35m) theo hình thức tự chảy.



Hình 3.6. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của TTYT

* *Điểm xả nước thải sau xử lý:*

Nước thải sau khi được xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột A, K= 1,2) được thoát ra mương thoát nước về phía Tây Nam của TTYT.

Vị trí điểm xả nước thải thuộc thôn Yên Long, Xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh., có tọa độ X(m) = 2047831; Y(m) = 509645 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hói Cầu Đồi 2 đoạn chảy qua thôn Yên Long, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

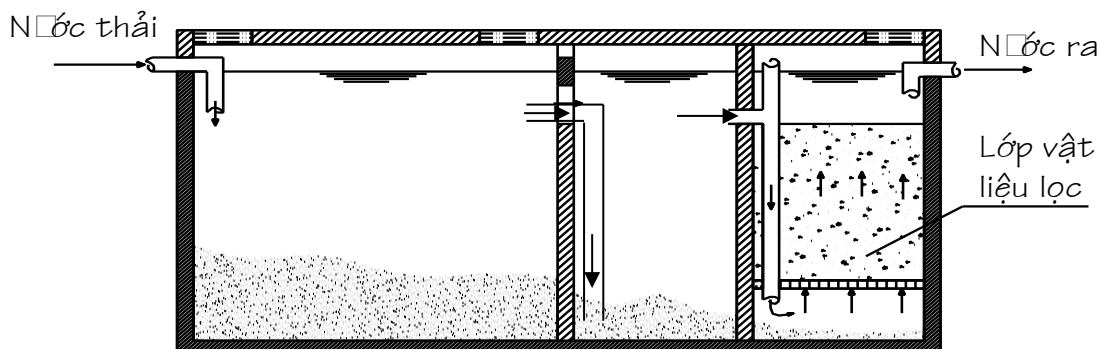
3.1.3. Công trình xử lý nước thải

3.1.3.1. Bể tự hoại

Bể tự hoại là công trình xử lý sơ bộ nước thải trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) có nồng độ ô nhiễm hữu cơ cao phát sinh từ các khu nhà vệ sinh sẽ được thu gom về xử lý sơ

bộ bằng phương pháp lên men kỵ khí tại các bể tự hoại Sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải theo hệ thống đường ống thoát nước thải của TTYT tới hệ thống xử lý tập trung.



Hình 3.7. Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt

Nguyên tắc làm việc của bể tự hoại là lắng và phân hủy cặn lắng trong điều kiện kỵ khí. Nước tiểu và phân được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của chúng. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc (cát, sỏi), và ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo nước. Bên trên lớp vật liệu có đặt máng nước tràn để thoát nước thải đã xử lý ra ngoài. Thời gian lưu nước tại bể tự hoại khoảng 1,5 ngày. Hiệu suất xử lý COD, BOD, TSS có thể đạt 70-75%. Lượng bùn cặn trong bể được thuê đơn vị có chức năng hút lên đưa đi xử lý định kỳ 2 năm/lần.

Áp dụng công thức tính thể tích cần thiết của bể tự hoại theo tài liệu *Giáo trình Công nghệ và công trình xử lý nước thải quy mô nhỏ*, PGS.TS Trần Đức Hạ - NXB Khoa học và Kỹ thuật, như sau:

Thể tích bể tự hoại: $W = W_1 + W_2$

Trong đó: W_1 : Thể tích phần lắng nước của bể (m^3)

W_2 : Thể tích phần chứa bùn (m^3)

Thể tích phần lắng: $W_1 = a \times N \times T$ (m^3) = $0,03 \times 371 \times 2 = 22,3 m^3$

Trong đó: a - Tiêu chuẩn thải nước ($m^3/người/ng.đ$);

$a = 0,03 m^3/người/ng.đ$ đối với bể tự hoại xử lý nước đen.

N - Số người sử dụng bể tự hoại: $N = 371$ người

T - Thời gian lưu tại bể (2 ngày)

Thể tích phần chứa bùn: $W_2 = b \times N$ (m^3) = $0,05 \times 371 = 18,55 m^3$

Trong đó: b - Tiêu chuẩn ngăn chứa bùn ($m^3/người$) ($b = 0,05$)

$W = W_1 + W_2 = 22,3 + 18,55 = 40,81 m^3$

Áp dụng hệ số an toàn $\alpha = 1,2$; chọn $W = 40,81 \times 1,2 = 49 m^3$.

Vậy, thể tích cần thiết của bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt là $V = 49 m^3$.

Hiện tại, TTYT đã có hệ thống bể tự hoại ngầm dưới các tòa nhà (10 bể) với tổng thể tích khoảng 85,5m³ trong đó có 7 bể được đầu tư từ trước (đưa vào sử dụng năm 2008) với thể tích 56m³, 3 bể tự hoại với thể tích 29,5 m³ dưới khu nhà 4 tầng (khoa ngoại, sản, nhi, đông y - phục hồi chức năng) được xây dựng năm 2024. Như vậy, với hệ thống bể tự hoại hiện trạng của TTYT có tổng thể tích 85,5 m³ (> 49 m³) đảm bảo xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

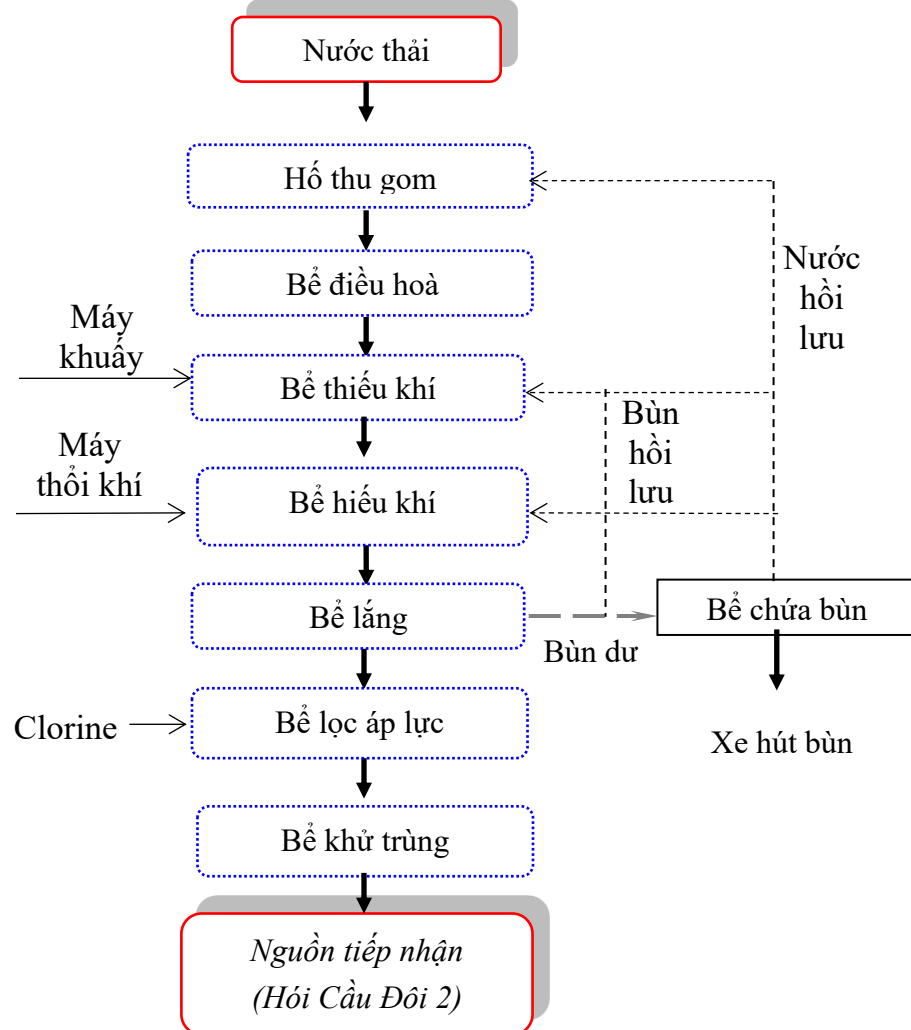
Sau khi xử lý qua bể tự hoại, nước thải sinh hoạt theo hệ thống đường ống thoát nước thải của TTYT tới hệ thống xử lý tập trung.

3.1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

a) Mô tả hệ thống xử lý nước thải hiện trạng:

TTYT hiện đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày đêm, được đầu tư xây dựng và vận hành từ năm 2010. Hằng năm thực hiện duy tu bảo dưỡng, sửa chữa. Năm 2025, TTYT đã hợp đồng với Công ty TNHH môi trường và xây dựng Đăng Châu thực hiện cải tạo hệ thống xử lý nước thải (sửa chữa, bổ sung thiết bị, đường ống công nghệ và nuôi cấy vi sinh) (Hợp đồng số HD2500203649_2512021448 ngày 03/12/2025).

Sơ đồ quy trình trạm xử lý nước thải như sau



Hình 3.8. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo chế độ bán tự động.

- Bể thu gom:

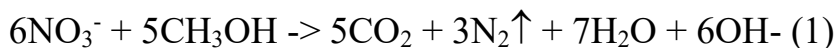
Nước thải được đưa vào bể thu gom nước thải có đặt rọ tách rác để tách rác vụn ra khỏi nước thải, tránh làm ảnh hưởng đến các thiết bị xử lý phía sau. Tại bể gom lắp đặt 1 máy bơm chìm để bơm nước thải sang bể điều hòa.

- Bể điều hoà:

Nước thải được đưa vào bể điều hoà nhằm mục đích ổn định nồng độ các chất ô nhiễm và xử lý sơ bộ. Tại bể điều hoà được cấp khí bằng hệ thống phân phối khí để khuấy trộn nước thải (tránh tạo điều kiện kỵ khí gây mùi hôi) đồng thời oxy hoá một lượng nhỏ các chất hữu cơ trong nước thải. Tại bể điều hoà lắp đặt 2 máy bơm chìm (1 hoạt động, 1 dự phòng) để bơm nước thải sang bể thiếu khí.

- Bể thiếu khí (Anoxic):

Bể này có nhiệm vụ là khử nitrat (NO_3^-) thành nitơ (N_2) giải phóng theo không khí và tiếp tục khử các hợp chất hữu cơ, làm giảm hàm lượng BOD trong nước thải. Trong ngăn này, lượng oxy hòa tan thấp $\text{DO} \sim 0,5 \text{ mg/L}$ và $\text{pH} > 7,5$ để quá trình khử nitrat diễn ra đạt hiệu quả cao. Quá trình khử nitrat diễn ra theo phản ứng sau:



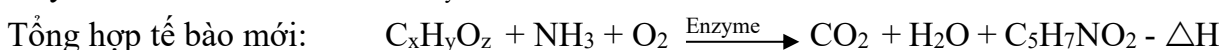
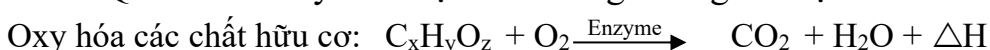
Sau đó nước thải tiếp tục được chuyển sang ngăn hiếu khí để thực hiện quá trình oxy hóa các hợp chất hữu cơ còn lại.

Trong bể thiếu khí được thiết kế hệ thống đảo nước, motor khuấy mục đích làm khuấy động dòng nước tạo điều kiện cho vi sinh vật thiếu khí hoạt động trên toàn bộ bể và tránh không cho bùn lắng phía dưới đáy bể. Từ bể thiếu khí nước thải tiếp tục dẫn qua bể hiếu khí bằng ống thông đáy và thực hiện quá trình xử lý sinh học tiếp theo.

- Bể hiếu khí:

Nước thải từ bể thiếu khí chảy vào bể hiếu khí. Trong bể diễn ra quá trình phân hủy sinh học hiếu khí. Vi sinh vật hiếu khí sử dụng O_2 và các chất hữu cơ để phân hủy sinh học gây ô nhiễm, để đáp ứng nhu cầu năng lượng của tế bào đồng thời tổng hợp tế bào. Do đó làm giảm lượng chất gây ô nhiễm.

Quá trình xử lý sinh học hiếu khí gồm 3 giai đoạn:



Quá trình nitrat hóa chịu trách nhiệm bởi *Nitrosomonas* và *Nitrobacter*.



- Bể lắng:



Hình 3.9. Khu xử lý nước thải

Nước thải được tiếp tục dẫn vào bể lắng ngang và phân phối đều theo chiều ngang của bể. Nước thải chuyển động với vận tốc nhỏ, tương đối ổn định theo chiều dài bể, tạo điều kiện cho các bông cặn, chất rắn lơ lửng và các chất có tỷ trọng lớn hơn nước lắng xuống đáy dưới tác dụng của trọng lực. Phần nước trong phía trên được thu gom và dẫn sang công đoạn xử lý tiếp theo. Lượng bùn lơ lửng sẽ được lắng xuống đáy bể. Để đảm bảo bù đắp lại lượng bùn từ bể hiếu khí bị thất thoát khi dẫn sang bể lắng nhằm ổn định quá trình xử lý hiếu khí, một phần bùn ở bể lắng sẽ được bơm tuần hoàn trở lại bể hiếu khí và bể thiếu khí, phần bùn dư từ bể lắng đưa về bể chứa bùn.

- Bồn lọc áp lực: Nước sau công đoạn xử lý sinh học được bơm vào bồn lọc áp lực dạng kín bằng composite kích thước $D \times H = 0,6 \times 1,85(m)$. Bên trong được bố trí các lớp vật liệu lọc, gồm: lớp sỏi đỡ, lớp cát thạch anh. Nước được phân phối vào phía trên bồn và chảy qua các lớp vật liệu lọc dưới tác dụng của áp lực. Trong quá trình lọc, cát thạch anh có tác dụng giữ lại cặn lơ lửng, cặn mịn và các hạt vật chất còn lại trong nước;

Nước sau khi đi qua các lớp vật liệu lọc được thu tại hệ thống thu nước phía đáy bồn và dẫn sang công đoạn xử lý tiếp theo. Sau một thời gian vận hành, khi vật liệu lọc tích tụ cặn và khả năng lọc giảm, tiến hành rửa ngược bồn bằng nước sạch. Nước rửa được đưa từ phía dưới lên, làm giãn nở và đảo trộn lớp vật liệu lọc, cuốn cặn ra ngoài và được thu gom về hệ thống xử lý để tiếp tục xử lý. Bồn lọc sau khi hoàn thành quá trình rửa được đưa về chế độ lọc bình thường. Nước sau lọc được thu gom và dẫn đến công đoạn xử lý tiếp theo.

- Bể khử trùng:

Nước sau khi qua bể lắng sẽ được dẫn sang bể khử trùng. Tại bể khử trùng sẽ bổ sung hóa chất khử trùng, để loại bỏ hoàn toàn vi sinh vật gây hại còn sót lại trong nước thải. Hóa chất được lưu chứa trong bồn và bơm tự động vào bể khử trùng. Khi pha hóa chất tại bồn hệ thống cấp khí được cấp vào nhằm mục đích khuấy trộn hóa chất khử trùng. Dưới tác dụng của Clo, các vi khuẩn có hại sẽ được xử lý trước khi nước thải được thải ra môi trường.

- Bể chứa bùn:



Hình 3.10. Hệ thống tủ điện và bồn lọc áp lực



Hình 3.11. Bể khử trùng

Bể chứa bùn có mục đích là chứa bùn dư từ hệ thống XLNT. Bùn định kỳ được thuê đơn vị có chức năng đến hút đưa đi xử lý. Nước thải từ bể chứa bùn được thu gom về hố thu gom để tiếp tục quá trình xử lý.

Nước thải sau khi được khử trùng thải ra đảm bảo đạt theo cột A của QCVN 28:2010/BTNMT-Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

Bảng 3.2. Các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng

TT	Tên bể	Diện tích (m ²)	Thể tích (m ³)	Kích thước DxRxH (m)	Thời gian lưu (h)	Thiết bị lắp đặt trong bể
1	Bể thu gom (1 bể, 3 ngăn)	16,8	33,6	4,8 x 3,5 x 2,0	5	Rọ chắn rác, bơm nước thải chìm
2	Bể điều hòa (01 bể)	13	25,92	3,6x 3,6x2,0	4	Bơm nước thải chìm
3	Bể thiếu khí (01 bể)	12,24	24,48	3,6x 3,4 x2,0	4	Hệ thống phân phối khí
4	Bể hiếu khí (01 bể)	17,85	35,7	5,25x3,4x2,0	6	Hệ thống phân phối khí
5	Bể lắng (01 bể)	18,9	37,8	5,25x3,6x2,0	6	Bơm nước thải chìm, bơm bùn
6	Bồn lọc áp lực	-	0,52	0,6x1,85	-	Vật liệu lọc: sỏi, cát thạch an.
7	Bể khử trùng	-	0,5	0,8x1,14	-	Phao, hệ thống châm clo tự động
8	Bể chứa bùn (01 bể)	52,8	105,6	11x4,8x2,0	-	Bơm bùn

(Nguồn: Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải năm 2025)

*** Quy trình vận hành như sau:**

- Bước 1: Kiểm tra toàn bộ hệ thống

Trước khi vận hành hệ thống, yêu cầu người vận hành phải kiểm tra toàn bộ hệ thống thiết bị trong hệ thống trạm xử lý nước thải trước khi chúng hoạt động, bao gồm:

- + Kiểm tra các thiết bị điện.
- + Kiểm tra công tắc của tất cả các thiết bị điện đã ở vị trí OFF hoặc STOP hay chưa.
- + Kiểm tra các van trên đường ống đã đúng vị trí đóng/mở phù hợp với quy trình vận hành hay chưa.

+ Kiểm tra tình trạng các thiết bị, máy móc, động cơ, van, các thiết bị đo... và sẵn sàng hoạt động chưa.

+ Kiểm tra dung dịch hóa chất trong bồn pha chế hóa chất còn đủ cho hệ thống hoạt động không.

+ Kiểm tra nước thải có đủ cho hệ thống hoạt động.

+ Kiểm tra nước sạch cung cấp đủ cho hệ thống hoạt động hay không.

- Bước 2: Khởi động toàn bộ hệ thống

Sau khi kiểm tra toàn bộ hệ thống và không nhận thấy có gì bất thường thì nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải có thể cho hệ thống hoạt động.

* Điều khiển hệ thống:

- Bước 1: Bật Atomat tổng để cấp điện cho hệ thống.

- Bước 2: Kiểm tra hiệu điện thế trên Vol kế ở các pha, hệ thống chỉ được phép hoạt động khi chắc chắn các giá trị đo ứng với từng pha.

- Bước 3: Bật Atomat của các đối tượng muốn điều khiển.

- Bước 4: Điều khiển đối tượng ở chế độ bằng tay hoặc tự động.

* Điều khiển bằng tay:

+ Để chuyển về chế độ điều khiển bằng tay, người vận hành thao tác chuyển công tắc xoay “Chế độ điều khiển” về vị trí “Man”

+ Ở chế độ điều khiển này, người vận hành thực hiện thao tác điều khiển thiết bị hiện trường thông qua công tắc xoay của từng đối tượng điều khiển gắn trên panel.

+ Công tắc nhấn có 2 vị trí (ON/OFF)

+ Để điều khiển mở hoặc tắt đối tượng ở chế độ này, người vận hành nhấn công tắc về vị trí ON hoặc OFF.

* Điều khiển thông ở chế độ tự động:

+ Để chuyển về chế độ điều khiển bằng tay, người vận hành thao tác chuyển công tắc xoay “Chế độ điều khiển” về vị trí “Auto”.

- Bước 3: Pha hóa chất

+ Các bước tiến hành pha hóa chất.

+ Bật công tắc điều khiển bơm chuyển hóa chất về vị trí OFF/STOP.

+ Kiểm tra tình trạng bồn, van.

+ Đóng van xả đáy.

+ Cho nước sạch vào bồn đến mức quy định, sau đó khóa van nước sạch lại.

+ Cho lượng hóa chất phù hợp vào và bật máy khuấy hoạt động cho tới khi hóa chất tan hết thì vớt máy khuấy.

+ Mở các van trên đường hút của bơm chuyển hóa chất (nếu có).

+ Bật công tắc điều khiển máy bơm chuyển hóa chất tại vị trí AUTO.

- Bước 4: Kiểm tra thông số các bể xử lý

+ Nồng độ bùn trong bể sinh học.

+ Hàm lượng hóa chất trong bể.

- Bước 5: Kiểm tra hệ thống nước sau xử lý

+ Kiểm tra nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định hay chưa. Người vận hành chỉ có thể kiểm tra gián tiếp qua các chỉ số cơ bản (pH, mùi, màu, độ trong, bọt khí, hiện tượng lắng...). Nước thải sau xử lý đạt chuẩn mới cho phép xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Nếu không đạt thì phải kiểm tra lại toàn bộ hệ thống xử lý và khắc phục ngay.

- Bước 6: Ghi chép nhật ký vào báo cáo

+ Người vận hành phải phân tích và ghi chép lại các kết quả thí nghiệm cũng như những hiện tượng quan sát được bằng cảm quan vào: “Nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải”.

*** Công tác duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải:**

- Định kỳ hằng ngày (người vận hành thực hiện):

+ Kiểm tra tình trạng bơm, máy thổi khí, tủ điện điều khiển.

+ Kiểm tra mực nước trong bể, tình trạng bọt khí, màu và mùi nước thải.

+ Bổ sung hóa chất khử trùng, dinh dưỡng (nếu có) theo quy định.

+ Ghi chép nhật ký vận hành (giờ vận hành, tình trạng thiết bị, các bất thường).

- Định kỳ hàng tháng, các thiết bị cần được kiểm tra như sau:

+ Máy bơm và motor đi kèm: 01 tháng/lần

+ Tủ điều khiển: 01 tháng/lần

+ Đường cáp điện và điện điều khiển: 01 tháng/lần

+ Đường ống dẫn nước thải và dẫn khí: 01 tháng/lần

- Tùy vào tình trạng của hệ thống xử lý để đề xuất, cải tạo, nâng cấp hàng năm (nếu cần).

3.2. Công trình, biện pháp BVMT đối với bụi, khí thải

** Biện pháp giảm thiểu khí thải, mùi từ hoạt động chuyên môn:*

- Thực hiện quy trình vệ sinh TTYT, quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn TTYT đúng hướng dẫn của Bộ Y tế, nhằm giảm nguy cơ lây nhiễm cho người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng. Để tránh nhiễm khuẩn mắc phải tại TTYT, các phòng phẫu thuật, phòng hồi sức tích cực được bố trí hệ thống thông khí theo tiêu chuẩn.

- Các phòng khám, điều trị, chẩn đoán có hệ thống cửa sổ, hệ thống thông khí, quạt hút để trao đổi không khí, thông thoáng và giảm nhanh nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí.

- Trong khuôn viên TTYT được trồng cây xanh theo đúng tỷ lệ quy hoạch. Cây xanh vừa tạo cảnh quan vừa góp phần giảm thiểu ô nhiễm bụi, không khí trong TTYT.

- Thực hiện thu gom chất thải đúng tần suất quy định để tránh gây mùi hôi.

- Thường xuyên lau dọn, vệ sinh khử khuẩn nơi làm việc, phòng bệnh.
- * *Giảm thiểu khí thải, mùi từ khu vực xử lý nước thải và tập kết rác:*
- Tuân thủ đúng quy định về quản lý chất thải y tế trong TTYT theo Thông tư 20/2021/TT-BYT. Tuyệt đối không vứt rác bên ngoài và lưu chứa rác quá thời gian quy định để ngăn ngừa phát tán ô nhiễm, mùi hôi ra môi trường.
- Dùng chế phẩm vi sinh để khử mùi và làm vệ sinh thường xuyên tại các khu tập kết rác...
- Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải luôn được đầy kín và có lắp ống thông hơi lên cao. Xung quanh khu vực này cũng được trồng nhiều cây xanh hơn để điều hòa không khí, hạn chế mùi.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước để phát hiện, sửa chữa kịp thời, tránh rò rỉ chất bẩn.
- * *Hạn chế bụi, khí thải từ phương tiện giao thông:*
- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ sân, hành lang, đường nội bộ.
- Kiểm soát vận tốc đối với phương tiện ra vào TTYT để hạn chế bụi trong không khí.

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BVMT ĐỐI VỚI CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.3.1. Khối lượng, chủng loại phát sinh

Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh thực tế trong hai năm gần đây và ước tính khối lượng phát sinh với quy mô 170 giường bệnh tại TTYT như sau:

Bảng 3. 3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại TTYT

TT	Chất thải thông thường	Năm 2024	Năm 2025
1	Chất thải rắn sinh hoạt thông thường	70.800 kg	81.040 kg
2	Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;	1.200 kg	2.110 kg
3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;		
4	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực;		
5	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;		
6	Chất thải lây nhiễm sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;		
7	Bùn thải từ bể tự hoại	1,1 m ³ /tháng	1,1m ³ /tháng

TT	Chất thải thông thường	Năm 2024	Năm 2025
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH	0,2 m ³ /tháng	0,2 m ³ /tháng
9	Bùn cặn từ quá trình nạo vét hệ thống thu gom nước thải, nước mưa	2 m ³ /lần nạo vét/năm	2 m ³ /lần nạo vét/năm

(Nguồn: *Trung tâm Y tế Đức Thọ*)

Như vậy, qua Bảng thống kê thực tế tại TTYT, cho thấy mỗi năm phát sinh khoảng 72.000 kg/năm đến 83.150 kg/năm chất thải rắn thông thường, tương đương khoảng 197,3 kg/ngày đến 227,8 kg/ngày.

3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Phân loại chất thải rắn thông thường:

- Thực hiện tương tự như chất thải y tế nguy hại, tất cả các nhân viên y tế của TTYT đều có trách nhiệm thực hiện phân loại chất thải y tế ngay tại nơi phát sinh và thời điểm phát sinh vào các bao bì, dụng cụ, thiết bị (túi, thùng, hộp, can) lưu chứa chất thải có màu sắc, cấu tạo, biểu tượng theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế.

+ Đối với chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được thu gom vào túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu xanh. Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng khuẩn.

+ Đối với chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế được thu gom vào túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu trắng.

- Vị trí đặt dụng cụ phân loại chất thải: Mỗi khoa, phòng, bộ phận đều được bố trí vị trí để đặt các bao bì, dụng cụ phân loại chất thải rắn thông thường đầy đủ. Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế được gắn bảng hướng dẫn cách phân loại và thu gom chất thải.

Trường hợp chất thải rắn thông thường để lẫn vào chất thải y tế lây nhiễm thì hỗn hợp chất thải đó phải thu gom, lưu giữ và xử lý như chất thải lây nhiễm và tiếp tục thực hiện quản lý theo tính chất của chất thải sau xử lý.

b) Thu gom chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế và chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được TTYT thu gom riêng.

c) Lưu giữ chất thải rắn thông thường

Toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của TTYT được phân loại, lưu chứa theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

Tại khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường được bố trí 04 thùng chứa riêng biệt, mỗi thùng có dung tích khoảng 120 lít, có nắp đậy kín.

- Khu vực lưu chứa:

+ Vị trí: Chất thải rắn thông thường được chứa tại 01 phòng để lưu giữ tạm thời trước khi bàn giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 16,0 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu nhà cấp 4, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.



Hình 3.12. Khu vực lưu giữ chất thải

d) Biện pháp xử lý:

- Đối với chất thải thông thường

+ Chất thải rắn sinh hoạt: TTYT hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ môi trường Đức Yên vận chuyển đưa đi xử lý. Tần suất 01 lần/ngày (*Hợp đồng số 01/2026-2027HD ngày 01/01/2026, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2027*). Chi tiết đính kèm tại phụ lục báo cáo.

+ Chất thải y tế thông thường không có thành phần nguy hại (như chất thải sắc nhọn không lây nhiễm và chất thải thông thường khác): được hợp đồng với Công ty CP xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân vận chuyển đi xử lý (*Hợp đồng số 01.06/2026/HĐXLCTNH/HGQ-YTĐT ngày 01/06/2026*) Chi tiết đính kèm tại phụ lục báo cáo). Tần suất 02 ngày/lần.

+ Đối với chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT như: giấy, báo bìa, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy không chứa yếu tố lây nhiễm hoặc đặc tính nguy hại, các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất, chai nước giải khát bằng nhựa và sản phẩm bằng nhựa khác không thải ra từ phòng điều trị cách ly, các chai nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn) không chứa yếu tố lây nhiễm, yếu tố nguy hại, các vỏ chai, lọ, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ, v.v... được TTYT chuyển giao cho cơ sở thu mua, tái chế theo quy định.

Khi bàn giao, thực hiện ký nhận trong Biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

*** Đối với bùn cặn:**

- Bùn cặn từ bể tự hoại và bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được phân định không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH. Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu chứa tại bể chứa bùn và bùn cặn từ bể tự hoại được TTYT định kỳ thuê đơn vị có chức năng 2 năm/lần hút lên, vận chuyển đưa đi xử lý.

- Bùn cặn từ quá trình nạo vét hệ thống thu gom nước thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Phương án nạo vét bùn của các hệ thống thu gom và thoát nước thải của bệnh viện: Để đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước thải hoạt động ổn định, không gây tắc nghẽn, phát sinh mùi hôi và không ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh của TTYT, việc nạo vét bùn tại các hố ga, bể thu gom, bể lắng sơ bộ và tuyến cống thoát nước thải được thực hiện theo phương án sau:

+ Hệ thống thu gom và thoát nước thải được kiểm tra, theo dõi định kỳ nhằm phát hiện sớm tình trạng bùn lắng, tắc nghẽn hoặc phát sinh mùi hôi để có kế hoạch nạo vét kịp thời.

+ Việc nạo vét bùn được thực hiện định kỳ khoảng 06 tháng/lần hoặc khi lượng bùn lắng chiếm khoảng 1/3 thể tích hữu ích của công trình. Đối với các vị trí có nguy cơ lắng đọng cao như bể thu gom, hố ga thu nước đầu vào, khu vực nhà bếp, ... tần suất kiểm tra được tăng cường để đảm bảo khả năng thu gom, thoát nước liên tục.

+ Công tác nạo vét được bố trí thực hiện ngoài giờ cao điểm khám chữa bệnh hoặc vào ban đêm nhằm hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn, đi lại của bệnh nhân và nhân viên y tế.

+ Trước khi nạo vét, đơn vị vận hành tiến hành cô lập khu vực thi công, đặt biển cảnh báo, che chắn và chuẩn bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị thông gió, khử mùi nhằm đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường trong khuôn viên bệnh viện.

+ Bùn thải được hút bằng xe hút chuyên dụng hoặc bơm hút kín nhằm hạn chế phát tán mùi hôi và nước thải ra môi trường xung quanh. Trong quá trình thực hiện có sử dụng chế phẩm khử mùi, phun dung dịch khử khuẩn tại khu vực thi công khi cần thiết.

+ Toàn bộ lượng bùn nạo vét được thu gom vào thiết bị chứa kín, không để rơi vãi; sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế.

+ Sau khi hoàn thành nạo vét, các tuyến cống, hố ga và bể thu gom được vệ sinh sạch sẽ, kiểm tra khả năng thoát nước, khử khuẩn khu vực thực hiện nhằm đảm bảo hệ thống vận hành bình thường, không phát sinh mùi hôi, không ảnh hưởng đến môi trường bệnh viện và khu vực xung quanh.

+ TTYT bố trí cán bộ kỹ thuật hoặc đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải theo dõi, ghi chép nhật ký kiểm tra, bảo dưỡng và nạo vét định kỳ để phục vụ công tác quản lý môi trường và vận hành hệ thống lâu dài.

3.3.3 Biện pháp BVMT đối với chất thải rắn sinh hoạt

Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong TTYT được phân loại, thu gom, lưu chứa như đã trình bày ở mục chất thải rắn thông thường như trên, tuân thủ quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, Quyết

định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CHẤT THẢI NGUY HẠI

3.4.1. Khối lượng, chủng loại phát sinh

** Chất thải y tế nguy hại:*

Thành phần chất thải y tế nguy hại bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm. Trong đó các loại có khả năng phát sinh tại TTYT như sau:

- Chất thải lây nhiễm phát sinh tại TTYT bao gồm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn bao gồm kim tiêm, bơm liên kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ, đinh, cưa dùng trong phẫu thuật, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh;

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh; vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ; chất thải lây nhiễm dạng lỏng (bao gồm dịch dẫn lưu sau phẫu thuật, thủ thuật y khoa, dịch thải bỏ chứa máu của cơ thể người hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh);

+ Chất thải giải phẫu bao gồm mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ;

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh tại TTYT bao gồm:

+ Hóa chất thải bỏ có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;

+ Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;

+ Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;

+ Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân; pin, ắc quy thải bỏ; vật liệu tráng chì sử dụng trong ngăn tia xạ thải bỏ;

+ Chất thải y tế khác có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.

** Khối lượng phát sinh:*

Khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh thực tế trong hai năm gần đây tại TTYT được thống kê như sau:

Bảng 3.4. Khối lượng phát sinh chất thải y tế nguy hại

TT	Nhóm Chất thải y tế nguy hại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg)	
			2024	2025
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	1.095	355
	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn		2.800	8.928
	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao		730	250

TT	Nhóm Chất thải y tế nguy hại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg)	
			2024	2025
	Chất thải giải phẫu		365	208
2	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	0	0
3	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	25	192
	Tổng số		5.015	9.933

(Nguồn: Số liệu thống kê hàng năm của Trung tâm Y tế Đức Thọ)

Như vậy, qua Bảng thống kê thực tế tại TTYT, cho thấy mỗi năm phát sinh khoảng 5.015 kg đến 9.933 kg chất thải y tế nguy hại, tương đương khoảng 13,74 kg/ngày đến 27,21 kg/ngày.

Tác động của chất thải rắn y tế nguy hại rất đáng chú ý bởi ngay khi phát sinh đến khâu xử lý cuối cùng đều có thể gây ra tác động xấu đến con người và môi trường. Trong các khâu phân loại, thu gom, vận chuyển, chất thải y tế có thể phát tán vào môi trường không khí các tác nhân như bụi rác, bào tử vi sinh vật gây bệnh, dung môi, hóa chất... làm ô nhiễm, suy giảm chất lượng môi trường không khí, nước, đất khu vực. Từ đó lan truyền các tác nhân trên đến con người khi hít phải không khí ô nhiễm trong TTYT.

Nếu chất thải rắn y tế không được quản lý đúng, mà đổ thải bừa bãi sẽ dẫn đến sự phát tán các vi sinh vật gây bệnh, hóa chất độc hại... vào trong đất làm ô nhiễm đất, mất cân bằng hệ vi sinh trong đất, lan truyền mầm bệnh trong môi trường đất. Một số vi sinh vật gây bệnh gây ô nhiễm môi trường đất chủ yếu là trực khuẩn lỵ, trực khuẩn thương hàn, phẩy khuẩn tả, ký sinh trùng (giun sán). Ngoài ra, khi lưu trữ một lượng lớn chất thải hóa học dễ cháy, đặc biệt là các chất thải hóa học dễ phản ứng cùng với nhau, nguy cơ cháy nổ là rất lớn. Ngoài ra, trong TTYT có bình chứa áp suất dễ cháy nổ khi bị thủng hay thiêu đốt, khi phát cháy diện rộng sẽ không kiểm soát được sự phát tán các tác nhân gây bệnh trong TTYT ra môi trường xung quanh.

** Chất thải nguy hại khác:*

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại bao gồm các loại chất thải từ pin-ắc quy thải được thống kê ở Bảng sau:

Bảng 3.5. Thống kê khối lượng một số loại chất thải nguy hại khác

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Pin - ắc quy thải	NH	Rắn	16 01 12	1,0
	Tổng				1,0 kg/tháng

** Đối tượng, phạm vi, mức độ tác động của chất thải nguy hại:*

Đối tượng chịu tác động chính của chất thải rắn y tế nguy hại bao gồm: Cán bộ và bệnh nhân trong TTYT, đặc biệt là nhân viên thu gom, vận chuyển chất thải, chất lượng môi trường (đất, không khí, nước) xung quanh khu vực để chất thải. Mức độ tác động của chất thải rắn y tế nếu không được thu gom, xử lý đúng quy định là lớn. Phạm vi thời gian tác động của chất thải y tế diễn ra trong suốt quá trình hoạt động của TTYT và các tác động gián tiếp có thể ảnh hưởng lâu dài về sau.

3.4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a) *Phân loại chất thải y tế nguy hại:*

Tất cả các nhân viên y tế của TTYT đều có trách nhiệm thực hiện phân loại chất thải y tế nguy hại ngay tại nơi phát sinh và thời điểm phát sinh vào các bao bì, dụng cụ, thiết bị (túi, thùng, hộp, can) lưu chứa chất thải có màu sắc, cấu tạo, biểu tượng theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế.

- TTYT đã bố trí đầy đủ bao bì (túi), dụng cụ (thùng, hộp, can), thiết bị lưu chứa chất thải y tế đảm bảo lưu chứa an toàn chất thải, có khả năng chống thấm, chống rò rỉ với nhiều kích thước khác nhau. Trên bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải được ghi tên và biểu tượng theo quy định. Tổng số thùng rác của TTYT hiện nay khoảng 210 thùng các loại.

- Các dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải đều có nắp đóng, mở thuận tiện trong quá trình sử dụng, có thể tái sử dụng sau khi đã được làm sạch và khử khuẩn.

- Dụng cụ đựng chất thải sắc nhọn có thành, đáy cứng, kháng thủng, miệng thùng, dụng cụ được thiết kế an toàn tránh tràn đổ, rơi vãi chất thải ra bên ngoài.

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm có nắp đậy kín và chống được sự xâm nhập của các loài động vật.

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa hóa chất phải được làm bằng vật liệu không có phản ứng với chất thải lưu chứa và có khả năng chống được sự ăn mòn nếu lưu chứa chất thải có tính ăn mòn.

Bảng 3.6. Màu sắc của bao bì, dụng cụ lưu chứa chất thải y tế nguy hại

	Phân loại chất thải y tế	Bao bì, dụng cụ, thiết bị
CTNH lây nhiễm	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Thùng hoặc hộp kháng thủng và có màu vàng
	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	Thùng có lót túi và có màu vàng
	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	Thùng có lót túi và có màu vàng
	Chất thải giải phẫu	2 lần túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng
	Chất thải lây nhiễm dạng lỏng	Túi kín hoặc dụng cụ lưu chứa chất lỏng và có nắp đậy kín

	Phân loại chất thải y tế	Bao bì, dụng cụ, thiết bị
CTNH không lây nhiễm	Chất thải nguy hại không lây nhiễm ở dạng rắn	Túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu đen;
	Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng	Dụng cụ lưu chứa chất lỏng có nắp đậy kín, có mã, tên loại chất thải lưu chứa

- Vị trí đặt dụng cụ phân loại chất thải: Mỗi khoa, phòng, bộ phận đều được bố trí vị trí để đặt các bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế đầy đủ. Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế được gắn bảng hướng dẫn cách phân loại và thu gom chất thải.

Trường hợp chất thải lây nhiễm để lẫn với chất thải khác thì hỗn hợp chất thải đó phải thu gom, lưu giữ và xử lý như chất thải lây nhiễm và tiếp tục thực hiện quản lý theo tính chất của chất thải sau xử lý.

b) Thu gom chất thải y tế nguy hại:

Thu gom chất thải y tế là quá trình tập hợp chất thải y tế từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên TTYT.

- Thu gom chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải tạm thời trong cơ sở y tế. Trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín;

+ Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm tại TTYT là một lần một ngày.

- Thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong cơ sở y tế;

+ Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp, bảo đảm không bị rò rỉ, phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.

- Phương tiện sử dụng:

+ Xe đẩy chuyên dụng có dán nhãn dành riêng cho từng loại chất thải và màu sắc theo mã màu quy định, có thành, nắp và đáy kín, để cho chất thải vào, dễ lấy chất thải ra, dễ làm sạch, tẩy uế, làm khô.

+ Người vận chuyển không được để quá đầy chất thải trong xe, luôn đậy nắp khi vận chuyển và không được để rò rỉ nước thải hoặc rơi vãi chất thải trên đường vận chuyển. Nếu để nước thải hoặc chất thải rơi vãi trên đường vận chuyển, người vận chuyển phải dừng xe và tiến hành lau, thu gom ngay chất thải bị rơi vãi.

+ Khi vận chuyển chất thải trong thang máy, người vận chuyển không được để nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và sinh viên đi cùng. Thang máy sau mỗi lần vận chuyển chất thải cần được nhân viên vận chuyển lau khử khuẩn toàn bộ bề mặt của thang máy.

+ Nhân viên vận chuyển phải mặc quần áo bảo hộ, đội mũ, đeo khẩu trang và găng tay trong suốt quá trình vận chuyển. Không được xách túi chất thải trong quá trình vận chuyển. Xe vận chuyển chất thải phải được cọ rửa, làm sạch ngay sau mỗi lần thu gom.

+ Khi vận chuyển chất thải lỏng, yêu cầu bao gói phải kín, đảm bảo không để thấm, chảy ra ngoài. Vận chuyển chất thải chịu áp lực phải chèn, chống va đập.

* Chất thải nguy hại khác (pin, ác quy,...): Bố trí 01 thùng chuyên dụng, dung tích khoảng 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại để lưu chứa chất thải nguy hại khác.

c) Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

TTYT đã xây dựng Nhà chứa chất thải có diện tích 16m² gồm 2 phòng: 01 phòng lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 8m² và 01 phòng lưu chứa chất thải thông thường có diện tích 8 m² bố trí ở phía Tây Nam của TTYT, gần khu vực xử lý nước thải. Hiện trạng khu vực lưu chứa là nhà cấp 4, có mái che, tường xây bao quanh; biển cảnh báo; có thùng, dụng cụ, thiết bị lưu giữ riêng, có nắp đậy kín và biểu tượng theo quy định cụ thể: 04 thùng chuyên dụng, mỗi thùng có dung tích khoảng 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại (01 thùng đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm, 01 thùng đựng chất thải lây nhiễm sắc nhọn, 02 thùng đựng chất thải lây nhiễm không sắc nhọn); có thiết bị phòng cháy chữa cháy, dụng cụ, vật liệu ứng phó sự cố (cát, xẻng, thùng chứa...) theo quy định.

- Các chất thải khác nhau nhưng cùng áp dụng một phương pháp xử lý được lưu giữ trong cùng một dụng cụ, thiết bị lưu chứa.

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải được thường xuyên vệ sinh sạch sẽ và khử khuẩn.



Hình 3.13. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại của TTYT

* Chất thải nguy hại khác:

Bố trí 01 thùng chuyên dụng, dung tích khoảng 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại để lưu chứa chất thải nguy hại khác (pin, ác quy,...)

d) Chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị vận chuyển, xử lý

Tất cả các loại chất thải y tế nguy hại sẽ hợp đồng được hợp đồng với Công ty CP xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân vận chuyển đi xử lý ((Hợp đồng số 01.06/2026/HĐXLCTNH/HGQ-YTĐT ngày 01/06/2026). Tần suất vận chuyển: 02 ngày/lần. Khi bàn giao, thực hiện ký nhận trong sổ giao nhận và chứng từ chất thải nguy hại theo Mẫu số 04, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây). Hàng năm, thực hiện Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường và Sở Y tế theo quy định.

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

TTYT là khu vực có yêu cầu cao về sự yên tĩnh nhằm đảm bảo môi trường khám, chữa bệnh và nghỉ ngơi cho người bệnh. Do đó, các hoạt động trong khuôn viên TTYT cần được tổ chức hợp lý, hạn chế phát sinh tiếng ồn, góp phần duy trì môi trường yên tĩnh, thuận lợi cho công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh.

Trong hoạt động của TTYT tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ các hoạt động như:

- Xe cứu thương, phương tiện của bệnh nhân ra vào viện.
- Chạy máy phát điện khi mất điện lưới;
- Chạy máy móc thiết bị phục vụ cho công trình phụ trợ (bơm nước vào đầu buổi sáng; quạt thông gió, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải...)
- Tập trung đông người trong TTYT.

Để giảm thiểu tác động từ tiếng ồn, độ rung, TTYT thực hiện các biện pháp như sau:

- Máy thổi khí và máy bơm được đặt bên trong nhà điều hành XLNT có tường bao xây kín để giảm lan truyền tiếng ồn ra xung quanh.
- Lựa chọn thiết bị có độ ồn thấp, vận hành đúng chức năng và công suất thiết bị. Bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.
- Máy phát điện được đặt bên trong nhà trạm biến áp phía Đông Bắc của TTYT, có tường bao xung quanh.
- Trồng hàng rào cây xanh đảm bảo diện tích theo đúng quy hoạch xây dựng để góp phần giảm ồn lan truyền về phía khu dân cư.

Ngoài ra, áp dụng một số biện pháp giảm thiểu đối với tiếng ồn dạng phân tán như:

- Quy định thời gian thăm bệnh cũng như các quy tắc trong khi thăm bệnh nhân.

- Quy định các khu vực cấm xe lưu thông, các loại xe được lưu thông trong khuôn viên TTYT.

- Treo biển báo nhắc nhở, hạn chế tiếng ồn trong các khu vực khám chữa bệnh và khu nghỉ dưỡng của TTYT.

3.6. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Hiện nay, TTYT đã xây dựng và ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại Kế hoạch số 25/KH-TTYT ngày 19/01/2026 bao gồm các nội dung như sau:

- Phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu nguy cơ, sự cố môi trường do chất thải y tế.

- Chủ động ứng phó, ngăn chặn, xử lý kịp thời sự cố môi trường do chất thải y tế.

- Xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp, tiền độ, thời hạn hoàn thành, trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp của cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế, bảo đảm tính kịp thời, an toàn và hiệu quả.

Các biện pháp cụ thể như sau:

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

** Biện pháp phi công trình:*

- Để phòng ngừa sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, TTYT cần xây dựng nội quy dành riêng cho khu xử lý nước thải. Cán bộ phụ trách và nhân viên y tế vận hành cần:

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy về an toàn lao động, hiểu biết và nắm rõ về các nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

+ Thường xuyên giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để phát hiện sự cố kịp thời.

- Trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế;

- Khi xảy ra các sự cố của hệ thống, nhân viên vận hành cần tuân thủ các bước sau:

+ Thực hiện khẩn trương việc khắc phục sự cố theo chỉ dẫn của nhà cung cấp;

+ Báo cáo kịp thời cho cán bộ phụ trách và đề xuất phương án khắc phục;

+ Trường hợp sự cố nằm ngoài khả năng xử lý của cán bộ TTYT, cần liên hệ ngay với đơn vị có chức năng để tiến hành khắc phục một cách nhanh chóng nhất.

+ Ghi chép sự cố vào sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

** Biện pháp công trình:*

- Bố trí các máy móc, thiết bị dự phòng (máy bơm, máy khuấy, máy thổi khí, bơm bùn) nhằm đảm bảo khả năng vận hành liên tục của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời thay thế hoặc sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh làm gián đoạn hoạt động xử lý.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng chưa thể khắc phục ngay, TTYT sẽ thực hiện lưu chứa nước thải luân phiên tại các bể khác như bể thu gom, bể điều hòa và các bể xử lý để tiến hành khắc phục, sửa chữa; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ các bể khác về bể điều hòa để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế có công suất 150 m³/ngày đêm đảm bảo an toàn với lượng nước thải phát sinh lớn nhất là 74 m³/ngày đêm. Trong đó, bể thu gom và bể điều hòa, bể xử lý có tổng thể tích 263,1 m³ (thể tích lưu chứa khoảng 132 m³) có thể chứa tạm thời nước thải trong khoảng 2 ngày. Việc hoàn thành sự cố sẽ được ưu tiên thực hiện sớm nhất để đưa hệ thống hoạt động bình thường trở lại, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra.

** Quy trình ứng phó khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố:*

+ Bước 1: Khi phát hiện ra sự cố, cán bộ vận hành sẽ khóa van ngăn nước thải sau bể khử trùng để ngăn nước thải chưa được xử lý của TTYT chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

+ Bước 2: Đóng van và tắt bơm để tạm thời lưu chứa toàn bộ lượng nước thải phát sinh vào bể thu gom và bể điều hòa.

+ Bước 3: Nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân và khắc phục các sự cố hỏng hóc tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Bước 4: Sau khi hoàn thành khắc phục sự cố, mở van và bật bơm nước thải từ bể điều hòa đến các công đoạn xử lý tiếp theo trong hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Bước 5: Mở van và xả nước thải đã được xử lý đáp ứng quy chuẩn chảy ra mương tiếp nhận.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong môi trường do chất thải y tế

- Để đảm bảo sức khỏe và an toàn trong các hoạt động của TTYT, phải làm tốt công tác quản lý chất thải y tế phát sinh, trang bị đầy đủ bảo hộ an toàn cho nhân viên y tế, nhân viên quản lý chất thải.

- Nhân viên y tế tham gia công tác quản lý chất thải y tế cần được đào tạo, huấn luyện các biện pháp phòng chống chấn thương, phơi nhiễm.

- Các hành động phải thực hiện ngay khi có sự cố: Ngay lập tức thực hiện các biện pháp sơ cứu; Báo cáo ngay với người có trách nhiệm; Lập biên bản ghi lại nội dung sự cố; Thực hiện các biện pháp giám sát y tế như xét nghiệm máu,...; Điều tra sự việc, thực hiện các hành động khắc phục hậu quả để ngăn ngừa các sự cố tương tự xảy ra trong tương lai.

- Đối với sự cố đổ tràn chất thải nguy hại, có thể tham khảo quy trình ứng phó theo WHO như sau:

- + Sơ tán vùng bị nhiễm bẩn.
- + Làm sạch vùng mắt và da tiếp xúc với chất thải ngay lập tức.
- + Thông báo cho người có trách nhiệm để phối hợp những hành động cần thiết.
- + Xác định tính chất của chất thải đổ tràn.
- + Sơ tán tất cả những người không liên quan đến việc dọn dẹp vệ sinh.
- + Thực hiện sơ cứu và chăm sóc y tế cho người bị thương.
- + Bảo vệ khu vực nhiễm bẩn để ngăn ngừa có thêm người bị phơi nhiễm.
- + Cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động cho người tham gia dọn dẹp vệ sinh.
- + Hạn chế sự lan toả của đồng chất thải.
- + Trung hòa hay khử khuẩn vật liệu bị đổ tràn hay bị nhiễm bẩn nếu cần.
- + Thu gom toàn bộ vật liệu bị đổ tràn hay bị nhiễm bẩn. (Vật sắc nhọn không bao giờ được nhặt bằng tay, nên sử dụng chổi và dụng cụ hút hay những dụng cụ thích hợp khác). Chất thải đổ tràn và dụng cụ vệ sinh đã nhiễm bẩn khi vứt đi phải được đặt trong túi và thùng rác thích hợp.
- + Làm sạch và khử khuẩn khu vực nhiễm bẩn, lau sạch bằng vải thấm hút. Không bao giờ được xoay miếng vải lau (hay vật liệu thấm hút chất thải) trong quá trình lau vì sẽ làm lan toả chất bẩn. Công việc làm sạch được thực hiện từ nơi bẩn ít đến nơi bẩn nhiều và phải thay vải lau ở mỗi giai đoạn. Nên dùng vải khô trong trường hợp đổ tràn chất thải lỏng, vải thấm nước (axít, bazơ hay trung tính sao cho phù hợp) trong trường hợp đổ tràn chất thải rắn.
- + Rửa sạch khu vực nhiễm bẩn và lau khô với vải thấm hút.
- + Làm sạch và khử khuẩn bất kỳ dụng cụ nào đã được sử dụng.
- + Cởi bỏ bảo hộ lao động và giặt sạch hay khử khuẩn nếu cần.
- + Tìm nơi chữa trị y tế nếu trong quá trình thực hiện có phơi nhiễm với chất nguy hại.

- Ngoài ra, trong quá trình lắp đặt thiết bị, sửa chữa máy móc của TTYT có thể gây ra sự cố rò rỉ dầu mỡ thải. Để phòng ngừa sự cố này, đơn vị sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị trong quá trình hoạt động để phát hiện sự cố kịp thời. Nếu phải sửa chữa tại chỗ sẽ yêu cầu nhân viên kỹ thuật phải

không chế, kiểm soát lượng chất thải có chứa dầu mỡ, thu gom đúng quy định, tuyệt đối không để xảy ra sự cố rò rỉ dầu mỡ.

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố bức xạ

Trong quá trình hoạt động, TTYT sử dụng máy chụp X-quang để chẩn đoán, phục vụ khám điều trị bệnh. Do vậy, toàn thể cán bộ nhân viên TTYT phải tuân thủ đúng các biện pháp an toàn bức xạ theo quy định của Luật Năng lượng nguyên tử, Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLTBKHCN-BYT ngày 09/6/2014 quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế và Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLTBKHCN-BYT.

* Một số biện pháp giảm thiểu tác động do bức xạ đang áp dụng tại TTYT như sau:

- Các nhân viên trực tiếp làm việc với bức xạ được đào tạo kiến thức về an toàn và kiểm soát bức xạ theo đúng quy định của pháp luật về an toàn bức xạ;
- Chỉ các nhân viên đã được đào tạo sử dụng thiết bị X-quang và an toàn bức xạ mới được sử dụng thiết bị này; Cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân và thiết bị bảo vệ cho nhân viên bức xạ y tế như: tạp dề cao su chì, kính chì, v.v... và định kỳ hằng năm khám sức khỏe cho nhân viên bức xạ.
- Thực hiện kiểm định đối với các thiết bị bức xạ định kỳ theo quy định.
- Đối với phòng đặt thiết bị bức xạ của TTYT không đặt liền kề khoa sản, khoa nhi.
- Lắp đặt thiết bị bức xạ đảm bảo khi sử dụng chùm tia chiếu không hướng vào tủ điều khiển, cửa ra vào, cửa sổ hoặc khu vực công chúng qua lại.
- Kiểm soát chiếu xạ công chúng: Ngăn chặn không cho người không phận sự đi vào khu vực phòng điều khiển thiết bị bức xạ. Sử dụng các dấu hiệu cảnh báo bức xạ (biển cảnh báo, đèn cảnh báo, tín hiệu cảnh báo) và các biện pháp hạn chế người đi vào khu vực này.
- Sử dụng công nghệ chụp X-quang bằng kỹ thuật số để không tráng rửa phim bằng hóa chất.
- TTYT đã xây dựng quy trình làm việc với thiết bị bức xạ, vận hành thiết bị bức xạ đảm bảo các yêu cầu bảo vệ an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ y tế, các nhân viên khác trong cơ sở y tế, người bệnh, người chăm sóc hoặc hỗ trợ người bệnh và công chúng.
- Không bố trí nhân viên bức xạ là nữ làm công việc này khi họ đang có thai và nuôi con nhỏ.
- Định kỳ hàng năm kiểm xạ môi trường xung quanh phòng đặt thiết bị bức xạ.

- Hằng năm tổ chức diễn tập định kỳ để tăng khả năng chủ động ứng phó sự cố bức xạ.

- Tăng cường tuyên truyền giáo dục kiến thức về an toàn bức xạ cho nhân viên và cho bệnh nhân.

- Nội quy an toàn phòng xạ được niêm yết công khai và dễ nhận biết cho cả bệnh nhân và nhân viên bức xạ, kiểm soát vùng ra vào của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại khu vực bức xạ...

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

** Biện pháp quản lý:*

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho người lao động về nguyên nhân, điều kiện, tác hại của cháy, nổ, sự cố tai nạn.

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các loại hóa chất sử dụng trong quá trình thí nghiệm, thực hành.

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy; thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Tăng cường kiểm tra các điều kiện về an toàn PCCC theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Ban hành quy định, nội quy an toàn PCCC phù hợp với tính chất hoạt động của cơ sở và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

- Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng PCCC cơ sở và những người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ theo quy định của Luật PCCC.

** Các công trình, biện pháp PCCC và CNCH:*

- *Về giao thông, khoảng cách an toàn:* Các hạng mục công trình đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC; Các lối cổng đi, đường giao thông nội bộ đảm bảo xe chữa cháy hoạt động theo đúng Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- *Về hệ thống thoát nạn:* bố trí 2 lối thoát nạn (thang bộ); cửa đi, hành lang, vế thang đảm bảo chiều rộng, chiều cao; lắp đặt đèn và biển chỉ dẫn thoát nạn cho các khu vực theo đúng Quy chuẩn QCVN 06: 2021/BXD.

- *Về hệ thống báo cháy tự động:* Đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động cho các phòng, buồng... của các hạng mục công trình theo đúng Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5738:2021.

- *Về hệ thống chữa cháy*: Đã lắp đặt họng nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà cho các hạng mục công trình theo đúng QCVN 06:2021/BXD, QCVN 02:2020/BCA

- *Về phương tiện phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*: Đã lắp đặt đầy đủ các loại bình chữa cháy, dụng cụ chữa cháy khác theo đúng TCVN 3890:2021. Trang bị đầy đủ phương tiện cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng PCCC cơ sở theo đúng quy định tại thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

- *Về hệ thống điện, chống sét*: Hệ thống điện cho các hạng mục công trình được lắp đặt theo đúng QCVN 12:2014/BXD, TCVN 9206:2012 và TCVN 9207:2012. Lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng, cảm ứng theo đúng TCVN 9385:2012.

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Căn cứ các nội dung đánh giá chi tiết trong báo ĐTM của dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh” đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3210/GP-UBND ngày 21/9/2021. Các nội dung đề nghị thay đổi của TTYT nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường 2020, khoản 3 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 9, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Điều 8 Nghị định 48/2026/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

Bảng 3.7. Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM/GPMT

TT	Nội dung	Theo Quyết định phê duyệt ĐTM /GPXT	Nội dung thay đổi	Nguyên nhân điều chỉnh	Đánh giá tác động từ việc thay đổi nội dung đề nghị điều chỉnh so với quyết định phê duyệt ĐTM
1	Hệ thống xử lý nước thải	- Nước thải → Hồ thu gom và tách rác → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.	- Nước thải → Hồ thu gom và tách rác → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.	Do hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng, do vậy đến tháng 12/2025 thì TTYT tiến hành cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải (thực hiện sửa chữa, bổ sung thiết bị, đường ống công	Nội dung thay đổi nhằm nâng cao hiệu quả xử lý và khả năng vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải, không làm thay đổi công nghệ xử lý.

TT	Nội dung	Theo Quyết định phê duyệt ĐTM /GPXT	Nội dung thay đổi	Nguyên nhân điều chỉnh	Đánh giá tác động từ việc thay đổi nội dung đề nghị điều chỉnh so với quyết định phê duyệt ĐTM
				nghệ và nuôi cấy vi sinh).	
2	Điểm xả nước thải	Vị trí xả thải: 01 vị trí có toạ độ X=2047747; Y=059644 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰).	Vị trí xả thải: 01 vị trí có toạ độ X=2047831; Y=509645 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰).	Do thay đổi vị trí đường ống dẫn nước thải sau xử lý do vậy vị trí điểm xả nước thải thay đổi.	Nội dung thay đổi phù hợp với hiện trạng thoát nước của khu vực.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn phát sinh nước thải chủ yếu từ những nguồn:

- Nguồn số 01: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh tại các khoa phòng chuyên môn trong TTYT.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn của cán bộ nhân viên TTYT, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép:

Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là **150 m³/ngày**.

4.1.3. Dòng nước thải:

Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải sau khi xử lý, được xả vào mương thoát nước giáp bên ngoài hàng rào phía Tây Nam của TTYT, sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận là Hới Cầu Đồi 2.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Thông số và nồng độ giới hạn chất ô nhiễm trong các dòng nước thải phải đảm bảo không được vượt quá giá trị giới hạn quy định tại QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, Cột A, K=1,2. Kể từ ngày 01/01/2032, áp dụng theo QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, hệ số F ≤ 2.000 m³/ngày, cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Nồng độ các chất ô nhiễm trong dòng nước thải và giá trị giới hạn theo QCVN 28:2010/BTNMT

TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tối đa cho phép
			Trước ngày 31/12/2031: theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,2)
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	BOD ₅	mg/l	36
3	COD	mg/l	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
10	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	3.000

TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tối đa cho phép
			Trước ngày 31/12/2031: theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,2)
11	Salmonella	mg/l	Không phát hiện
12	Shigella	mg/l	Không phát hiện
13	Vibro cholerae	mg/l	Không phát hiện

Ghi chú:

$$C_{max} = C \times K$$

Trong đó:

Giá trị C quy định tại cột A, Bảng 1, QCVN 28:2010/BTNMT

K là hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế, K=1,2 (theo Bảng 2, QCVN 28:2010/BTNMT).

Đối với các thông số: pH, Tổng Coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera trong nước thải y tế, sử dụng hệ số K = 1.

Bảng 4. 2. Nồng độ các chất ô nhiễm trong dòng nước thải và giá trị giới hạn theo QCVN 40:2025/BTNMT

TT	Thông số phân tích	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn tối đa cho phép
			Từ ngày 01/01/2032: QCVN 40:2025/BTNMT (cột A, hệ số F ≤ 2.000 m³/ngày)
1	pH	-	6 - 9
2	BOD ₅	mg/l	≤ 40
3	COD	mg/l	≤ 65
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 40
5	Amoni (Tính theo N)	mg/l	≤ 5,0
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 20
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 4,0
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 5,0
9	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	≤ 3 000
10	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 3,0

Ghi chú: Cột A quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả nước thải ra nguồn nước tiếp nhận có mục đích quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước như Mức A Bảng 2, Bảng 3 QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- **Vị trí xả nước thải:**

+ Nước thải sau khi được xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột A, K= 1,2) được dẫn ra mương thoát nước giáp bên ngoài hàng rào phía Tây Nam của TTYT và xả ra môi trường.

+ Vị trí điểm xả nước thải thuộc thôn Yên Long, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, có tọa độ $X(m) = 2047831$; $Y(m) = 509645$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- **Phương thức xả nước thải:** Nước thải sau khi được xử lý đạt quy chuẩn tại hệ thống xử lý tập trung của TTYT, được dẫn ra khỏi bể khử trùng bằng đường ống nhựa PVC D=60mm chiều dài khoảng 5m ra mương thoát nước giáp bên ngoài hàng rào phía Tây Nam của TTYT. Tuyến mương này có kết cấu bằng đất, chiều dài khoảng 70 m, chiều rộng từ 3-5 m, có chức năng tiêu thoát nước trên khu vực. Nước thải được dẫn ra Hố Cầu Đồi 2 theo hình thức tự chảy. Nước thải được xả ven bờ trên bề mặt nguồn tiếp nhận.

- **Nguồn tiếp nhận nước thải:** Hố Cầu Đồi 2 tại thôn Yên Long, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Chế độ xả nước thải:** Xả thải gián đoạn.

4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

4.2.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào TTYT.
- Nguồn số 2: Hệ thống, thiết bị khu vực xử lý nước thải.
- Nguồn số 3: Tủ máy phát điện dự phòng.

4.2.2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Nguồn phát sinh tiếng ồn số 1 là nguồn phân tán nên không xác định được vị trí, tọa độ cụ thể.

- Nguồn số 2: Khu vực nhà vận hành xử lý nước thải. Tọa độ: $X = 2047758$; $Y = 0509639$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Nguồn số 3: Máy phát điện dự phòng. Tọa độ: $X = 2047852$; $Y = 0509676$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

4.2.2.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

Kể từ ngày 01/01/2027, áp dụng QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Bảng 4. 4. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BTNMT

TT	Giá trị giới hạn (dBA) (*)			Quy chuẩn áp dụng
	Từ 6h00 đến 18h00	Từ 18h00 đến 22h00	Đến 22h00 đến trước 6h00	
1	55	50	45	QCVN 26:2025/BNMT

Ghi chú: (*) Tiếng ồn Khu vực A: gồm các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

5.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện.

5.1.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

TTYT đã thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản khác có liên quan. Cụ thể:

- Đã lập Đề án bảo vệ môi trường của Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 101/QĐ-TNMT ngày 18/8/2009.

- Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3210/GP-UBND ngày 21/9/2021, với lưu lượng xả thải lớn nhất là 150 m³/ngày đêm, nguồn tiếp nhận nước thải là hới Cầu Đồi 2, thời hạn của giấy phép là 05 năm.

- Đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022. Trong đó, tại Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ thực hiện xây dựng mới khoa ngoại, sản, nhi, đông y - phục hồi chức năng 4 tầng đến nay đã hoàn thiện và đi vào hoạt động.

- Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải bằng công suất 150 m³/ngày đêm và thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo vận hành hiệu quả.

- Về quản lý chất thải:

- + Chất thải sinh hoạt đã được thu gom và hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ môi trường Đức Yên vận chuyển đưa đi xử lý với tần suất 1 ngày/lần.

- + Đối với chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và hợp đồng với Công ty CP xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân thực hiện thu gom, vận chuyển đem đi xử lý với tần suất 2 ngày/lần.

- Về quan trắc môi trường:

- + Hàng năm lập báo cáo quản lý chất thải y tế và báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi các cơ quan chức năng theo đúng quy định.

5.1.1.2. Yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện

Trong quá trình hoạt động, TTYT có trách nhiệm vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi đến cơ quan có thẩm quyền

Hàng năm, TTYT đã gửi báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế và báo cáo công tác bảo vệ môi trường, cập nhật tình hình thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

5.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

5.2.1. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải năm 2024 của cơ sở

Hệ thống XLNT của TTYT được bố trí tại góc phía Tây Nam với quy mô công suất thiết kế là 150m³/ngày đêm. Theo sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải năm 2024 của TTYT, lượng nước thải phát sinh trong năm 2024 là 13.775 m³/năm.

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2024

STT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Kết quả quan trắc năm 2024	QCVN 28:2010/BTNMT Cột A, K=1,2
1	pH	Thang pH	7,3	6,5 - 8,5
2	BOD ₅	mg/l	32,5	36
3	COD	mg/l	60,7	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng(TSS)	mg/l	23,6	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,06	1,2
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	1,44	6
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	4,67	36
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	0,92	7,2
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	1,6	12
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	4.000	3.000
12	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	Không phát hiện
13	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	Không phát hiện
14	Vibro cholate	Vi khuẩn/100ml	KPH	Không phát hiện
15	Tổng hoạt độ α	Bq/L	KPH	-
16	Tổng hoạt độ β	Bq/L	KPH	-

** Ghi chú:*

- Thời gian quan trắc: ngày 12/6/2024.
- Vị trí điểm quan trắc: Sau hệ thống xử lý nước thải của TTYT.

*** Nhận xét:**

Kết quả đo và phân tích mẫu nước thải năm 2024 của TTYT cho thấy hầu hết các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A, K=1,2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Tuy nhiên, có 02 thông số vượt giới hạn cho phép, gồm thông số COD vượt 1,01 lần và Coliform vượt 1,3 lần.

Trên cơ sở kết quả phân tích, TTYT đã kiểm tra, rà soát tình trạng hoạt động của hệ thống, điều chỉnh lại lượng hóa chất khử trùng, hệ thống cấp khí và bổ sung chế phẩm vi sinh. Đồng thời, TTYT tiếp tục theo dõi quá trình vận hành hệ thống và phối hợp với đơn vị có chức năng để đánh giá, thực hiện các biện pháp khắc phục, điều chỉnh cần thiết nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

5.2.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải năm 2025 của cơ sở

Theo sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải năm 2025 của TTYT, lượng nước thải phát sinh trong năm 2025 là 15.004 m³/năm.

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2025

STT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Kết quả năm 2025	QCVN 28:2010/BTNMT Cột A, K=1,2
1	pH	Thang pH	6,8	6,5 - 8,5
2	BOD ₅	mg/l	6,14	36
3	COD	mg/l	24	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng(TSS)	mg/l	25	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	<0,05	1,2
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	8,83	6
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	0,75	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	2,28	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	1,07	12
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	<1,8	3.000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	Không phát hiện
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	Không phát hiện
13	Vibro cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	Không phát hiện

*** Ghi chú:**

- Thời gian quan trắc: ngày 17/4/2025.
- Vị trí điểm quan trắc: Sau hệ thống xử lý nước thải của cơ sở, điểm lấy mẫu có toạ độ: 105⁰35'35,9'' (Đ); 18⁰30'49,0'' (B).

*** Nhận xét:**

Kết quả đo và phân tích mẫu nước thải năm 2025 của TTYT cho thấy hầu hết các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT,

Cột A, K=1,2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Tuy nhiên thông số Amoni tại thời điểm lấy mẫu vượt quy chuẩn 1,47 lần.

Đến ngày 23/4/2025, hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, ngừng vận hành do một số thiết bị máy móc đã bị hư hỏng nặng. Trong thời gian xảy ra sự cố, TTYT đã thực hiện lưu giữ toàn bộ nước thải phát sinh tại các bể của hệ thống xử lý, không xả nước thải ra môi trường; TTYT đã gửi báo cáo số 228/BC-TTYT ngày 24/4/2025 về sự cố hệ thống xử lý nước thải y tế của Trung tâm đến UBND huyện Đức Thọ (trước đây), Sở Y tế và Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Tĩnh; hợp đồng với Công ty CP Xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân thực hiện thu gom, vận chuyển nước thải đi xử lý (theo Hợp đồng số 10.05/2025/HĐXLCTNH/HGQ-YTDT ngày 10/5/2025).

Đến tháng 12/2025, TTYT đã hợp đồng với Công ty TNHH môi trường và xây dựng Đăng Châu thực hiện cải tạo hệ thống xử lý nước thải (theo Hợp đồng số HD2500203649_2512021448 ngày 03/12/2025) bao gồm các nội dung sau:

- Sửa chữa hệ thống: Kiểm tra, sửa chữa và khắc phục các hư hỏng tại các công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.
- Bổ sung thiết bị: Bổ sung, thay thế một số thiết bị cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và xử lý nước thải.
- Cải tạo đường ống công nghệ: Kiểm tra, sửa chữa và bổ sung đường ống công nghệ, đảm bảo dòng chảy và quá trình xử lý diễn ra ổn định.
- Bổ sung, nuôi cấy vi sinh: Bổ sung và nuôi cấy vi sinh vật phù hợp, tăng cường khả năng phân hủy các chất hữu cơ và nâng cao hiệu quả xử lý sinh học.

Cụ thể nội dung thực hiện như sau:

Bảng 5.3. Nội dung thực hiện cải tạo hệ thống xử lý nước thải

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị	Số lượng
1	Hút bùn bể xử lý nước thải	m ³	50
2	Lắp đặt rọ chắn rác	kg	25
3	Lắp đặt bơm chìm	cái	1
4	Lắp đặt phao cảm biến mực nước	cái	3
5	Lắp đặt bơm chìm	cái	1
6	Lắp đặt máy thổi khí	cái	1
7	Lắp đặt bơm định lượng hóa chất	Cái	1
8	Lắp đặt thùng nhựa hóa chất	Cái	1
9	Lắp đặt lại hệ thống dẫn khí	Hệ	1
10	Lắp đặt lại hệ thống đường ống dẫn nước thải và hóa chất	Hệ	1
11	Tủ điện điều khiển	Hệ	1
12	Hệ thống đường điện	Hệ	1
13	Thay thế đồng hồ đo lưu lượng nước	Cái	1

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị	Số lượng
14	Lắp đặt cột lọc áp lực và bơm lọc công suất 1,1 kW	Cái	1
15	Sửa chữa bơm chìm + máy thổi khí	Gói	1
16	Hóa chất ban đầu	Gói	1
18	Nuôi cấy vi sinh và vận hành thử nghiệm hệ thống XL	-	-

Sau khi hoàn thành cải tạo hệ thống xử lý nước thải, kết quả đánh giá như sau:

Bảng 5. 4. Kết quả đánh giá chất lượng nước thải sau khi thực hiện cải tạo

STT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Kết quả năm 2025	QCVN 28:2010/BTNMT Cột A, K=1,2
1	pH	Thang pH	7,49	6,5 - 8,5
2	BOD ₅	mg/l	12	36
3	COD	mg/l	35	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	25,6	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	<0,02	1,2
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	0,02	6
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	1	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	0,06	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	<1	12
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	2.700	3.000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	Không phát hiện
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	Không phát hiện
13	Vibro cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	Không phát hiện

*** Ghi chú:**

- Thời gian quan trắc: ngày 25/12/2025.
- Vị trí điểm quan trắc: Sau hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

*** Nhận xét:**

Kết quả đo và phân tích mẫu nước thải sau khi thực hiện cải tạo hệ thống xử lý nước thải của TTYT cho thấy các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A, K=1,2, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Hệ thống xử lý nước thải đã đi vào hoạt động đạt hiệu quả theo yêu cầu quy định

5.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

Ngoài việc trồng cây xanh theo đúng tỷ lệ quy hoạch, TTYT luôn tuân thủ đúng quy định về quản lý chất thải y tế trong TTYT theo Thông tư 20/2021/TT-BYT. Tuyệt đối không vứt rác bên ngoài và lưu chứa rác quá thời gian quy định

để ngăn ngừa phát tán ô nhiễm, mùi hôi ra môi trường và các phòng khám, điều trị, chẩn đoán có hệ thống cửa sổ, hệ thống thông khí, quạt hút để trao đổi không khí, thông thoáng và giảm nhanh nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí. TTYT thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ sân, hành lang, đường nội bộ; kiểm soát vận tốc đối với phương tiện ra vào TTYT để hạn chế bụi trong không khí.

5.4. TÌNH HÌNH PHÁT SINH, XỬ LÝ CHẤT THẢI

5.4.1. Tình hình phát sinh xử lý chất thải năm 2024

5.4.1.1. Chất thải rắn thông thường:

Trong năm 2024, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh của cơ sở như sau:

Bảng 5.5. Bảng tổng hợp chất thải rắn thông thường năm 2024

Tên loại chất thải	ĐVT (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức cá nhân tiếp nhận
Chất thải rắn thông thường	72.000	Ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định	Đối với chất thải rắn sinh hoạt: do Hợp tác xã dịch vụ môi trường Đức Yên vận chuyển đưa đi xử lý; đối với chất thải tái chế được chuyển giao cho cơ sở thu mua, tái chế theo quy định.

5.4.1.2. Chất thải rắn nguy hại

Trong năm 2024, khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh của cơ sở như sau:

Bảng 5.6. Bảng tổng hợp chất thải rắn nguy hại năm 2024

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
					Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
1	Tổng lượng chất thải lây nhiễm:	13 01 01	kg/năm	4.990	4.990		0	
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	SN, LN	kg/năm	1.095	1.095	Công ty CP xây dựng môi trường thương	0	
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	LN	kg/năm	2.800	2.800		0	

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
					Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	LN	kg/năm	730	730	mại Hoàng Gia Quân	0	
1.4	Chất thải giải phẫu		kg/năm	365	365		0	
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:	13 01 01	kg/năm	112	112		0	
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng		kg/năm	25	25	Công ty CP xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân		
2.2	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Đ	kg/năm	87	87		0	
2.3	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi	Đ, ĐS	kg/năm	0	0		0	

5.4.2. Tình hình phát sinh xử lý chất thải năm 2025

5.4.2.1. Chất thải rắn thông thường:

Theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 của TTYT, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh như sau:

Bảng 5.7. Bảng tổng hợp chất thải rắn thông thường năm 2025

Tên loại chất thải	ĐVT (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức cá nhân tiếp nhận
Chất thải rắn thông thường	83.150	Ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định	Đối với chất thải rắn sinh hoạt: do Hợp tác xã dịch vụ môi trường Đức Yên vận chuyển đưa đi xử lý; đối với chất thải tái chế được chuyển giao cho cơ sở thu mua, tái chế theo quy định.

5.4.2.2. Chất thải rắn nguy hại

Trong năm 2025, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của cơ sở như sau:

Bảng 5.8. Bảng tổng hợp chất thải rắn nguy hại năm 2025

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
					Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
1	Tổng lượng chất thải lây nhiễm:	13 01 01	kg/năm	9.741	9.741		0	
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	SN, LN	kg/năm	355	355	Công ty CP xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân	0	
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	LN	kg/năm	8.928	8.928		0	
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	LN	kg/năm	250	250		0	
1.4	Chất thải giải phẫu		kg/năm	208	208		0	
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:	13 01 01	kg/năm	2.115	2.115		0	
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng		kg/năm	192	192	Công ty CP xây dựng môi trường thương mại		

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
					Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
2.2	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Đ	kg/năm	1.922	1.922	Hoàng Gia Quân	0	
2.3	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi	Đ, ĐS	kg/năm	0	0		0	

5.5. KẾT QUẢ THANH TRA KIỂM TRA VỀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động từ năm 2024 đến nay, TTYT có 01 đợt kiểm tra vào tháng 4/2025 của UBND huyện Đức Thọ (trước đây) về công tác bảo vệ môi trường. Tại thời điểm kiểm tra, Đoàn kiểm tra ghi nhận hệ thống xử lý nước thải của TTYT bị hư hỏng, không hoạt động.

Trong thời gian hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, TTYT đã thực hiện lưu giữ toàn bộ nước thải phát sinh tại các bể của hệ thống xử lý, không xả nước thải ra môi trường; đồng thời liên hệ với Công ty CP Xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân để thu gom, vận chuyển nước thải đi xử lý theo quy định. Đến tháng 12/2025, TTYT đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Đăng Châu để thực hiện cải tạo hệ thống xử lý nước thải, bao gồm sửa chữa, thay thế các thiết bị, máy móc bị hư hỏng, khắc phục đường ống và các hạng mục công nghệ, đồng thời bổ sung, nuôi cấy vi sinh phục hồi công đoạn xử lý sinh học.

Hiện nay, hệ thống xử lý nước thải đã được cải tạo, sửa chữa và đưa vào vận hành; các thiết bị và công trình xử lý cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành của hệ thống.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Tên công trình vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP, dự kiến tổng thời gian vận hành thử nghiệm diễn ra trong vòng 06 tháng, kể từ 26/10/2026 đến 26/04/2027. Việc vận hành thử nghiệm nhằm đảm bảo đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi nâng quy mô giường bệnh.

- Công suất hoạt động của TTYT tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm dự kiến đạt 100% công suất (tức 170 giường bệnh).

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì việc thực hiện quan trắc chất thải đối với hệ thống xử lý nước thải của TTYT cần đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Trên cơ sở đó, dự kiến kế hoạch quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

- Thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý:

Bảng 6.1 Kế hoạch quan trắc chất thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

Đợt lấy mẫu	Thời gian dự kiến	Số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Quy chuẩn so sánh
Đợt 1	25/11/2026	02 mẫu đơn	- 01 mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại hố thu gom nước thải tập trung). - 01 mẫu đơn nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (tại miệng ống thoát nước sau bể khử trùng).	13 thông số: pH, BOD ₅ , COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, tổng	QCVN 28:2010/BTN MT, cột A, K=1,2

Đợt lấy mẫu	Thời gian dự kiến	Số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Quy chuẩn so sánh
Đợt 2	26/11/2026	01 mẫu đơn	- 01 mẫu đơn nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (tại miệng ống thoát nước sau bể khử trùng).	Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.	
Đợt 3	27/11/2026	01 mẫu đơn			

- *Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch quan trắc:*

+ Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 061 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/4/2025.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 061/TN-QTMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/4/2025.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.

Căn cứ Điều 111, 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và Điều 97, 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Điều 28 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 thì Trung tâm Y tế Đức Thọ không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động và quan trắc định kỳ chất thải theo quy định do không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, lưu lượng xả nước thải nhỏ hơn 500m³/ngày đêm và không có nguồn phát sinh khí thải phải xử lý.

Giám sát lưu lượng nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải bằng đồng hồ đo lưu lượng, ghi chép theo từng ngày, lưu giữ và báo cáo hàng năm.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và các quy định pháp luật liên quan khác, Chủ dự án cam kết các nội dung như sau:

1. Cam kết rằng các số liệu, thông tin về dự án, các vấn đề môi trường của dự án được cung cấp trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường là trung thực và có tính chính xác.

2. Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Cụ thể:

- Thu gom, xử lý nước thải y tế trong quá trình hoạt động của TTYT đạt Quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (cột A, K=1,2) trước khi thải ra môi trường tiếp nhận. Từ ngày 01/01/2032, nước thải sau xử lý đạt cột AQCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước công nghiệp).

- Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế thông thường, chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

3. Thực hiện việc lập và chấp hành chế độ báo cáo công tác BVMT hàng năm theo các quy định pháp luật.

PHỤ LỤC

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ Y TẾ

Số: **102**./HT-GPHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y,

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ**

Hình thức tổ chức: Bệnh viện đa khoa

Địa chỉ hoạt động: TDP Hùng Dũng, đường Phan Đình Phùng, xã Đức Thọ,
tỉnh Hà Tĩnh.

Thời gian làm việc hằng ngày: 24/24h, 7 ngày/ tuần

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám
đốc Sở Y tế phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép hoạt động./

Hà Tĩnh, ngày 01 tháng 8 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Chánh Thành

Số: 633 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 99/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; số 37/2021/TT-BYT ngày 21/12/2021 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới;

Thực hiện Kết luận số 98-KL/TU ngày 26/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp y tế công lập;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ tại Văn bản số 129/UBND-NV ngày 12/01/2024 và Sở Nội vụ tại Văn bản số 187/SNV-XDCQ&TCBC ngày 27/01/2024; trên cơ sở biểu quyết thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (lấy Phiếu qua Hệ thống TD).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ trên cơ sở tổ chức lại Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ và Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ hiện có (sau đây gọi tắt là Trung tâm).

1. Vị trí pháp lý: Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ là đơn vị sự nghiệp y tế

công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế, của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, Trung ương theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở làm việc của Trung tâm đặt tại thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Về quy mô giường bệnh: Ủy ban nhân dân tỉnh tạm giao số giường bệnh kế hoạch của Trung tâm bằng số giường bệnh kế hoạch của Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ tại thời điểm tổ chức lại là 170 giường bệnh.

2. Về hoạt động của các đơn vị được tổ chức lại: trong thời gian tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận, các đơn vị thuộc diện tổ chức lại tiếp tục hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, cơ chế tài chính đã được giao và kết thúc hoạt động khi hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận.

3. Các trường hợp đang là viên chức lãnh đạo, quản lý các đơn vị được tổ chức lại, sau khi sắp xếp tổ chức thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bổ nhiệm vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ, được bảo lưu phụ cấp chức vụ cũ theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 140/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

4. Về bàn giao tài sản, tài chính: sau khi Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ được thành lập, các đơn vị được tổ chức lại quy định tại Điều 1 Quyết định này hoàn thành việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, xác định nợ chưa thanh toán, lập báo cáo tài chính gửi cơ quan có thẩm quyền; tiến hành bàn giao tài sản, tài chính, phương tiện làm việc cho Trung tâm theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bàn giao nguyên trạng viên chức, lao động hợp đồng, đất đai, tài chính, tài sản, phương tiện làm việc và hồ sơ, tài liệu có liên quan của Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ cho Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ tiếp nhận, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ thực hiện quy trình bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc của Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ đảm bảo đúng quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ:

a) Chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan đến việc tổ chức lại Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ và Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ hiện có đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

b) Tổ chức tiếp nhận bàn giao viên chức, lao động hợp đồng, đất đai, tài

chính, tài sản, phương tiện làm việc và hồ sơ, tài liệu có liên quan của Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ từ Sở Y tế; không để xảy ra thất thoát hồ sơ, tài liệu, tài sản; nhanh chóng ổn định tổ chức, xác định rõ trách nhiệm của các bộ phận tổ chức và cá nhân để đi vào hoạt động.

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ theo đúng quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ, Sở Y tế. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện quy trình bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm, bổ nhiệm lãnh đạo các khoa, phòng, trạm y tế theo quy định pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh; sắp xếp, bố trí và thực hiện các chế độ, chính sách đối với số người làm việc tại Trung tâm theo quy định hiện hành.

d) Xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; bố trí số người làm việc theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt; xây dựng quy chế hoạt động theo quy định.

đ) Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Phương án tự chủ của Trung tâm theo quy định, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính.

e) Thời gian hoàn thành việc tổ chức lại Trung tâm và đi vào hoạt động trước ngày 01/4/2024.

3. Các Sở: Nội vụ, Tài chính và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các Quyết định: số 1169/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ và số 2787/QĐ-UBND ngày 20/05/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTr Tỉnh ủy; TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VX, NC₂.

gnd

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Châu

Số: 1503 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chuyển các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc
Ủy ban nhân dân cấp huyện sang trực thuộc Sở Y tế
và đổi tên các Trung tâm Y tế cấp huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 quy định về cơ quan thuộc chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập); số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Thực hiện Kết luận số 219-KL/TU ngày 15/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 14/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp Nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Phương án số 2125/PA-SYT ngày 17/6/2025 và Sở Nội vụ tại Văn bản số 2673/SNV-XDCQ&TCBC ngày 22/6/2025 về việc chuyển các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sang trực thuộc Sở Y tế; trên cơ sở biểu quyết thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (lấy Phiếu qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành số).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sang trực thuộc Sở Y tế, gồm 12 Trung tâm Y tế: thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh, thị xã Hồng Lĩnh và các huyện: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Can Lộc, Nghi Xuân, Đức Thọ, Vũ Quang, Hương Sơn, Hương Khê; Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà.

1. Các Trung tâm Y tế và Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện của Sở Y tế; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

2. Các Trung tâm Y tế và Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng và hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung chuyển giao:

a) Chuyển toàn bộ biên chế viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao năm 2025 và số viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP hiện có tại thời điểm thực hiện chuyển giao của các Trung tâm Y tế và Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà cho Sở Y tế tiếp nhận, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu và các nội dung khác có liên quan đến các Trung tâm Y tế và Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà cho Sở Y tế tiếp nhận, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

c) Về xếp hạng các Trung tâm Y tế và Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà sau khi chuyển về trực thuộc Sở Y tế: giữ nguyên hạng của các đơn vị và các nội dung khác có liên quan theo Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xếp hạng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

Điều 2. Đổi tên các Trung tâm Y tế:

1. Đổi tên Trung tâm Y tế huyện Kỳ Anh thành Trung tâm Y tế Kỳ Anh.
2. Đổi tên Trung tâm Y tế huyện Cẩm Xuyên thành Trung tâm Y tế Cẩm Xuyên.
3. Đổi tên Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh thành Trung tâm Y tế Thành Sen.
4. Đổi tên Trung tâm Y tế huyện Thạch Hà thành Trung tâm Y tế Thạch Hà.
5. Đổi tên Trung tâm Y tế huyện Can Lộc thành Trung tâm Y tế Can Lộc.
6. Đổi tên Trung tâm Y tế thị xã Hồng Lĩnh thành Trung tâm Y tế Hồng Lĩnh.
7. Đổi tên Trung tâm Y tế huyện Nghi Xuân thành Trung tâm Y tế Tiên Điền.
8. Đổi tên Trung tâm Y tế huyện Đức Thọ thành Trung tâm Y tế Đức Thọ.
9. Đổi tên Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn thành Trung tâm Y tế Hương Sơn.
10. Đổi tên Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang thành Trung tâm Y tế Vũ Quang.
11. Đổi tên Trung tâm Y tế thị xã Kỳ Anh thành Trung tâm Y tế Hoành Sơn.
12. Đổi tên Trung tâm Y tế huyện Hương Khê thành Trung tâm Y tế Hương Khê.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:**1. Sở Y tế:**

a) Chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc chuyển các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sang trực thuộc Sở Y tế đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Thời gian hoàn thành việc chuyển giao, tiếp nhận các đơn vị **trước ngày 30/6/2025**.

b) Tổ chức tiếp nhận, bàn giao viên chức, lao động hợp đồng, đất đai, tài chính, tài sản, phương tiện làm việc và hồ sơ, tài liệu có liên quan đến các Trung tâm Y tế và Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà đảm bảo kịp thời, đúng quy định; không để xảy ra thất thoát hồ sơ, tài liệu, tài sản; nhanh chóng ổn định tổ chức, xác định rõ trách nhiệm của các bộ phận tổ chức và cá nhân đảm bảo không gián đoạn hoạt động của các đơn vị.

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Trung tâm Y tế, Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà theo đúng quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan; sắp xếp, bố trí và thực hiện các chế độ, chính sách đối với số người làm việc tại các Trung tâm Y tế, Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà theo quy định hiện hành.

d) Chỉ đạo các Trung tâm Y tế, Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà xây dựng Đề án vị trí việc làm đảm bảo đúng quy định; bố trí số người làm việc theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt; xây dựng quy chế hoạt động theo quy định.

đ) Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Phương án tự chủ của các Trung tâm Y tế, Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà theo quy định, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng Đề án sắp xếp, kiện toàn các Trung tâm Y tế đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thời gian hoàn thành Đề án để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định **trước ngày 05/7/2025**.

2. Các Sở: Nội vụ, Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện bàn giao viên chức, lao động hợp đồng, đất đai, tài chính, tài sản, phương tiện làm việc và hồ sơ, tài liệu có liên quan của các Trung tâm Y tế, Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà cho Sở Y tế tiếp nhận, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã;

Giám đốc các Trung tâm Y tế, Bệnh viện Đa khoa Lộc Hà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTr Tỉnh ủy; TTr HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh;
- Các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VX, NC₂.

Chào

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh

Nguyễn Hồng Lĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Số: 2684 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04
Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 25/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định, điều chỉnh, bãi bỏ chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh” họp ngày 13/12/2022, Thông báo kết quả thẩm định số 4826/STNMT-MT ngày 22/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh”, đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 674/ĐCN-PTDV ngày 23/12/2022 của Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4881/TTr-STNMT ngày 26/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh” (sau đây gọi tắt là báo cáo ĐTM Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân

dụng và công nghiệp tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Đức Thọ, Can Lộc, Hương Sơn, Lộc Hà; Chủ tịch UBND các thị trấn: Đức Thọ, Nghèn, Phố Châu, Lộc Hà; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (Chủ dự án) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu VT, NL. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Lĩnh

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh
viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh”
(Kèm theo Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: “Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh”.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ; thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc; thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn; thị trấn Lộc Hà, huyện Lộc Hà.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi dự án:
Dự án được thực hiện tại 04 Bệnh viện, Trung tâm y tế, bao gồm: Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ; Trung tâm Y tế huyện Can Lộc; Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn; Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà.
- Quy mô, công suất dự án:
 - + Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ: Xây dựng mới nhà 04 tầng, với diện tích xây dựng dự kiến khoảng 1.200 m²; hành lang cầu nối các khoa và các hạng mục phụ trợ; là Bệnh viện hạng II, với quy mô 170 giường bệnh kế hoạch, thực kê 268 giường;
 - + Trung tâm Y tế huyện Can Lộc: Xây dựng mới nhà khám và điều trị 5 tầng, với diện tích xây dựng dự kiến khoảng 1.200m²; mua sắm bổ sung thiết bị khám, chữa bệnh; là cơ sở y tế hạng II với quy mô 150 giường bệnh kế hoạch và 350 giường bệnh thực kê;
 - + Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn: Xây mới khu nhà hành chính quản trị kết hợp khám chữa bệnh 5 tầng với diện tích xây dựng dự kiến khoảng 1.100 m² và các hạng mục phụ trợ; mua sắm bổ sung thiết bị khám, chữa bệnh; là cơ sở y tế hạng II với quy mô 130 giường bệnh kế hoạch và 320 giường bệnh thực kê;
 - + Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà: Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Nhà 1 (Khoa hồi sức cấp cứu - khoa Nội, khoa Đông y) và Nhà 2 (Khoa chuẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm, khoa Ngoại - Gây mê hồi sức); là Bệnh viện hạng II với quy mô 140 giường bệnh kế hoạch, 270 giường bệnh thực kê.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

Trong dự án này chỉ thực hiện xây mới và cải tạo một số công trình chính cụ thể như:

➤ Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ:

- Xây mới khối nhà 4 tầng (khoa ngoại, sản, nhi, đông y - phục hồi chức

năng) diện tích 1.200 m².

- Hành lang cầu nối các khoa khoảng 133m²;
- Các hạng mục công trình phụ trợ như: hệ thống sân vườn, mương thoát nước xung quanh công trình.

➤ Trung tâm Y tế huyện Can Lộc:

- Xây mới nhà điều trị khám bệnh 5 tầng với diện tích 1.200 m².
- Mua sắm, bổ sung trang thiết bị: Hệ thống chụp CT SCANNER < 32 lát cắt/vòng quay, máy chụp phim XQ KTS DR, máy siêu âm chuyên tim mạch.

➤ Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn:

- Xây mới nhà hành chính quản trị và khám chữa bệnh 5 tầng diện tích 1.100 m².

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Sân lát gạch với diện tích khoảng 2.000 m², xây mới nhà xe với tổng diện tích khoảng 1.050 m².

- Mua sắm, bổ sung trang thiết bị: Hệ thống chụp CT SCANNER < 32 lát cắt/vòng quay, hệ thống Phẫu thuật nội soi ổ bụng, máy X-Quang răng toàn cảnh, hệ thống nội soi tiêu hóa, máy chụp đáy mắt, máy siêu âm tổng quát 5D.

➤ Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà:

- Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Nhà 1 (Khoa hồi sức cấp cứu - Nhi; khoa Nội, khoa Đông y) và Nhà 2 (Khoa chuẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm; khoa Ngoại - Gây mê hồi sức).

- Cải tạo, thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ; Cải tạo ốp, lát, sơn tường, trần, sàn; Thay mới trần thạch cao; Thay mới hệ thống điện; Chống thấm sêno; Cải tạo khu vệ sinh; Cải tạo phòng XQ.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Trung tâm y tế huyện Can Lộc được nâng cấp, mở rộng phải thực hiện thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng 5.327,41 m² đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên của 67 hộ dân TDP 1, TDP 2 và UBND thị trấn Nghèn.

- Nguồn tiếp nhận nước thải trong quá trình thi công và đi vào hoạt động của dự án, có liên quan đến nguồn cấp nước sinh hoạt (theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035), cụ thể: Đối với Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn, nguồn tiếp nhận nước thải là sông Ngàn Phố; đối với Trung tâm Y tế huyện Can Lộc, nguồn tiếp nhận nước thải là mương tiêu thoát nước của thị trấn Nghèn, sau đó chảy qua đường Quốc lộ 1A theo hệ thống kênh mương tự nhiên chảy đến hói Cầu Lầy tại địa phận khối 4, thị trấn Nghèn rồi đổ ra sông Nghèn; đối với Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ, nguồn tiếp nhận nước thải là hói Cầu Đồi 2, sau đó chảy về kênh 19/5 tại xã Bùi La Nhân qua các xã (Lâm Trung Thủy, Thanh Bình Thịnh, Kim Song Trường) chảy về sông Nghèn tại xã Thuận Lộc.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Hoạt động san gạt mặt bằng, phá dỡ công trình cũ, hoạt động vận chuyển các nguyên vật liệu và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

Hoạt động làm việc và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, bệnh nhân tại 4 Bệnh viện, Trung tâm Y tế.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án:

3.1.1. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; thành phần chứa nhiều chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và các vi sinh vật;
- Nước thải thi công xây dựng (vệ sinh dụng cụ, thiết bị..., nước xịt rửa xe); thành phần chứa nhiều bùn, đất, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ...;
- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực công trình cuốn theo các loại đất, cát, dầu mỡ rơi vãi, vật liệu xây dựng như xi măng, vôi vữa...

Lưu lượng nước thải phát sinh dự kiến tại mỗi công trình là:

STT	Công trình	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
	Nước thải (m^3 /ngày đêm)				
1	Nước thải sinh hoạt	1,5	1,5	1,5	1
2	Nước thải xây dựng	4	4	4	4
-	Nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị	1	1	1	1
-	Nước xịt rửa xe	3	3	3	3
3	Nước mưa chảy tràn	114,4	321,84	305,12	330,88

3.1.2. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất bụi, khí thải:

- Bụi do hoạt động phá dỡ công trình cũ, đào đắp, vận chuyển nguyên vật liệu và thi công công trình;

- Khí thải từ các loại máy móc, thiết bị hoạt động trên khu vực dự án và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng; thành phần chủ yếu là các chất ô nhiễm như: CO, NO_x, SO₂, muội khói,...

3.1.3. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; thành phần gồm các chất hữu cơ, túi nilon, thức ăn dư thừa, bao bì, vỏ chai thủy tinh, giấy,...

- Chất thải rắn xây dựng, bao gồm: chất thải từ quá trình giải phóng mặt bằng (sinh khối thực vật, chất thải từ hầm cầu, đất đào bóc hữu cơ, đào nền, đào hố móng, CTR do phá dỡ các công trình); chất thải từ quá trình thi công xây dựng (khối lượng vỏ bao bì xi măng, bìa carton, sắt thép vụn, ván cốp pha, cọc chống hông, bê tông, vôi vữa hỏng,...).

Khối lượng phát sinh dự kiến tại mỗi công trình là:

STT	Công trình	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
	Chất thải rắn				
1	Chất thải rắn sinh hoạt (kg/ngày)	15	15	15	10

STT	Công trình Chất thải rắn	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
2	Chất thải rắn xây dựng (m ³)				
-	Sinh khối thực vật	0,12	0,14	0,2	-
-	Chất thải từ hầm cầu	10	10	-	-
-	Khối lượng đất bóc tầng mặt	-	1.331,8	-	-
-	CTR do phá dỡ các công trình	214,9	137	146,28	37,43
-	Đất đào nền, đào hồ móng	848,2	2.988,88	653,4	-
-	Vỏ bao bì xi măng, bao bì, bìa carton, sắt thép vụn, ván cốp pha, cọc chống hông, bê tông hông và các thiết bị hông hóc	22,7	31,3	25,35	10,75

3.1.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Dầu lau dính dầu mỡ, hộp đựng xăng dầu nhớt, pin, ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang... ; ước tính khoảng 02 kg/tháng/công trình.

3.1.5. Tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng và từ thiết bị, phương tiện, máy móc thi công trên công trường.

- Sự cố cháy nổ, sét đánh, điện giật, sự cố bom mìn (khu vực TTYT huyện Can Lộc), sự cố tai nạn lao động, sự cố tai nạn giao thông và sự cố mưa, bão, ngập lụt.

3.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

3.2.1. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất của nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Nước thải y tế của 4 Bệnh viện, Trung tâm y tế chủ yếu từ khu vực điều trị nội trú; khu vực phòng khám, phòng xét nghiệm, phòng mổ và khu vực văn phòng, bao gồm các loại sau:

+ Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, nước thải từ hoạt động chăm sóc bệnh nhân, bao gồm: nước thải giặt tẩy quần áo bệnh nhân, chăn mền giường bệnh, lau chùi sàn nhà, nước thải từ nhà bếp;

+ Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật, v.v...

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân bãi, mái nhà trong khuôn viên bệnh viện, trung tâm y tế.

Lượng nước mưa chảy tràn, nước thải y tế phát sinh tại mỗi công trình, như sau:

STT	Công trình Nước thải (m ³ /ngày)	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
1	Nước thải y tế	94,37	116,42	108,75	93,36
2	Nước mưa chảy tràn	114,4	321,84	305,12	330,88

3.2.2. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất của bụi, mùi hôi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát tán vào môi trường từ các phương tiện như ô tô, xe

máy của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân ra vào khám, chữa bệnh.

- Khí thải phát sinh từ các dung môi hữu cơ bay hơi, từ hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện.

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

3.2.3. Nguồn phát sinh quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ sở y tế, chủ yếu là CTR sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày, khối lượng ước tính như sau:

Công trình Chất thải rắn	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
Chất thải rắn sinh hoạt (kg/ngày)	273,36	357	326,4	275,4

3.2.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn y tế nguy hại:

Chất thải y tế nguy hại bao gồm:

- Chất thải lây nhiễm: Chất thải lây nhiễm sắc nhọn, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải giải phẫu.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: hoá chất thải bỏ có thành phần nguy hại, dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất, thiết bị y tế vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ chứa thủy ngân và các kim loại nặng, dung dịch rửa phim X-quang, nước thải thiết bị phân tích xét nghiệm và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại, chất thải nguy hại khác theo quy định (Pin, ắc quy thải bỏ,...).

Khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại 4 Bệnh viện, Trung tâm y tế, ước tính như sau:

Công trình Chất thải rắn (kg/ngày)	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
Chất thải lây nhiễm	13,4	17,5	16,8	12,6
Chất thải nguy hại không lây nhiễm	40,2	52,5	47,2	41,4
Tổng cộng	53,6	70	64	54

Hiện nay, Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn đang xử lý chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bằng Hệ thống khử khuẩn bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt với công suất tối đa 35 kg/giờ với phạm vi xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Hương Sơn và huyện Đức Thọ (theo Quyết định 1780/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch thu gom, vận chuyển, và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2025). Như vậy với khối lượng phát sinh của Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ và Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn nói trên vẫn đáp ứng khả năng xử lý theo Cụm của Trung tâm y tế huyện Hương Sơn.

3.2.5. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải khác:

Bùn thải từ bể tự hoại và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh/ mỗi lần nạo vét, ước tính khối lượng như sau:

STT	Công trình Chất thải rắn (m ³)	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
1	Bùn thải từ bể tự hoại	131,38	170,32	179,36	167,71
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	108	108	108	72,2

3.2.6. Tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ xe cứu thương, phương tiện của Bệnh viện, Trung tâm y tế ra vào Bệnh viện, Trung tâm Y tế; phát sinh từ chạy máy phát điện khi mất điện lưới; phát sinh từ chạy máy móc thiết bị phục vụ cho công trình phụ trợ (bơm nước vào đầu buổi sáng; quạt thông gió, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải...).

- Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải.

- Sự cố cháy nổ, sét đánh, tai nạn giao thông và sự cố mưa, bão, ngập lụt.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng công trình:

4.1.1. Thu gom và xử lý nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

Công trình	Nguồn tiếp nhận nước thải
Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Nước thải sau khi được xử lý, dẫn thải ra ngoài hàng rào bệnh viện bằng đường ống HDPE đường kính 20cm, dài 6m và dẫn vào mương thoát nước bằng đất của khu vực rồi chảy ra Hới Cầu Đồi 2, sau đó chảy về kênh 19/5 tại xã Bùi La Nhân qua các xã (Lâm Trung Thủy, Thanh Bình Thịnh, Kim Song Trường) chảy về sông Nghèn tại xã Thuận Lộc.
Trung tâm y tế huyện Hương Sơn	Nước thải sau khi được xử lý, thoát ra hệ thống mương thoát nước chung của khu vực thông qua đường ống bê tông D200mm có chiều dài khoảng 50m nằm ở góc phía Đông Bắc khuôn viên Trung tâm. Sau đó từ mương thoát nước chung của khu vực đổ ra nguồn tiếp nhận là sông Ngân Phố.
Trung tâm y tế huyện Can Lộc	Nước thải sau khi được xử lý, chảy đến hố gas (hố gas bằng bê tông kiên cố) cuối hệ thống thoát nằm ở phía Nam khuôn viên Trung tâm, đầu nổi ra hệ thống mương tiêu thoát nước của thị trấn Nghèn, sau đó chảy qua đường Quốc lộ 1A theo hệ thống kênh mương tự nhiên chảy đến hới Cầu Lầy tại địa phận khối 4, thị trấn Nghèn rồi đổ ra sông Nghèn.
Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà	Nước thải sau khi được xử lý, chảy vào mương thoát nước chung của khu vực thông qua đường ống bê tông có chiều dài khoảng 60m nằm ở góc Đông Bắc của bệnh viện. Sau đó từ mương thoát nước chung của khu vực chảy vào Kênh Chợ Mới và chảy về sông Cửa Sốt.

- Công trình, biện pháp thu gom, xử lý đối với mỗi Bệnh viện, Trung tâm y tế:

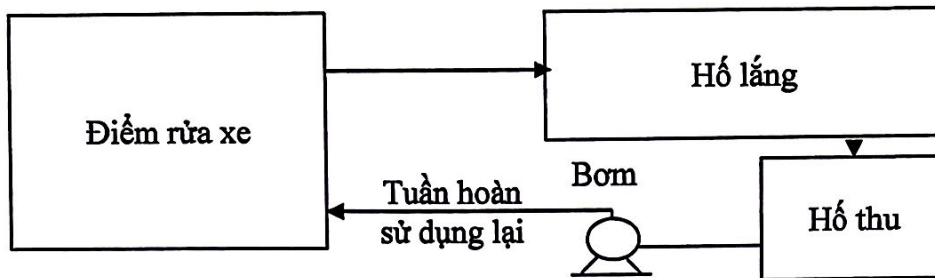
(1) Nước thải xây dựng:

+ Bãi tập kết nguyên vật liệu sẽ được che chắn để hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo cát, sỏi,... ra môi trường gây ảnh hưởng tới môi trường nước và môi trường đất.

+ Nước thải của quá trình thi công xây dựng bao gồm nước vệ sinh thiết

bị, dụng cụ, được thu gom vào bể gạn váng dầu mỡ kết hợp lắng cơ học, sau đó được tái sử dụng rửa xe hoặc làm ẩm khu vực khi công, không thải ra môi trường. Đối với khu vực trộn vữa, bê tông sẽ trải bạt chống thấm không để nước rỉ thấm vào lòng đất.

+ Nước xịt rửa bánh xe: được xử lý bằng phương pháp lắng cơ học, sau đó tuần hoàn sử dụng lại để xịt rửa xe, không thải ra môi trường. Hồ lắng và hồ thu là hồ đất có lót bạt chống thấm (Kích thước hồ lắng $B \times L \times H = 1,5m \times 1,0m \times 1,0m$, hồ thu $B \times L \times H = 2,0m \times 1,0m \times 1,0m$).



Sơ đồ thu gom nước rửa xe

(2) Nước thải sinh hoạt: Đối với công nhân làm việc trên công trường chỉ sử dụng nhà vệ sinh công cộng đã được xây dựng (nhà vệ sinh hiện có) của các Bệnh viện, Trung tâm Y tế thuộc dự án. Nước thải từ các quá trình vệ sinh, rửa,... được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện, Trung tâm y tế trước khi thải ra ngoài.

(3) Nước mưa chảy tràn:

Yêu cầu trong quá trình thi công, tổ chức thu dọn sạch sẽ khu vực xây dựng (đá, cát, vôi vữa, vật liệu xây dựng,...); tạo mương/ rãnh thu gom dẫn nước mưa theo hệ thống thoát nước mưa hiện trạng đã có của mỗi Bệnh viện/ Trung tâm Y tế.

4.1.2. Xử lý bụi, khí thải:

- Tùy tình hình thời tiết, tiến hành phun nước giữ độ ẩm tại khu vực thi công và các bãi chứa vật liệu đá, cát, đường vận chuyển ... để hạn chế tối đa bụi phát tán trong quá trình thi công (phun nước giảm bụi chia làm nhiều lần trong ngày, đặc biệt là những ngày nắng, hanh khô). Thiết bị phun: Máy bơm nước và vòi phun.

- Xung quanh khu vực thi công có hàng rào bằng tôn cao khoảng 1,5m; lắp dựng giàn giáo, lưới chắn bụi xung quanh, đồng thời bố trí lưới hứng vật rơi xung quanh khu vực thi công (khung lưới bằng thép ống, được căng bởi lưới thép B40, bố trí sàn gỗ ép sát lưới thép để hứng vật liệu rơi) để phòng chống phát tán bụi, vật rơi ra khu vực bệnh viện/ trung tâm y tế đang hoạt động và khu dân cư,... xung quanh.

- Các kho, bãi chứa vật liệu xây dựng được bố trí tại khu vực khô ráo, kín để hạn chế bụi phát tán vào không khí khi có gió;

- Các phương tiện thi công, vận chuyển phải kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đạt quy định, khi lưu thông trên đường vận chuyển được che bạt kín thùng xe, không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép.

- Bố trí cán bộ giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của đơn vị thi công...;

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom vào các thùng chứa, đưa về tập kết tại nhà chứa rác thải và vận chuyển đi xử lý cùng với chất thải thông thường phát sinh tại bệnh viện/trung tâm y tế thuộc dự án, trong đó:

Tại Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ: khu lưu giữ chất thải rắn có diện tích 45,2m² được bố trí tại hạng mục số 12 theo quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất;

Tại Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn: khu lưu giữ chất thải rắn với diện tích xây dựng 82,5m² tại hạng mục số 17 theo quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất;

Tại Trung tâm Y tế huyện Can Lộc: khu lưu giữ chất thải rắn có diện tích 40m², tại hạng mục số 25 theo quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất;

Tại Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà: khu lưu giữ chất thải rắn có diện tích 84m² tại hạng mục số 15 theo quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất.

Dự kiến hợp đồng với các đơn vị thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt, như sau:

TT	Tên công trình	Đơn vị thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt
1	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	HTX môi trường Đức Yên
2	Trung tâm y tế huyện Can Lộc	HTX môi trường thị trấn Nghèn
3	Trung tâm y tế huyện Hương Sơn	HTX quản lý đầu tư xây dựng và môi trường đô thị Hương Sơn
4	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà	HTX môi trường và dịch vụ nông nghiệp xã Thạch Châu

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với khối lượng sinh khối (các thân cây trên khu vực dự án) có thể tận thu làm gỗ, củi bán cho các đối tượng có nhu cầu. Phần còn lại (cành lá, thực bì ..) hợp đồng với các đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

+ Khối lượng đất phát sinh từ đào móng và đất, đá, gạch phát sinh trong quá trình phá dỡ công trình cũ được tận dụng san nền, khối lượng dư thừa được vận chuyển đến các bãi đổ đã được địa phương thỏa thuận (thị trấn Đức Thọ 01 bãi, thị trấn Nghèn 01 bãi, thị trấn Phố Châu 01 bãi). Riêng tại Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà sẽ vận chuyển đến vị trí dự kiến xây dựng khu điều trị trong khuôn viên bệnh viện với diện tích 906,8m² để tận dụng san nền. Chi tiết số liệu ở Bảng dưới đây:

STT	Công trình Chất thải rắn (m ³)	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
1	Khối lượng chất thải rắn phát sinh do quá trình phá dỡ	214,9	137	146,28	37,43

STT	Công trình Chất thải rắn (m ³)	Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ	Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà
2	Khối lượng đất đào	848,2	2.988,88	653,4	-
3	Khối lượng đất đắp tận dụng	345,51	2.685,4	359,37	-
4	Khối lượng đất đào dư thừa	502,7	303,48	294,03	-
5	Khối lượng đưa đi đổ (bao gồm khối lượng đất đào dư thừa, khối lượng phá dỡ công trình)	717,6	440,48	440,31	37,43

+ Đối với đất bóc tầng mặt từ diện tích đất trồng lúa 2 vụ tại phần mở rộng của Trung tâm y tế huyện Can Lộc là 1.331,8m³. Chủ dự án chịu trách nhiệm lập phương án lưu giữ, quản lý sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với vỏ bao xi măng, sắt thép vụn,... sẽ được thu gom về khu tập kết vật liệu xây dựng và định kỳ bán phế liệu.

+ Ván cốt pha, cọc chống sau khi hoàn thành công trình sẽ được các nhà thầu tận dụng lại cho các công trình khác; loại bị hư hỏng sẽ cho người dân tận dụng về làm chất đốt.

- Bùn cặn từ hồ lắng xịt rửa xe và Bùn cặn, chất thải hầm cầu từ nhà vệ sinh bị phá dỡ (tại BVĐK huyện Đức Thọ, TTYT huyện Can Lộc) được thu gom và hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Tại từng công trường: Đối với dầu thải thu gom vào 01 thùng chứa có dung tích 20 lít/thùng và các loại dẻ lau, giấy có chứa dầu mỡ, các loại hộp nhựa, hộp sắt đựng xăng, dầu, dầu nhớt, mỡ chứa dầu mỡ... được thu gom vào 02 thùng chứa có dung tích 20 lít/thùng; các thùng chứa có nắp đậy kín, có dán nhãn phân loại chất thải nguy hại, đặt ở bên trong kho chứa vật liệu xây dựng trên công trường và Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường: Thực hiện đầy đủ theo nội dung báo cáo ĐTM.

4.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải tại 4 Bệnh viện, Trung tâm y tế như nội dung ở mục 4.1.1.

- Công trình, biện pháp thu gom, xử lý đối với mỗi Bệnh viện, Trung tâm y tế:

(1) Nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được thu gom về xử lý tại các bể tự hoại đặt ngầm dưới tòa nhà, ... Sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải được dẫn về hệ thống xử lý tập trung của Bệnh viện/Trung tâm y tế, cụ thể như sau:

- Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ: đã xây dựng 07 bể tự hoại mỗi bể có thể tích 8 m^3 , kích thước D x R x C: $3 \times 2,3 \times 1,2 \text{ (m)}$; xây thêm 03 bể tự hoại 3 ngăn có dung tích là $29,5 \text{ m}^3$, mỗi bể có kích thước D x R x C: $3 \times 2,7 \times 1,2 \text{ (m)}$ được thu gom bằng ống nhựa PVC có đường kính D110 với chiều dài 305m, dẫn tự chảy qua các hố ga về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Trung tâm y tế huyện Can Lộc: đã xây dựng có 8 bể tự hoại, mỗi bể có thể tích 12 m^3 , kích thước D x R x C: $3 \times 2 \times 2 \text{ (m)}$; xây thêm 02 bể tự hoại 3 ngăn với dung tích là 25 m^3 , mỗi bể có kích thước D x R x C: $3 \times 2,1 \times 2 \text{ (m)}$, được thu gom bằng ống nhựa PVC có đường kính D110 với chiều dài 270,5m, dẫn tự chảy qua các hố ga về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm.

- Trung tâm y tế huyện Hương Sơn: đã xây dựng 10 bể tự hoại, đặt dưới các hạng mục công trình. Mỗi bể có thể tích 12 m^3 , kích thước D x R x C: $2 \times 3 \times 2 \text{ (m)}$ được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC có đường kính D114 với chiều dài 325m dẫn tự chảy qua các hố ga về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm; xây thêm 02 bể tự hoại 3 ngăn với dung tích là 25 m^3 , có kích thước D x R x C: $3 \times 2,1 \times 2 \text{ (m)}$.

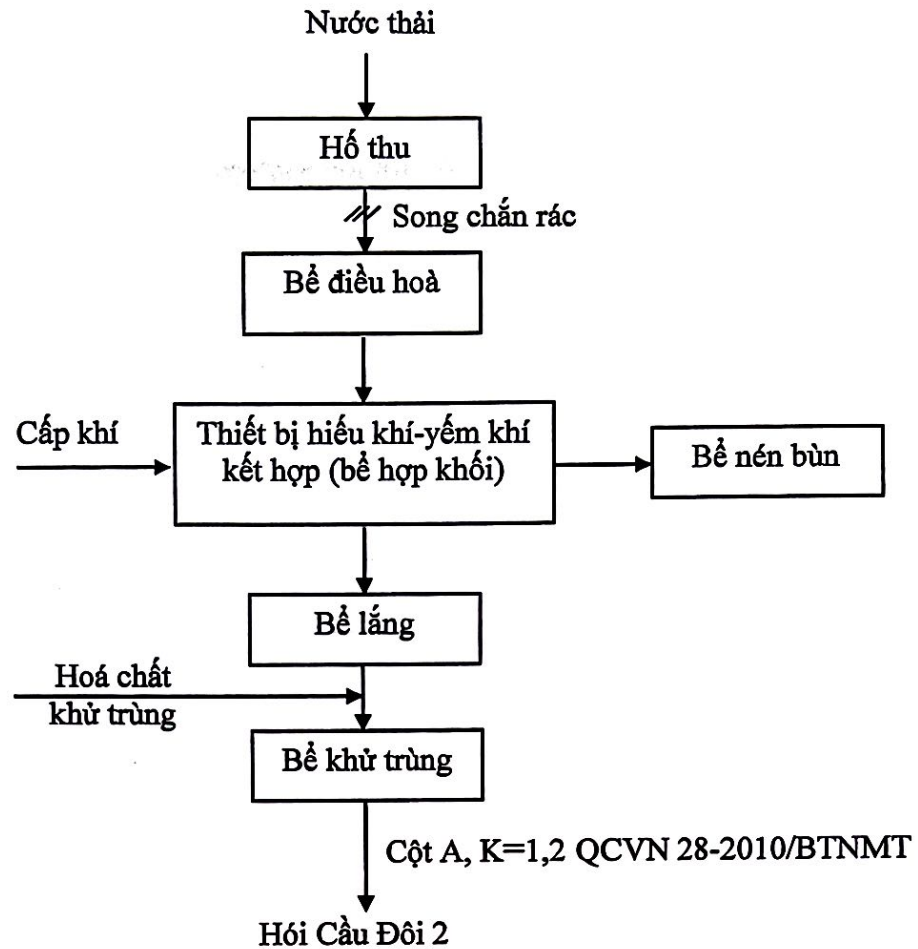
- Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà: đã xây dựng 09 bể tự hoại mỗi bể có thể tích 20 m^3 , có kích thước D x R x C được dẫn bằng ống nhựa PVC có đường kính D110 với chiều dài 266m dẫn tự chảy qua các hố ga về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

(2) *Đối với nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh (như nước thải giải phẫu, xét nghiệm, vệ sinh dụng cụ,...)*: được thu gom về hố thu gom rồi chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện/Trung tâm y tế (Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ được dẫn bằng ống nhựa PVC có đường kính D110 chiều dài 253m; Trung tâm y tế huyện Can Lộc được dẫn bằng đường ống nhựa PVC có đường kính D200 chiều dài 200m; Trung tâm y tế huyện Hương Sơn được dẫn bằng đường ống PVC D114 chiều dài 423m; Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà được dẫn bằng ống nhựa PVC có D110 chiều dài 310m). Nước thải trước khi vào hệ thống thu gom được chảy qua song chắn rác để loại bỏ toàn bộ rác thải kích thước lớn còn sót lại. Ngoài ra, dụng cụ y tế sau khi giải phẫu, xét nghiệm được ngâm vào dung dịch khử khuẩn để giảm thiểu một phần mức độ ô nhiễm.

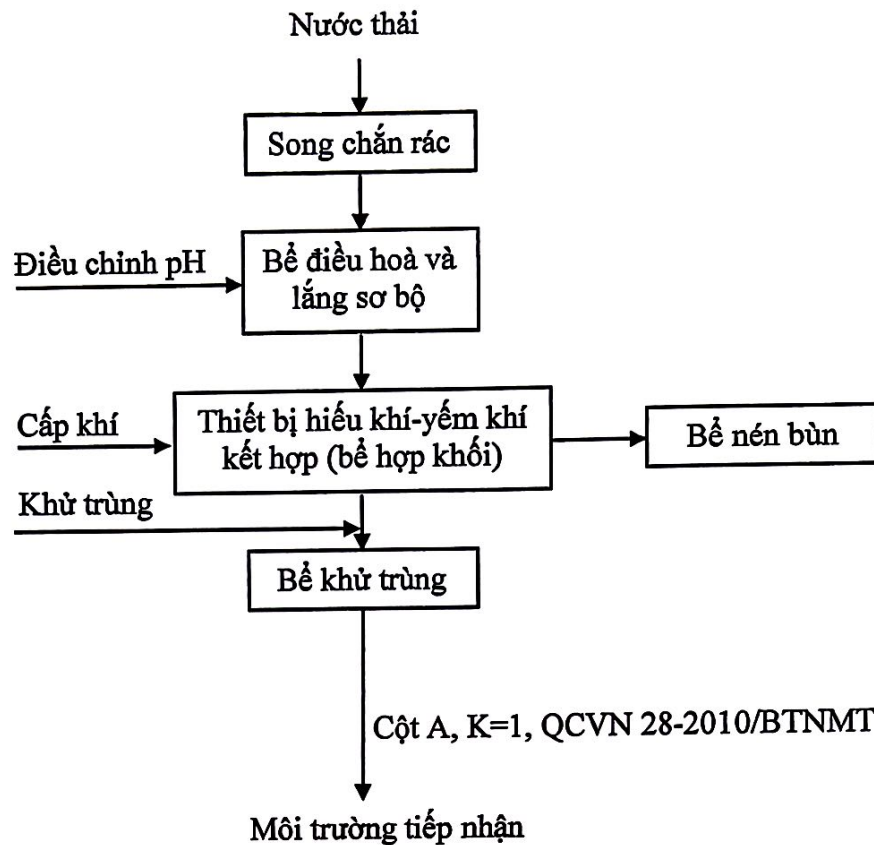
(3) *Đối với nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của bệnh nhân đã sử dụng thuốc phóng xạ (phân, nước tiểu)*: được thu gom vào bể tự hoại dùng riêng cho khoa ung bướu. Cấu trúc thành và nắp bể tự hoại bằng vật liệu cản xạ. Sử dụng 02 bể luân phiên để đảm bảo đủ thời gian lâu hơn 10 chu kỳ bán hủy của chất phóng xạ, sau đó mới thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Bệnh viện/Trung tâm y tế.

* Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện/ Trung tâm y tế được bố trí, công suất, quy trình công nghệ như sau:

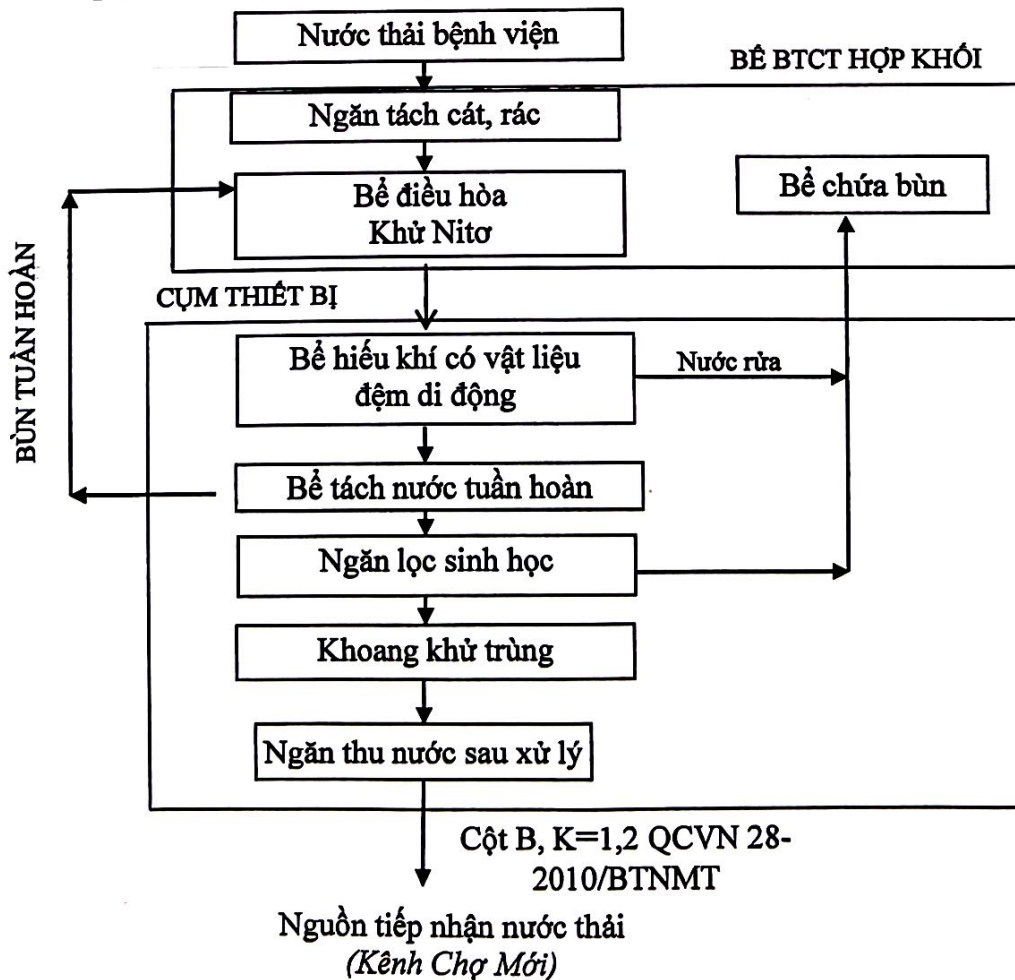
+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ: tại khu vực phía Tây Nam của Bệnh viện, có công suất xử lý $150 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung, như sau:



+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm y tế huyện Can Lộc: tại góc phía Nam của Trung tâm y tế với quy mô công suất thiết kế là 150 m³/ngày đêm và Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm y tế huyện Hương Sơn: tại khu vực phía Đông Bắc của Trung tâm y tế với quy mô công suất thiết kế 150 m³/ngày đêm. Có sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung, như sau:



+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà: tại góc phía Đông của Bệnh viện với quy mô công suất thiết kế là $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung, như sau:



4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý đối với nước mưa chảy tràn:

Nước mưa từ các mái nhà, sân, hè, đường, khuôn viên của Bệnh viện/ Trung tâm y tế được thu gom về hệ thống rãnh thu (có các song chắn rác là các lưới thép để ngăn rác thải và các chất thải rắn có kích thước lớn) và qua các hố ga để lắng đọng đất, cát, đá... trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Hệ thống rãnh thu thoát nước mưa được bố trí xung quanh nhà Bệnh viện/ Trung tâm y tế, sử dụng mương bê tông có nắp đan đầy kín với các hố ga thu thăm được bố trí theo quy định. Khoảng cách trung bình giữa các ga thu là 30m-40m.

4.2.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Các phòng khám, điều trị, chẩn đoán có hệ thống cửa sổ, hệ thống thông khí đồng bộ. Thiết kế đảm bảo trao đổi thông khí tự nhiên và nhân tạo theo các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành. Tạo độ thông thoáng cần thiết cho khu vực khám và chữa bệnh.

- Lắp đặt các thiết bị quạt hút bụi, quạt thổi, quạt làm mát... trong các phòng chức năng. Sử dụng hệ thống máy điều hoà không khí tại các phòng như: văn phòng, phòng mổ, phòng đẻ và một số phòng kỹ thuật khác.

- Sử dụng các chế phẩm vi sinh xử lý và hạn chế phát sinh mùi lạ như: Enchoice, PM... Các chế phẩm vi sinh này được phun trực tiếp vào các nguồn có khả năng phát sinh mùi, khu tập kết chất thải, các khu vệ sinh chung, khu xử lý nước thải.

- Đối với labo xét nghiệm, kho hoá chất, dược phẩm được lắp đặt hệ thống thông khí trực tiếp.

- Trồng cây xanh: Trồng cây là giải pháp tốt nhất đối với việc giảm thiểu ô nhiễm bụi, không khí trong bệnh viện, trung tâm y tế vì ngoài việc tạo cảnh quan, cây xanh còn hấp thụ bụi và các khí độc. Cây xanh chủ yếu được trồng xung quanh khuôn viên bệnh viện, trung tâm y tế và tại các khu vực như sân, hành lang. Ưu tiên sử dụng cây có tán lá rộng, các cây tạo cảnh đẹp.

- Dùng các loại chất sát khuẩn cho phép để làm vệ sinh tại các khu vệ sinh, khu vực tập trung rác...

- Thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo dưỡng các xe của bệnh viện, trung tâm y tế không chở quá tải trọng quy định.

- Thường xuyên vệ sinh Bệnh viện/ Trung tâm y tế, phun các chất sát khuẩn tại các nhà vệ sinh, thay thế những nắp cống hỏng. Định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước hạn chế sự phát tán mùi ra môi trường xung quanh.

- Các trang thiết bị y tế đúng theo tiêu chuẩn và được kiểm tra định kỳ.

- Cung cấp các thông tin về vệ sinh an toàn cho các cán bộ và bệnh nhân.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Sau khi các loại chất thải được thu gom, lưu giữ tập kết của Bệnh viện/Trung tâm, sẽ được xử lý như sau:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt không có khả năng tái chế thì sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý (dự kiến: BVĐK huyện Đức Thọ hợp đồng với HTX môi trường Đức Yên, TTYT huyện Can Lộc hợp đồng với HTX môi trường thị trấn Nghèn, TTYT huyện Hương Sơn hợp đồng với HTX môi trường Hương Sơn, BVĐK huyện Lộc Hà hợp đồng với HTX môi trường và dịch vụ nông nghiệp xã Thạch Châu).

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế như: Giấy, báo, tài liệu, vật đóng gói, thùng carton, túi nilon, túi đựng phim; chai lọ, lon nước uống giải khát bằng nhựa, kim loại; chai nhựa, đồ nhựa túi nilon, giấy bóng, can nhựa không chứa chất lây nhiễm, không có chất hóa học gây độc, v.v..., định kỳ bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn.

4.2.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại:

- Đối với Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ, Trung tâm y tế huyện Can Lộc và Bệnh viện đa khoa huyện Lộc Hà:

Các loại chất thải y tế nguy hại của Bệnh viện/Trung tâm y tế được phân loại, lưu giữ vào các thùng nhựa đặt tại nhà chứa chất thải (2 thùng màu vàng đựng chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, 2 thùng màu vàng đựng chất thải lây nhiễm sắc nhọn, 2 thùng màu đen đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm, 1 thùng màu trắng đựng chất thải tái chế), hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định. Riêng đối với là chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn của Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ được vận chuyển theo quy định về Cụm 2 (Trung tâm y tế huyện Hương Sơn) để xử lý bằng Hệ thống khử khuẩn bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt theo Quyết định 1780/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh.

- Đối với Trung tâm y tế huyện Hương Sơn:

Chất thải y tế được thu gom, phân loại, xử lý như sau:

+ Trường hợp chất thải rắn y tế là vật sắc nhọn: Được thu gom, lưu trữ và cô lập trong bể bê tông (Bể bê tông được xây dựng cách nhà lưu trữ chất thải y tế khoảng 1m; Bể được xây dựng hợp khối kết cấu bê tông cốt thép dày 200mm, kích thước BxLxH = 1,2x3,6x2,2m, gồm có 3 ngăn, có nắp đậy kín, bên trên có mái che bằng tôn đảm bảo không để nước mưa chảy tràn chảy qua). Khi đầy bể bê tông sẽ hợp đồng Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Trường hợp chất thải y tế là chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Được đưa về khu vực tập kết chất thải nguy hại tại phòng tập kết chất thải nguy hại để xử lý bằng Hệ thống khử khuẩn bằng hơi nóng kết hợp nghiền cắt.

+ Trường hợp chất thải giải phẫu (bệnh phẩm, nhau thai): Các loại chất thải gồm mô cơ, nhau thai được bọc trong bao bóng cẩn thận và được lưu giữ trong tủ bảo quản lạnh đặt ở khu vực lưu giữ. Sau đó hợp đồng Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Trường hợp chất thải nguy hại không lây nhiễm: Thu gom tập trung về khu vực tập kết chất thải nguy hại. Sau đó hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.6. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải khác

* *Đối với bùn cặn bể tự hoại*: định kỳ 2 năm/lần sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng hoặc Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hút, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

* *Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung*: định kỳ 1 năm/lần sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng hoặc Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hút, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

4.2.7. *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm khác và sự cố môi trường*: Thực hiện đầy đủ theo nội dung báo cáo ĐTM.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án:

* *Giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh*

- Vị trí giám sát: 02 điểm/công trình:

+ 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng.

+ 01 điểm tại tuyến đường vào khu vực công trường.

- Các thông số giám sát (5 thông số): Độ ồn, SO₂; NO₂; CO; Bụi tổng số.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/ lần, trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: So sánh với QCVN 05:2013/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh); QCVN 26:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn).

5.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

Theo Quy định tại khoản 2 Điều 111, khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường 2020; điểm b khoản 1 Điều 97, điểm c khoản 1 Điều 98 và các Phụ lục số XXVIII, XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì tại 4 Bệnh viện, Trung tâm y tế này không phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải, bụi và khí thải. Trong giai đoạn đi vào hoạt động, đơn vị thụ hưởng dự án, có trách nhiệm thực hiện giám sát một số nội dung sau:

a./. *Giám sát việc quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại*:

- Vị trí giám sát: Tại khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại của Bệnh viện/ Trung tâm y tế.

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, phân định, phân loại, lưu giữ, chuyển giao, xử lý chất thải phát sinh theo từng chủng loại chất thải của Bệnh viện/ Trung tâm y tế.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

b./. *Giám sát môi trường phóng xạ*:

- Vị trí giám sát: 02 điểm (Khu vực chụp chiếu X-quang; Khu vực lưu giữ chất thải tại Bệnh viện/ Trung tâm y tế).

- Nội dung giám sát và yêu cầu bảo đảm an toàn bức xạ: Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và công nghệ - Bộ y tế và quy định của pháp luật hiện hành.

- Tần suất giám sát: 1 năm/lần.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường (Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung):

6.1. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và

ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu;

6.2. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và những vấn đề có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ được phép đổ các loại đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ vật liệu thải.

6.3. Trong quá trình thực hiện dự án, trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý;

6.4. Đầu tư xây dựng, lắp đặt các công trình xử lý chất thải theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt.

6.5. Sau khi được bàn giao các công trình hạng mục của dự án, đề nghị đơn vị thụ hưởng dự án quản lý vận hành theo đúng báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và theo quy định pháp luật có liên quan./.


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Số: /GP-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng 9 năm 2021

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ: Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực biển, hải đảo, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 28/7/2021 của Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ (kèm theo Báo cáo hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước đối với Công trình xả nước thải Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ tại tổ dân phố Hùng Dũng, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh)

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3603/TTr-STNMT ngày 15/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ (Quyết định thành lập số 1169/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của UBND tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ: Tổ dân phố Hùng Dũng, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh) được xả nước thải từ

hoạt động Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ tại tổ dân phố Hùng Dũng, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; với các nội dung chủ yếu sau:

1. Vị trí, tọa độ điểm xả nước thải: tổ dân phố Hùng Dũng, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh: Tọa độ X(m) = 2047747; Y (m)= 509644 (theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, được xác định bằng máy định vị GPS cầm tay).

2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hố Cầu Đôi 2 tại tổ dân phố Hùng Dũng, thị trấn Đức Thọ sau đó ra kênh 19/5 tại xã Bùi La Nhân và chảy về sông Nghèn.

3. Phương thức xả thải: nước thải của Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,2) được xả ra môi trường tiếp nhận. Nước thải được xả trên bề mặt nguồn tiếp nhận theo phương thức tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn theo quy trình vận hành của hệ thống xử lý (08h/24h).

5. Lưu lượng xả nước thải:

- Lưu lượng trung bình: 61m³/ngày đêm;

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 150m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: giá trị tối đa được phép của các thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải của Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,2). Cụ thể ở bảng sau:

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	QCVN 28:2010/BTNMT Giá trị C _{max} (Cột A, K = 1,2)
1	pH	Thang pH	6,5 – 8,5
2	BOD ₅	mg/l	36
3	COD	mg/l	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000
11	Salmonella	VK/100ml	Không phát hiện

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	QCVN 28:2010/BTNMT Giá trị $C_{\max}$ (Cột A, K = 1,2)
12	Shigella	VK/100ml	Không phát hiện
13	Vibro cholerae	VK/100ml	Không phát hiện

7. Thời hạn của giấy phép: 05 năm (Năm năm).

Điều 2. Yêu cầu đối với Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được Cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế, quy trình nêu trong Hồ sơ; chỉ được phép xả nước thải bảo đảm các thông số, chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận. Nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu thì Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

3.1. Quan trắc chất lượng nước thải tại 02 vị trí, gồm: 01 vị trí trước (đầu vào) và 01 vị trí sau (đầu ra) của hệ thống xử lý nước thải. Tần suất quan trắc 03 tháng/01 lần. Thông số quan trắc theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.

3.2. Quan trắc lưu lượng nước thải: thông qua đồng hồ/thiết bị đo lưu lượng xả nước thải, cập nhật, ghi chép lưu lượng ($m^3/ng.đ$) vào sổ nhật ký vận hành công trình xả nước thải đầu vào và đầu ra theo quy định.

3.3. Quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: 01 vị trí tại Hố Cầu Đồi 2 (cách điểm tiếp nhận khoảng 100m về phía hạ lưu). Thông số quan trắc (10 thông số): pH, DO, TSS, COD, BOD₅, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Coliform, Tổng dầu mỡ. Tần suất quan trắc 06 tháng/lần; Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A₂.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo) việc xả nước thải vào nguồn nước theo đúng quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Trưởng Tài nguyên và Môi trường.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa phương.

6. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hiệu lực nếu Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung như Điều 1

của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ được hưởng các quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Đức Thọ; Chủ tịch UBND thị trấn Đức Thọ; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục QL Tài nguyên nước - BTNMT (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP (phụ trách);
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Sơn

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



4 218 268 153 707 39

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN ĐỨC THỌ

Quyết định thành lập số 1169/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của UBND tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hùng Dũng, xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

BY 370739

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 90, tờ bản đồ số: 21
b) Địa chỉ: Thôn Hùng Dũng, xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
c) Diện tích: 16792,4m², (bằng chữ: mười sáu nghìn bảy trăm chín mươi hai phẩy bốn mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất xây dựng cơ sở y tế (Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ)
e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

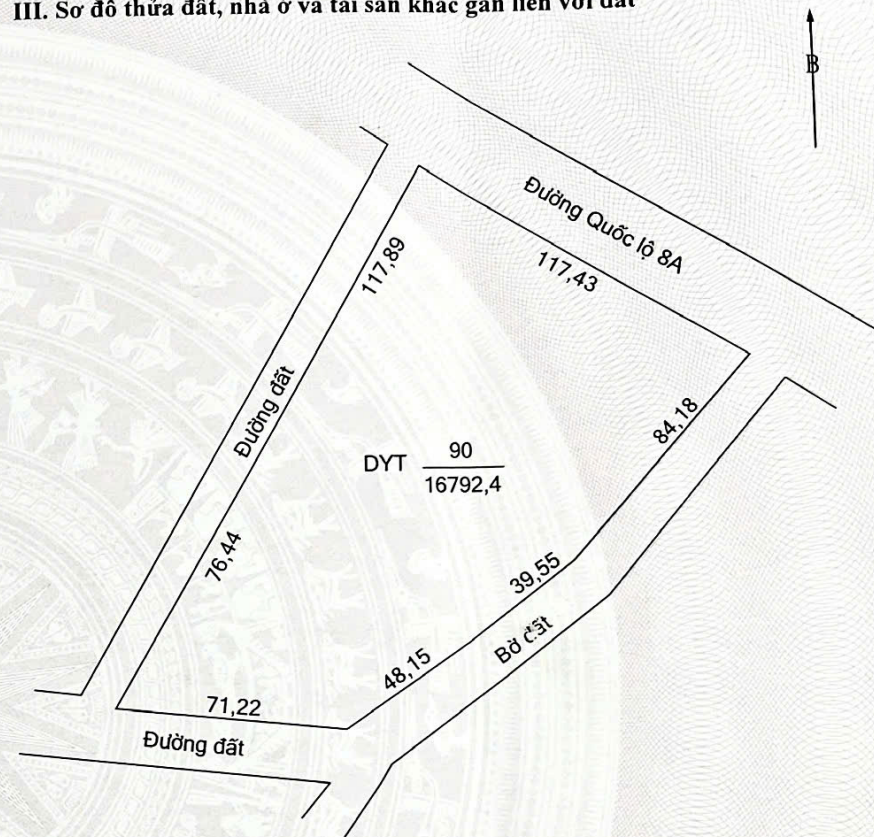
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Hà Tĩnh, ngày 26. tháng 6. năm 2015
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT0104.2/.....

Số: 25 /KH-TTYT

Đức Thọ, ngày 19 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Quản lý chất thải Y tế và ứng phó sự cố môi trường

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

Luật khám chữa bệnh năm 2023, thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021.

Đề án bảo vệ môi trường theo Quyết định số 101/QĐ-TNMT ngày 18/8/2009 của Bệnh viện đa khoa huyện Đức Thọ .

Trung tâm Y tế Đức Thọ xây dựng kế hoạch Quản lý chất thải y tế và ứng phó các sự cố môi trường năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu nguy cơ, sự cố môi trường do chất thải y tế.
- Chủ động ứng phó, ngăn chặn, xử lý kịp thời sự cố môi trường do chất thải y tế.
- Xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp trong việc tổ chức triển khai phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế, bảo đảm tính kịp thời, an toàn và hiệu quả.

2. Yêu cầu:

- Bảo đảm thực hiện thống nhất các quy định, hướng dẫn chuyên môn trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế.
- 100% cán bộ y tế được tập huấn về nhận diện các sự cố môi trường do chất thải y tế và thực hiện được việc đánh giá, nhận diện các nguy cơ sự cố môi trường do chất thải y tế tại đơn vị.
- Triển khai thực hiện rà soát, điều tra, đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố môi trường do chất thải y tế và sẵn sàng ứng phó kịp thời.
- Xây dựng và ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế.
- Thực hiện diễn tập PN&UPSCMT cấp cơ sở.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giải quyết những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

2.1. Dự báo nguy cơ xảy ra các rủi ro, sự cố môi trường

a. Sự cố cháy, nổ:

- Trong giai đoạn hoạt động, sự cố cháy nổ chủ yếu do bất cẩn khi sử dụng điện, sét đánh gây chập điện, bắn can khi hút thuốc, bất cẩn ở kho chứa nhiên liệu,...

Nếu xảy ra sự cố cháy sẽ gây tổn thất rất lớn về tài sản. Bên cạnh đó, sẽ có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng và sức khỏe của CBCNV, bệnh nhân và người nhà thăm nuôi...

b. Sự cố xảy ra tai nạn

- Tai nạn lao động: Do CBCNV bất cẩn khi sử dụng nguồn điện, hoặc khi vận hành các máy móc thiết bị nên gặp phải tai nạn;

- Tai nạn giao thông: Tai nạn xảy ra do khu vực tăng mật độ các phương tiện ra vào, lúc tan tầm hoặc lúc người nhà thăm nuôi vào đông đúc.

2.2. Giảm thiểu sự cố

a. Sự cố cháy nổ sẽ gây ra thiệt hại về tài sản và tính mạng cho CBCNV do đó biện pháp khắc phục các sự cố là:

- Trung tâm hàng năm lập một báo cáo riêng về công tác PCCC trình Công an PCCC thẩm định, phê duyệt. Trong khuôn khổ báo cáo này sẽ trình bày một số vấn đề cơ bản sau:

+ Trung tâm sẽ xây dựng đội PCCC, mua trang thiết bị, xây dựng nội quy và phối hợp với các cơ quan PCCC để tập huấn cho đội và định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội quy đã định.

+ Quy hoạch ngôi nhà, bảo đảm khoảng cách hợp lý giữa các công trình, để các phương tiện chữa cháy có thể thao tác dễ dàng, nhằm cách ly, tránh xảy ra tình trạng cháy lan.

+ Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy theo quy định như: bể nước dự phòng, bình CO₂, ...

+ Cần phải lắp đặt hệ thống chống sét, thu sét cho toàn bộ khu vực trung tâm và tuân theo các yêu cầu kỹ thuật nhằm hạn chế ở mức thấp nhất thiệt hại do sét gây ra, đảm bảo sự an toàn của công trình về lâu dài.

+ Việc thiết kế, lắp đặt điện phải tuân thủ theo các quy định về an toàn điện.

+ Có nội quy, quy định cũng như những hướng dẫn sử dụng cụ thể đảm bảo các yêu cầu về an toàn điện.

+ Hệ thống điện phải được lắp đặt các role chống sự cố để hạn chế chập điện, những tình huống xấu do sự cố về điện gây ra.

+ Trong nhà điều khiển hệ thống sẽ lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin báo động. Các phương tiện phòng cháy, chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và nằm trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.

+ Trong khu vực có thể gây cháy nổ như ở hệ thống bể Biogas, nhân viên không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm và các dụng cụ phát ra lửa.

+ Các loại nguyên nhiên liệu dễ cháy được bảo quản nơi thoáng, cách ly bởi hàng rào và có tường che chắn để phòng khả năng gây cháy lan truyền.

+ Huấn luyện nhân viên công tác phòng cháy, nổ và xây dựng một đội phòng, chống cháy được huấn luyện thường xuyên và luôn ở trạng thái thường trực.

b. Sự cố xảy ra tai nạn

- An toàn giao thông:

Để đảm bảo an toàn giao thông; giảm thiểu ách tắc và tai nạn xảy ra tại khu vực giữ xe 2 bánh, khu vực giữ ô tô, công ra vào và các đoạn đường lân cận (Quốc lộ), Xây dựng các quy định đối với xe cộ ra vào như: giảm tốc độ, khi ra vào công, ... Đặt các bảng quy định tại các vị trí đông người ra vào, để quan sát.

- An toàn lao động:

Các sự cố trong lao động có thể xảy ra bất cứ lúc nào do bất cẩn, do hỏng máy móc, sự cố về điện.

Ngoài các phương pháp không chế ô nhiễm nêu trên, các phương án nhằm giảm thiểu ảnh hưởng các tác nhân ô nhiễm đối với sức khỏe nhân viên vận hành hệ thống thiết bị xử lý sẽ được áp dụng triệt để. Các phương án đó là:

- Chương trình kiểm tra và giám sát về sức khỏe định kỳ cho nhân viên X-quang và nhân viên vận hành hai hệ thống xử lý nói trên.

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho con người.

- Không chế tiếng ồn, trang bị bảo hộ lao động để tránh các bệnh đáng tiếc xảy ra.

- Đào tạo và cung cấp thông tin về vệ sinh môi trường và an toàn lao động.

c. Những vấn đề cần lưu ý nhằm bảo vệ môi trường sinh thái chủ yếu là:

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải (theo QCVN) trước khi đổ trực tiếp vào nguồn nước chung.

+ Phát hiện và ngăn chặn các hoạt động của các thành phần kinh tế khác không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

+ Khi xây dựng các công trình phải chú ý đến kiến trúc để bảo đảm tính kiên cố của công trình và tạo vẻ đẹp hài hoà với phong cảnh thiên nhiên, với hoạt động khám chữa bệnh và bản sắc văn hoá khu vực cơ quan.

- Tiến hành trồng cây quanh khu vực bệnh viện nhằm tạo cảnh quan xanh sạch đẹp cho khu vực. Khi trồng cây, ưu tiên lựa chọn một số loài cây tán rộng, ít rụng lá, có hoa.

d. Hệ thống xử lý chất thải lỏng bị hỏng :

- Khi có sự cố ngừng hoạt động xả nước thải ra nguồn tiếp nhận , báo cáo lãnh đạo , đồng thời huy động mọi nguồn lực nhanh chóng kiểm tra xác định sự cố ...trên cơ sở đó đưa ra phương án sửa chữa khắc phục trong thời gian ngắn nhất , và hợp đồng với công ty xử lý chất thải lỏng đảm bảo cơ sở pháp lý .

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn:

- Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải y tế và ứng phó sự cố môi trường.
- Tập huấn kiến thức về xử lý chất thải y tế và ứng phó sự cố môi trường cho cán bộ y tế trong toàn trung tâm.

2. Phòng tổ chức hành chính:

- Bố trí cán bộ phối hợp với công ty bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý chất thải y tế trong quá trình thực hiện.
- Mua sắm đầy đủ vật tư trang thiết bị phục vụ cho công tác lưu trữ chất thải, ứng phó sự cố môi trường.

3. Phòng tài chính kế toán:

- Đảm bảo đủ nguồn kinh phí để thực hiện việc lưu trữ, xử lý chất thải y tế, ứng phó sự cố môi trường theo kế hoạch.

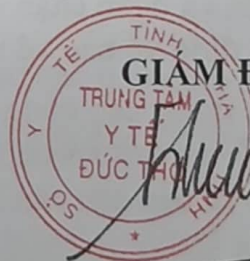
4. Các khoa phòng

- Dự trù trang thiết bị cần thiết cho việc lưu trữ chất thải y tế đảm bảo.
- Thực hiện đúng các quy định, quy trình thu gom, lưu trữ chất thải y tế theo hướng dẫn.

Trên đây là kế hoạch quản lý chất thải y tế và ứng phó các sự cố môi trường của Trung tâm Y tế Đức Thọ, Ban Giám đốc yêu cầu các trường khoa/ phòng liên quan triển khai thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ phòng tổ chức hành chính và khoa KSNK để được giải quyết./. *Đ*

Nơi nhận :

- Các khoa/phòng;
- Lưu: VT, TC-HC, KSNK.



Nguyễn Đình Thiện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ RÁC THẢI Y TẾ

Số: 01/2026-2027 HĐ

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thực hiện từ 01/01/2017.

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/2006.

Thông tư 20/2021/TT-BYT về quản lý chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026, tại Trung tâm Y tế Đức Thọ chúng tôi gồm:

I. BÊN A : TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ

Địa chỉ trụ sở: thôn Hùng Dũng - Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0393.831484

Tài khoản: 3714.0.1130189.00000 tại PGD số 3- Kho bạc Nhà nước huyện Đức Thọ.

Đại diện: - Ông: Nguyễn Đình Thiện - Chức vụ: Giám đốc

- Bà: Nguyễn Thị Long - Chức vụ: Kế toán trưởng

- Bà: Đặng Thị Hạnh - Chức vụ: Phó trưởng khoa

KSNK;

II. BÊN B: HỢP TÁC XÃ DV MÔI TRƯỜNG ĐỨC YÊN

Địa chỉ: Xã Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0985.731.732

Đại diện: Ông Nguyễn Đình Phúc - Chức vụ: Giám đốc .

CCCD: 042058000558 cấp ngày 25/3/2021

Số TK : 3711.06.0558999 tại Ngân hàng AGRIBANK

Sau khi bàn bạc thống nhất, hai bên cùng thoả thuận các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A có trách nhiệm thu gom rác vào bao bì gọn gàng, tập kết tại địa điểm thu gom rác thải

Bên B nhận vận chuyển và xử lý chất thải cho bên A

Cứ vào số lần và trọng lượng bên A bàn giao cho bên B;

Bên B có trách nhiệm Vận chuyển và xử lý rác kịp thời không để tồn đọng rác tại bệnh viện và gây ô nhiễm môi trường. Đảm bảo thu gom sạch sẽ không để vương vãi rác trong quá trình vận chuyển

- Đơn giá xử lý rác thải là: 292.000 đồng /m³ (Hai trăm chín mươi hai nghìn đồng trên một mét khối)

Hình thức hợp đồng : Theo đơn giá cố định

Thanh toán bằng hình thức Chuyển khoản hoặc Tiền mặt

Thời gian thực hiện hợp đồng 2 năm từ 01 / 01 /2026 đến 31/12/2027

Thời hạn thanh toán : Nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo từng tháng , thanh toán 100% giá trị sau khi nghiệm thu công việc

Khi có biến động về giá cả do Quyết định của ban ngành chức năng thì 2 bên điều chỉnh lại cho phù hợp theo giá của ban ngành chức năng có thẩm quyền theo quy định.

Điều 2: Địa điểm nhận tiêu hủy chất thải y tế

- Bên B nhận rác thải tại các bãi tập kết rác của bên A vào các ngày làm việc trong tuần.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ bên B:

- Bên B chịu trách nhiệm thu gom, tiêu hủy rác cho Bên A vào các ngày trong tháng

- Hình thức thanh toán: Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt tại phòng thu phí của bệnh viện. hoặc Chuyển khoản

- Bên B không cung cấp được hóa đơn cho bên A, nên Bên B phải chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến thuế mà bên B phải nộp cho cơ quan nhà nước . Bên A không chịu trách nhiệm về vấn đề thuế này

- Tôn trọng, chấp hành đúng quy định của bên A và các quy định đảm bảo an toàn xử lý rác thải y tế.

Điều 4 : Quyền và nghĩa vụ bên A:

- Yêu cầu Bên B vận chuyển rác thải đúng thời gian và địa điểm quy định.

- Phân công người theo dõi, nhận, cân rác và có sổ theo dõi ký giao, nhận rác đầy đủ

- Thanh toán đầy đủ và đúng thời gian cho bên B

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện hợp đồng.

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ

hợp đồng. Nếu có vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ cùng bàn bạc thương lượng tìm cách giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của hai bên.

2. Bên nào vi phạm hợp đồng, thì phải trả cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm hợp đồng, chi phí để ngăn chặn hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 01 bản.



ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Đình Thiện



ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Đình Phúc



HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

THU GOM, VẬN CHUYỀN, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 01.06/2026 /HĐXLCTNH/HGQ- YTĐT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ- CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Căn cứ vào Giấy phép môi trường số 364/GPMT-BTNMT ngày 18/09/2024 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Xây dựng Môi trường Thương mại Hoàng Gia Quân;
- Căn cứ vào năng lực của Công Ty Cổ phần xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân;
- Căn cứ nhu cầu của Trung tâm y tế Đức Thọ về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A: TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ

Địa chỉ : Tổ dân phố Hùng Dũng, xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh
Người đại diện : Ông Nguyễn Đình Thiện Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại : 0239 3831 484
Mã số thuế : 3000296183
Tài khoản : 3714.0.1085565.00000

Tại: Kho bạc nhà nước KV XII – PGD số 3

BÊN B: CÔNG TY CP XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA QUÂN

Địa chỉ : Xóm Kim Liên, Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
Người đại diện : Ông Đặng Hữu Quân Chức vụ : Giám đốc
Điện thoại : 02383.866.666
Mã số thuế : 2901447661
Tài khoản : 3607201002681

Tại: Ngân hàng agribank chi nhánh Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An.

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) với những điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao CTNH của Bên A để xử lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

- Cách thức thu gom CTNH: Bên A thông báo trước (bằng văn bản hoặc điện thoại) cho Bên B thời gian thu gom CTNH.



- Địa điểm thu gom CTNH: Tại Trung tâm y tế huyện Đức Thọ
Địa chỉ: Tổ dân phố Hùng Dũng, Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh.
- Địa điểm xử lý CTNH của Bên B: Nhà máy xử lý chất thải rắn và lỏng Tân Kỳ có địa chỉ tại: Thung 70, xóm Hồ Thành, xã Hoàn Long, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.
- Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công bốc xếp và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải nguy hại theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.
- Thời hạn của Hợp đồng: 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Kết thúc thời hạn nói trên các Bên cùng nhau thương lượng về việc ký kết hợp đồng mới. Trường hợp không thỏa thuận được, các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và không còn nợ giữa hai bên thì coi như Hợp đồng này tự động thanh lý.
- Tần suất thu gom: Bên A thông báo trước ít nhất 02 ngày cho Bên B.

ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý:

2.1.1. Danh mục chất thải thu gom như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	13 01 01	Kg
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	Kg
3	Dược phẩm gây độc tế bào thải	Rắn	13 01 03	kg
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	kg
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	Kg
6	Bao bì mềm, giẻ lau thải	Rắn	18 01 01	Kg
7	Bao bì cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	18 01 04	kg
8	Bao bì là vỏ chai, lọ thuốc có chứa thành phần gây độc tế bào.	Rắn	18 01 04	kg

2.1.2. Đơn giá được thể hiện trong phụ lục đính kèm với Hợp đồng.

2.1.3. Ký hiệu và mã CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.1. Hình thức thanh toán:

2.2.1. Hình thức thanh toán:

- Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế thu gom để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập bảng kê hai bên cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng cho từng tháng để làm cơ sở thanh toán và xuất hóa đơn tài chính (Hóa đơn phát hành theo thông tin trên Hợp đồng mà Bên A cung cấp cho Bên B).
- Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng Việt Nam đồng theo hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên B 100% giá trị thanh toán theo khối lượng hàng tháng chậm nhất 07 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm (tính theo thời

điểm xuất hóa đơn):

- Hồ sơ thanh toán gồm có:
 - + Hợp đồng kinh tế;
 - + Hóa đơn giá trị gia tăng;
 - + Đề nghị thanh toán;
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng
 - + Liên chứng từ chất thải nguy hại.

2.2.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

2.2.3 Trường hợp nếu bên A chậm thanh toán cho bên B theo (Điều 2, khoản 2.2.1) thì ngoài giá trị hợp đồng nêu trên bên A phải chịu thêm phạt với mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Thông báo số lượng, chủng loại chất thải cho bên B trước khi thu gom, vận chuyển. Đảm bảo các loại chất thải nguy hại bên A chuyển giao cho bên B có trong giấy phép của Công ty CP XD Môi trường thương mại Hoàng Gia Quân (không bao gồm các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại);
- Tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho bên B vào lấy chất thải; Tất cả bao bì đó sẽ được tiêu hủy và xử lý cùng với CTNH. Nếu Bên A không phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và không bàn giao chứng từ chất thải nguy hại trong ngày chuyển giao chất thải đúng theo quy định môi trường, thì Bên B sẽ không nhận hàng.
- Hỗ trợ bên B việc vận chuyển chất thải lên xe trong trường hợp khối lượng thu gom lớn cần phải có phương tiện cơ giới bốc dỡ;
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo với bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các chất thải với nhau. Trường hợp các CTNH không đúng như thông báo với Bên B thì các Bên tiến hành lập biên bản bổ sung chủng loại CTNH cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật cho Bên B;
- Bên A có trách nhiệm theo dõi giám sát quá trình giao nhận chất thải và phối hợp lập chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;
- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 2 Hợp đồng này; trong thời gian thực hiện hợp đồng hoặc quá trình thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nếu xảy ra phát sinh gì thì bên A phải thông tin, phản ánh theo đường dây nóng: 02383.518.618
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận số lượng chất thải của bên A bàn giao đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó;
- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để bốc dỡ, thu gom chất thải tại khu lưu giữ CTNH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận;
- Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của bên A và bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải;
- Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được lưu chứa trong phương tiện, vật chứa chuyên dụng, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý, chuyển giao xử lý chất thải của bên B;

- Bên B cam kết lưu giữ, xử lý, chuyển giao chất thải theo đúng với quy định của pháp luật;
- Chuyển trả chứng từ CTNH cho Bên A sau khi xử lý và chuyển giao xử lý hoàn tất các loại CTNH;
- Trong trường hợp phương tiện vận chuyển hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong vòng 3 ngày làm việc;
- Cùng bên A xác nhận khối lượng, chất thải thu gom, vận chuyển xử lý;
- Bên B có quyền tạm dừng vận chuyển CTNH của bên A khi chất thải nguy hại không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này các Bên tiến hành lập biên bản làm căn cứ xác nhận.
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

4.3. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 4.1.1. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin;
- 4.1.2. Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- 4.1.3. Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt Hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.4. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:

- 4.4.1. Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng nếu chứng minh bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của hợp đồng. Thông báo đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng phải được gửi cho bên vi phạm 30 ngày làm việc trước ngày đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng;
- 4.4.2. Trường hợp hợp đồng này bị đơn phương chấm dứt, tạm dừng không tuân thủ theo quy định trên, thì bên chấm dứt Hợp đồng không đúng quy định phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và chịu phạt vi phạm Hợp đồng cho Bên kia;
- 4.4.3. Các Bên không phải bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5 : TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 5.1. Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được, không có sẵn và không thể khắc phục được sau ngày ký hợp đồng này, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo tập quán thương mại chung của Việt Nam;
- 5.2. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng.

ĐIỀU 6 : BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

6.1 Bồi thường thiệt hại:

- 6.1.1. Nguyên tắc bồi thường: Căn cứ trên thiệt hại thực tế và lỗi của bên vi phạm. Áp dụng ngang nhau cho các bên vi phạm;
- 6.1.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bên nào thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ dẫn đến gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho

bên kia.

6.2 Phạt vi phạm Hợp đồng:

- 6.2.1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm;

ĐIỀU 7: PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp phát sinh tranh chấp từ nội dung hợp đồng này các bên cùng thương lượng hòa giải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong trường hợp không thể hòa giải được các bên có quyền khởi kiện ra Tòa Án có thẩm quyền giải quyết.

ĐIỀU 8 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1. Bất kỳ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó là một phần không thể tách rời là bản chính hay là Phụ lục bổ sung của Hợp đồng này.
- 8.2. Hợp đồng này có hiệu lực một tháng kể từ ngày ký. Hết hạn hợp đồng một trong hai bên không có ý kiến gì bổ sung thì mặc nhiên hợp đồng tự động thanh lý.
- 8.3. Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai Bên (A và B), không có giá trị với bất cứ bên thứ ba nào khác.
- 8.4. Những gì không được quy định trong Hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ;
- 8.5. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện. 



ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Đình Thiện



ĐẠI DIỆN BÊN B

Đặng Hữu Quân



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG (Phụ lục 01)

Số: 01.06/2026/PLHĐXLCTNH/HGQ-YTĐT

(Kèm theo Hợp đồng số: 01.06/2026 /HĐXLCTNH/HGQ- YTĐT)

Ký ngày 01 tháng 06 năm 2026 giữa: Trung tâm y tế Đức Thọ và Công ty CP xây dựng môi trường thương mại Hoàng Gia Quân.

BÊN A: TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ

Địa chỉ : Tổ dân phố Hùng Dũng, Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh
Người đại diện : Ông Nguyễn Đình Thiện Chức vụ: **Giám đốc**
Điện thoại : 0239 3831 484
Mã số thuế : 3000296183
Tài khoản : 3714.0.1085565.00000
Tại: Kho bạc nhà nước huyện Đức Thọ

BÊN B: CÔNG TY CP XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI HOÀNG GIA QUÂN

Địa chỉ : Xóm Kim Liên, Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
Người đại diện : Ông Đặng Hữu Quân Chức vụ : **Giám đốc**
Điện thoại : 02383.866.666
Mã số thuế : 2901447661
Tài khoản : 3607201002681, tại ngân hàng agribank chi nhánh Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2026, tại văn phòng Trung tâm y tế Đức Thọ, hai bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng với nội dung sau:

1. Bên B đồng ý thu gom, xử lý vận chuyển chất thải nguy hại của bên A với đơn giá cụ thể như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Đơn giá
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	13 01 01	Kg	17.500
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	13 01 02	Kg	5.400
3	Dược phẩm gây độc tế bào thải	Rắn	13 01 03	kg	5.400
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	kg	2.200
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	Kg	3.000
6	Bao bì mềm, giẻ lau thải	Rắn	18 01 01	Kg	2.500
7	Bao bì cứng (đã chứa chất thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	Rắn	18 01 04	kg	2.400

8	Bao bì là vỏ chai, lọ thuốc có chứa thành phần gây độc tế bào.	Rắn	18 01 04	kg	5.000
---	--	-----	----------	----	-------

Ghi Chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.
 - Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc vác.
2. Tất cả các điều khoản của hợp đồng vẫn được áp dụng cho các Phụ lục kèm theo. Phụ lục này là một phần không thể tách rời với hợp đồng.
 3. Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. *vg*

ĐẠI DIỆN BÊN A



[Signature]

Nguyễn Đình Thiện

ĐẠI DIỆN BÊN B



[Signature]

Đặng Hữu Quân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

Ngày 03 tháng 12 năm 2025

Hợp đồng số: HD2500203649_2512021448

Gói thầu: Cải tạo hệ thống xử lý nước thải Trung tâm Y tế Đức Thọ

Tên dự toán mua sắm: Cải tạo hệ thống xử lý nước thải Trung tâm Y tế Đức Thọ

Căn cứ pháp lý:

-Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2025/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định quản lý thiết bị y tế được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-TTĐT ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm Y tế Đức Thọ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cải tạo hệ thống xử lý nước thải Trung tâm Y tế Đức Thọ và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số 310/TB-TTĐT ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày 2 tháng 12 năm 2025

- Các căn cứ khác (nếu có):

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế Đức Thọ

Ghi chú: 1130189

Địa chỉ: Tổ dân phố Hùng Dũng, Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0965251616

Fax:

E-mail: bvductho2011@gmail.com

Tài khoản: 9527.2.1130189 hoặc 3714.0.1130189.00000, PGD số 3- KBNN Khu vực XII

Mã số thuế: 3000296183

Đại diện là ông/bà: Nguyễn Đình Thiện

Chức vụ: Giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÂU

Địa chỉ: Số 3 Ngõ 29 Ngách 27, Phố Dịch Vọng, Tổ 15, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0974906055

Fax:

E-mail: vuhatinh3838@gmail.com

Tài khoản: 82.68.86.68.68, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)

Mã số thuế: 0110492403

Đại diện là ông/bà: NGUYỄN HỒNG VŨ

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng được quy định tại E-ĐKCT của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng;

Bên A cho phép nhân viên của Bên B ra vào khu vực thi công và tạo mọi điều kiện cần thiết để bên B thực hiện công việc;

Bên A không được cho phép người ngoài không phải nhân viên của Bên B thực hiện các công việc vận hành, bảo trì thiết bị hoặc tiếp cận tác động vào thiết bị nếu không được Bên B đồng ý;

Bên A có trách nhiệm thông báo ngay chi tiết và chính xác khiếm khuyết của thiết bị trong quá trình sử dụng để Bên B có thể có biện pháp xử lý đúng đắn. Bên A có quyền yêu cầu Bên B xử lý, thực hiện lại các hạng mục công việc mà kết quả kiểm tra cho thấy không đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu kỹ thuật quy định. Trong trường hợp như vậy Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện lại, giám sát, kiểm tra và các chi phí khác nảy sinh từ việc thực hiện lại;

Bên A có trách nhiệm cử người phụ trách, phối hợp kiểm tra ký xác nhận khi Bên B đã thực hiện xong việc theo điều khoản hợp đồng;

Điều 4. Trách nhiệm của bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Bên B phải lập và kiểm tra thực hiện biện pháp tổ chức thực hiện, tiến độ thực hiện;

Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về kỹ thuật giải pháp thực hiện của mình nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ và đúng đắn các yêu cầu kỹ thuật quy định.

Các vật tư sản phẩm bên B triển khai thi công lắp đặt có nguồn gốc xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, đặc tính, thông số kỹ thuật rõ ràng

Trong quá trình thực hiện Bên B phải thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng công việc. Tất cả các công tác theo dõi và kiểm tra chất lượng tại hiện trường. Đối với các tài liệu cơ bản, biên bản nghiệm thu... Bên B phải lập thành hồ sơ lưu trữ cả ở hiện trường lẫn văn phòng của Bên B để cán bộ Giám sát Bên A và bất kỳ người nào khác được Bên A ủy quyền có thể tham khảo và xem xét vào bất kỳ thời gian nào.

Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A và pháp luật về chất lượng công việc; phạt vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không rõ nguồn gốc, không đúng chủng loại, thi công không đảm bảo chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại.

Bên B phải tuân thủ an toàn lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.

Lịch công việc thực hiện: Báo cáo trước khi thực hiện công việc theo tuần, tháng để Bên A theo dõi, giám sát việc thực hiện.

Bên B có trách nhiệm bảo hành sản phẩm do bên B cung cấp là 12 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản xác nhận hoàn thành công việc;

Trong thời gian bảo hành sản phẩm nhà thầu sẽ hỗ trợ chủ đầu tư về dịch vụ kỹ thuật khi có yêu cầu. Nhà thầu sẽ bố trí cán bộ kỹ thuật cùng các máy móc, dụng cụ, tài liệu liên quan phối hợp

cùng chủ đầu tư để xử lý sự cố cũng như trong quá trình vận hành, bảo trì bảo dưỡng. Toàn bộ chi phí đi lại, ăn ở, vật tư phụ do phía công ty cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm chi trả.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: 585.991.000 VND [bằng chữ Năm trăm tám mươi lăm triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng].

Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói: 585.991.000

2. Phương thức thanh toán:

- Chuyển khoản 100%
- Thời hạn thanh toán: Không quá 30 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu, trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành được nghiệm thu (nếu có kế hoạch vốn).
- Hồ sơ thủ tục thanh toán: Theo quy định hiện hành Chứng từ thanh toán: Theo quy định hiện hành của Nhà nước

Điều 6. Loại hợp đồng

Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

90 ngày

Điều 8. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá:

không

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký
 2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU
TU/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG ĐĂNG CHÂU**

Trung tâm Y tế Đức Thọ


Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY
DỰNG ĐĂNG CHÂU
Mã số thuế: 0110492403
Thời gian ký: 03-12-2025 18:38:55


Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
Mã số thuế: 3000296183
Thời gian ký: 03-12-2025 18:43:35

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Số: 122025/BBNTHT/YTĐT-ĐC

Gói thầu: Cải tạo hệ thống xử lý nước thải Trung tâm Y tế Đức Thọ.

I. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ

Ông : Nguyễn Đình Thiện

Chức vụ: Giám đốc

Ông/bà Lê Thanh Hải

Chức vụ: P. Giám đốc

Ông/bà Nguyễn Thị Lan

Chức vụ: K.T.T.

Ông/bà Trần Văn Dũng

Chức vụ: P. Khoa KSNR

Ông/bà Phạm Thanh Bình

Chức vụ:

b. Đại diện Nhà thầu: Công ty TNHH môi trường và xây dựng Đăng Châu

Ông : Nguyễn Hồng Vũ

Chức vụ: Giám đốc

Ông : Nguyễn Minh Tú

Chức vụ: Trưởng phòng KT

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM NGHIỆM THU:

a. Thời gian

Bắt đầu : 08...h.00.. ngày tháng 12 năm 2025

Kết thúc: 17...h.00...ngày tháng 12 năm 2025

b. Địa điểm: Tại Trung tâm Y tế Đức Thọ.

III. ĐỐI TƯỢNG NGHIỆM THU:

Các hạng mục công việc trong hợp đồng số HD2500203649_2512021448 ký ngày 3/12/2025, về việc thực hiện gói thầu Cải tạo hệ thống xử lý nước thải Trung tâm Y tế Đức Thọ (Theo phụ lục 01 đính kèm)

IV. ĐÁNH GIÁ CÔNG VIỆC NGHIỆM THU:

a/ Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng số HD2500203649_2512021448 ký ngày 3/12/2025, về việc thực hiện gói thầu Cải tạo hệ thống xử lý nước thải Trung tâm Y tế Đức Thọ giữa Chủ đầu tư Trung tâm Y tế Đức Thọ và Công ty TNHH Môi trường và Xây dựng Đăng Châu, kèm theo kèm điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục bảng giá của hợp đồng, phụ lục bảng tiến độ của hợp đồng;
- Biên bản nghiệm thu viết liệu trước khi lắp đặt;

- Biên bản nghiệm thu sửa chữa, lắp đặt, đấu nối thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải;
- Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử đơn động không tải;
- Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử liên động không tải;
- Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử liên động có tải;
- Bản vẽ hoàn công
- Và các giấy tờ khác liên quan.

b/ Về chất lượng công trình :

- Qua đối chiếu với tiêu chuẩn xây dựng nhà thầu hoàn thành việc sửa chữa, cung cấp, lắp đặt và hoàn thiện các hạng mục công việc theo hợp đồng số HD2500203649_2512021448 ký ngày 3/12/2025 kèm theo phụ lục hợp đồng, các nội dung thực hiện đúng theo yêu cầu kỹ thuật của công trình và hợp đồng đã ký kết. Sau khi hoàn thành các công việc sửa chữa, lắp đặt đấu nối, các thiết bị vận hành ổn định.

c/ Các ý kiến khác (nếu có):

5. KẾT LUẬN:

Các bên đồng ý chấp thuận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào vận hành sử dụng.

Biên bản này được lập thành 4 bản có giá trị như nhau, Chủ đầu tư giữ 02 bản, Nhà thầu giữ 02 bản.



Nguyễn Đình Thiện

Lê Thanh Hải

Đặng Thị Thanh

Nguyễn Thị Long

Phạm Thuần Bình



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Vũ

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC NGHIỆM THU

(Kèm theo biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng số

122025/BBNTHT/YTĐT-ĐC ngày tháng năm 2025)

- Gói thầu :** Cải tạo hệ thống xử lý nước thải Trung tâm Y tế Đức Thọ.
- Địa điểm lắp đặt:** Tại khu xử lý nước thải Trung tâm Y tế Đức Thọ.
- Hạng mục công việc thiết bị được nghiệm thu:**

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	
			Theo hợp đồng	Thực hiện
1	Hút bùn bể xử lý nước thải	M3	50	50
2	Rọ chắn rác	kg	25	25
3	Bơm chìm	cái	1	1
4	Phao cảm biến mực nước	cái	3	3
5	Bơm chìm	cái	1	1
6	Máy thổi khí	cái	1	1
7	Bơm định lượng hóa chất	Cái	1	1
8	Thùng nhựa hóa chất	Cái	1	1
9	Lắp đặt lại hệ thống dẫn khí	Hệ	1	1
10	Lắp đặt tại hệ thống đường ống dẫn nước thải và hóa chất:	Hệ	1	1
11	Tủ điện điều khiển:	Hệ	1	1
12	Hệ thống đường điện:	Hệ	1	1
13	Thay thế đồng hồ đo lưu lượng nước	Cái	1	1
14	Cột lọc áp lực và bơm lọc công suất 1,1 kw	Cái	1	1
15	Sửa chữa bơm chìm + máy thổi khí	Gói	1	1
16	Hóa chất ban đầu	Gói	1	1
17	Chi phí lắp đặt	Gói	1	1
18	Chi phí nuôi cấy vi sinh và vận hành thử nghiệm hệ thống XL	Gói	1	1
19	Chi phí xét nghiệm mẫu nước	Mẫu	1	1
20	Chi phí khảo sát, thuyết minh công nghệ và lập bản vẽ	Gói	1	1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ

ĐỊA ĐIỂM: TỔ DÂN PHỐ HÙNG DŨNG- XÃ ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÂU

ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ



Nguyễn Đình Thiện

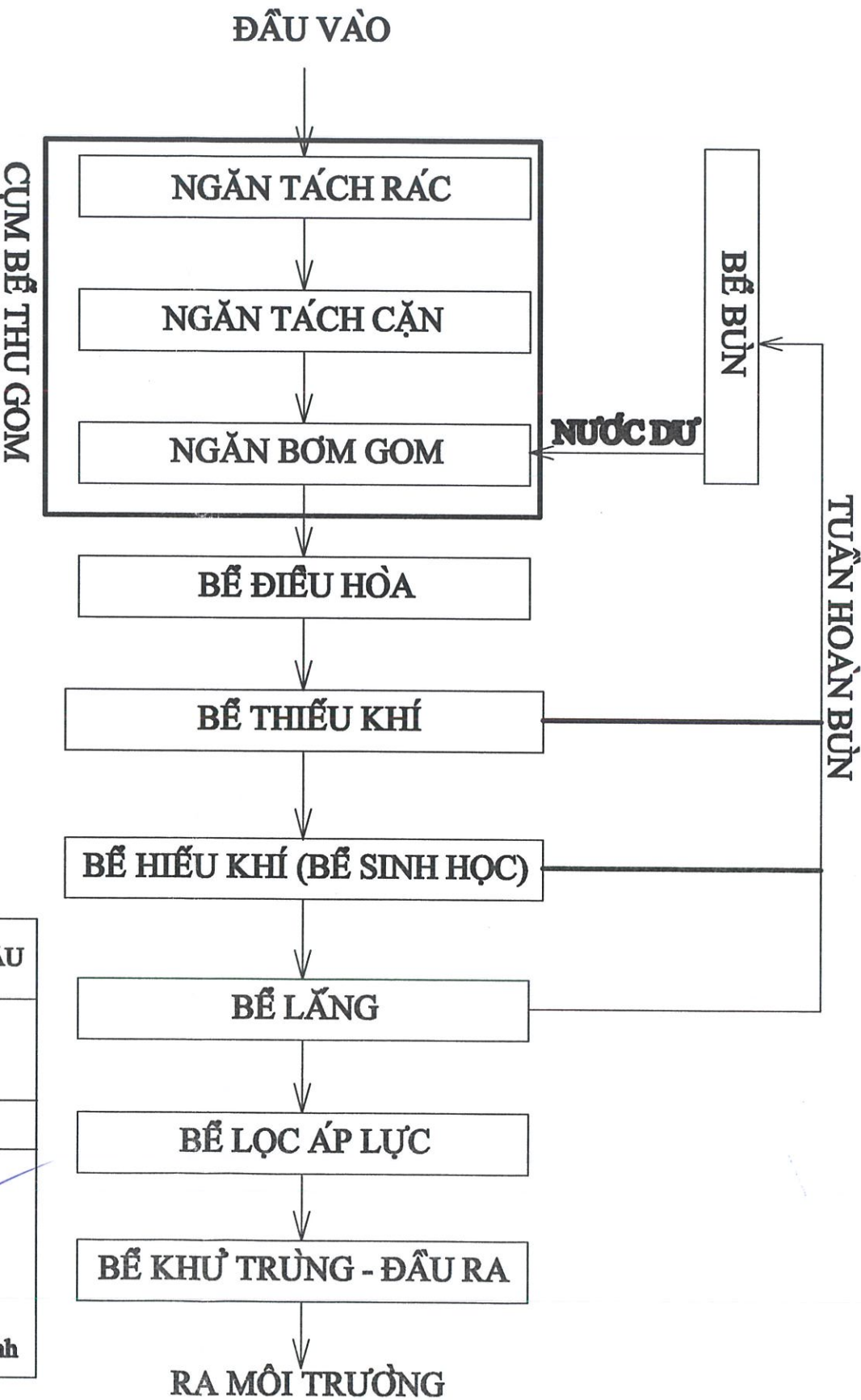
ĐẠI DIỆN
NHÀ THẦU



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Vũ

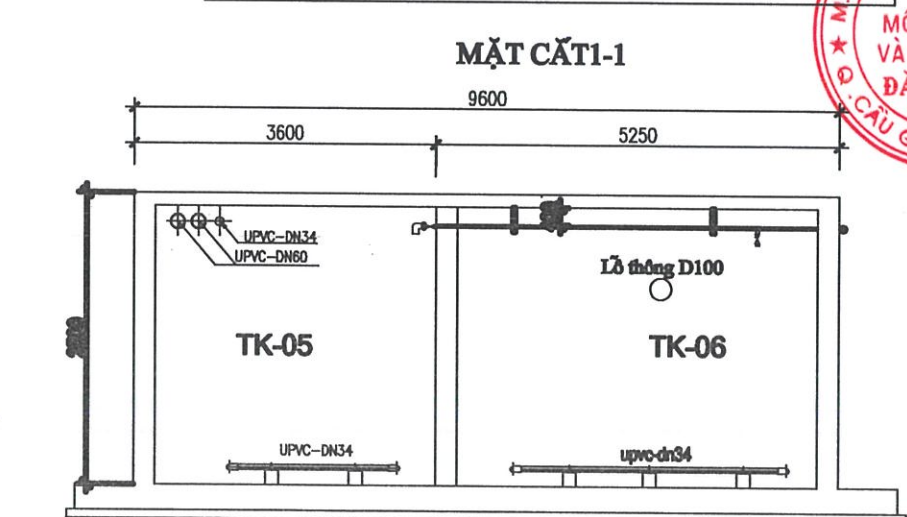
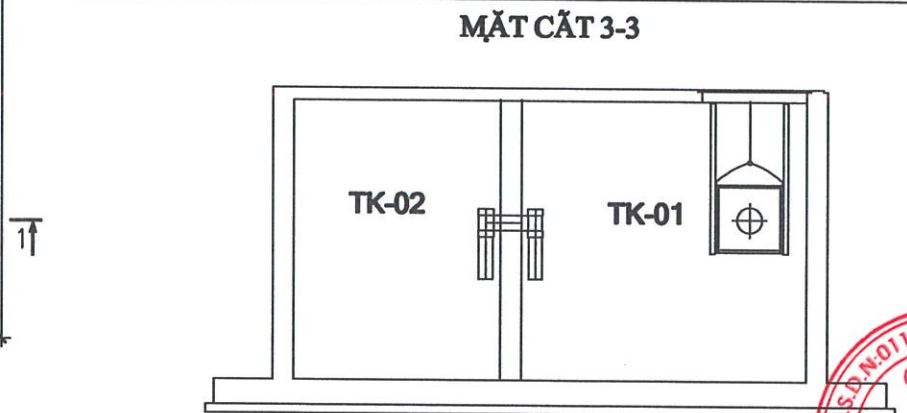
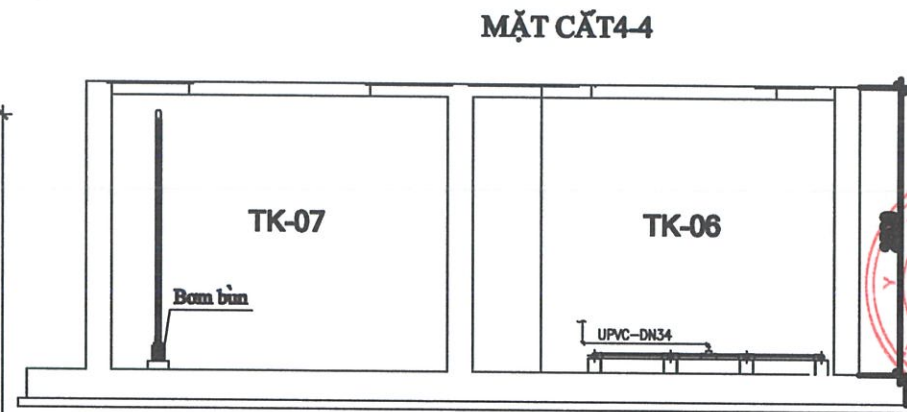
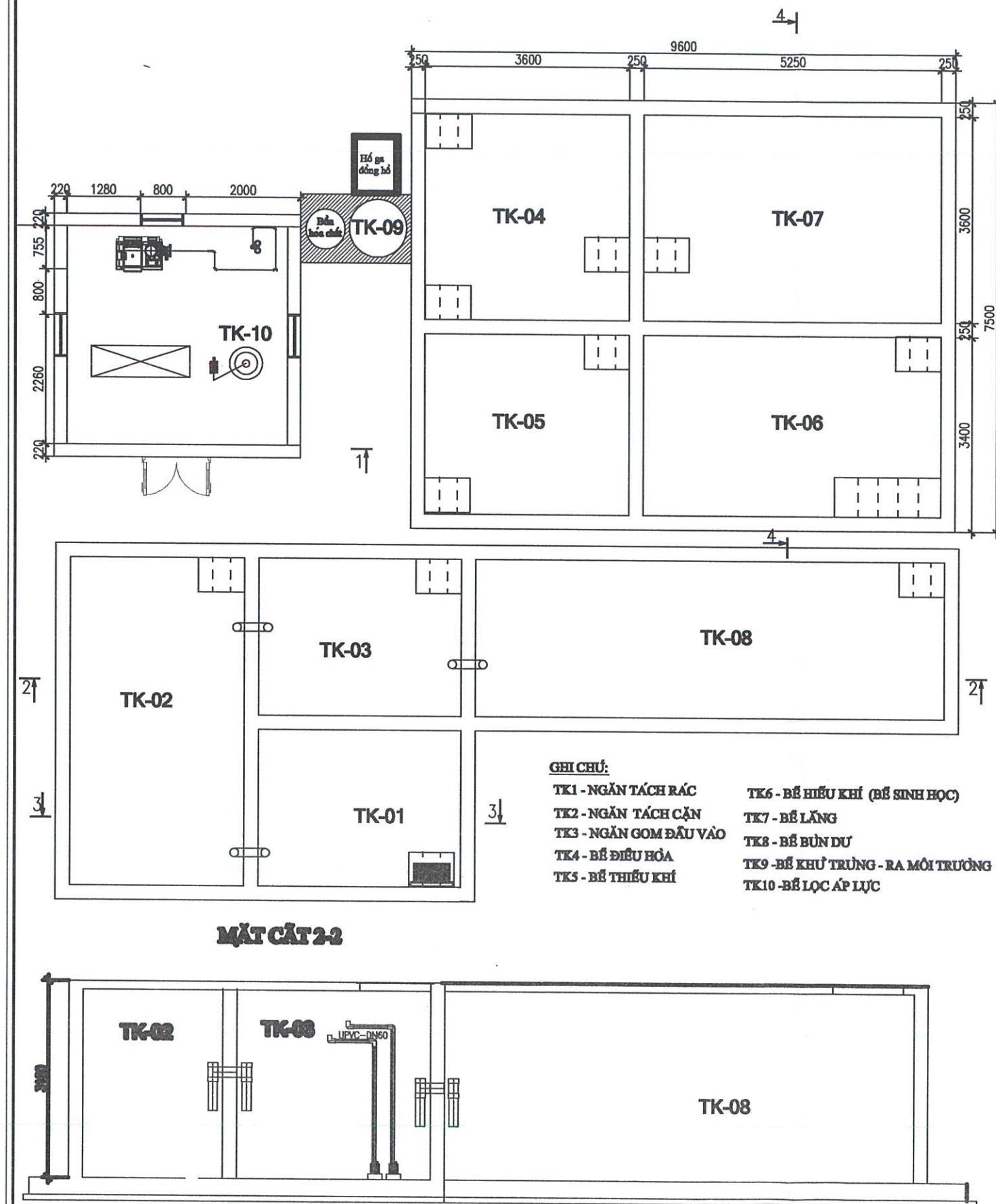
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÂU		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 29 tháng 12 năm 2025		
Người lập	Chỉ huy trưởng	Giám sát CĐT
		
Nguyễn Minh Tú	Nguyễn Minh Tú	Phan Thanh Bình

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
ĐẠCH: TỔ DÂN PHỐ HÙNG DŨNG XÃ ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TỈNH
 Nguyễn Đình Thiện
NHÀ THẦU
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÂU
SUA CHẾ ĐỒ 3 - NGỒ 27 - HOẠCH 28 - PHỐ DỊCH VONG TỔ 15 - PHƯỜNG CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Giám Đốc Nguyễn Hồng Vũ
CÔNG TRÌNH:
CÀI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
HẠNG MỤC:
CÀI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
HOÀN THÀNH:
BẢN VẼ SỐ: 01

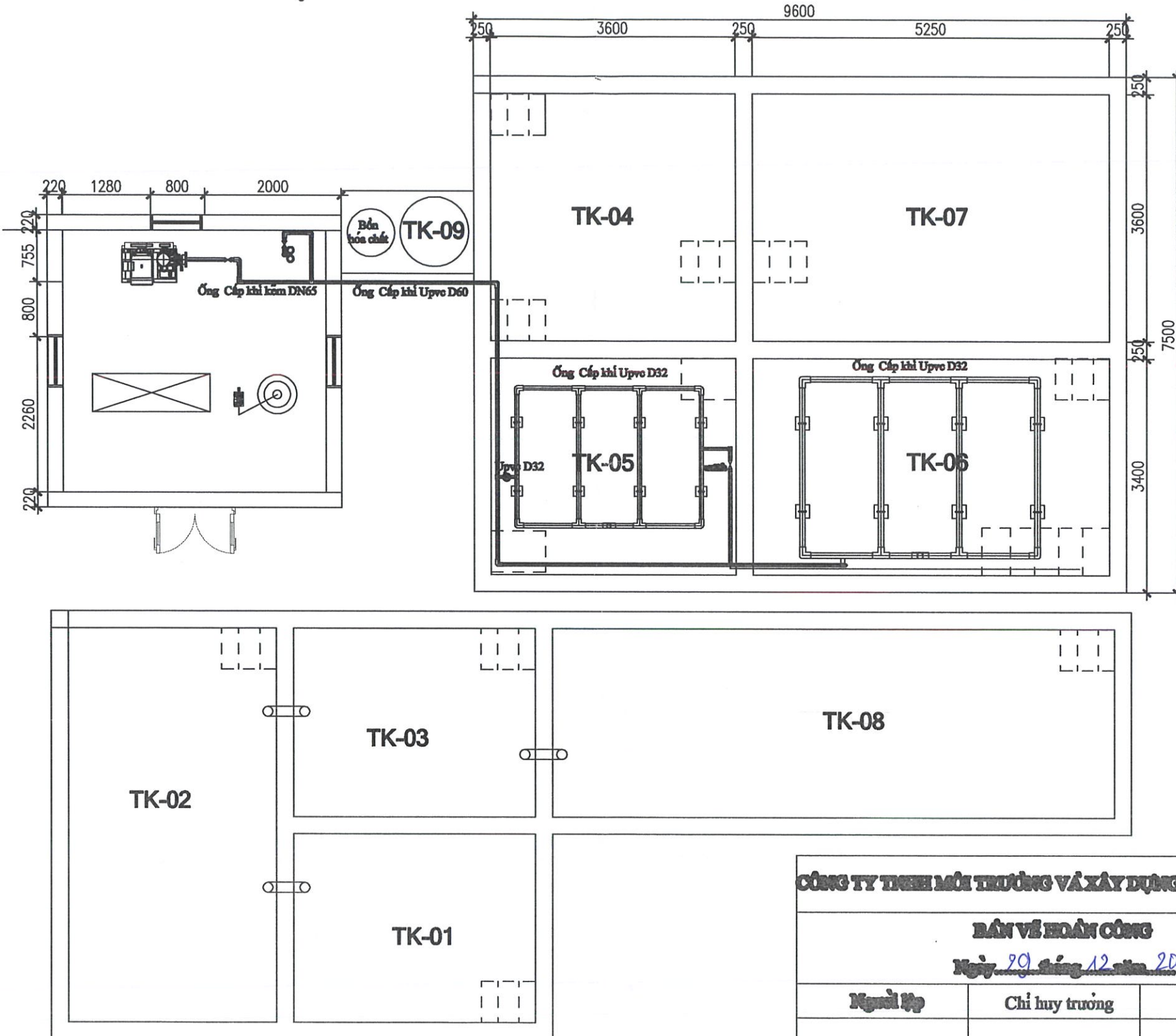
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÁU		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng	Giám sát CĐT
Nguyễn Minh Tú	Nguyễn Minh Tú	Phan Thanh Bình

CHỖ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
ĐẠCH: TỔ DÂN PHỐ HƯNG ĐÔNG XÃ ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC NGUYỄN ĐÌNH THIÊN
NHÀ THẦU
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÁU
ĐẠCH: SỐ 3 - NGÕ 27 - NGÁCH 28 - PHỐ DỊCH VONG TỔ 15 - PHƯỜNG CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC NGUYỄN HỒNG TÚ
CÔNG TRÌNH:
CÀI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
HẠNG MỤC:
CÀI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
HOÀN THÀNH:
BẢN VẼ SỐ: 02

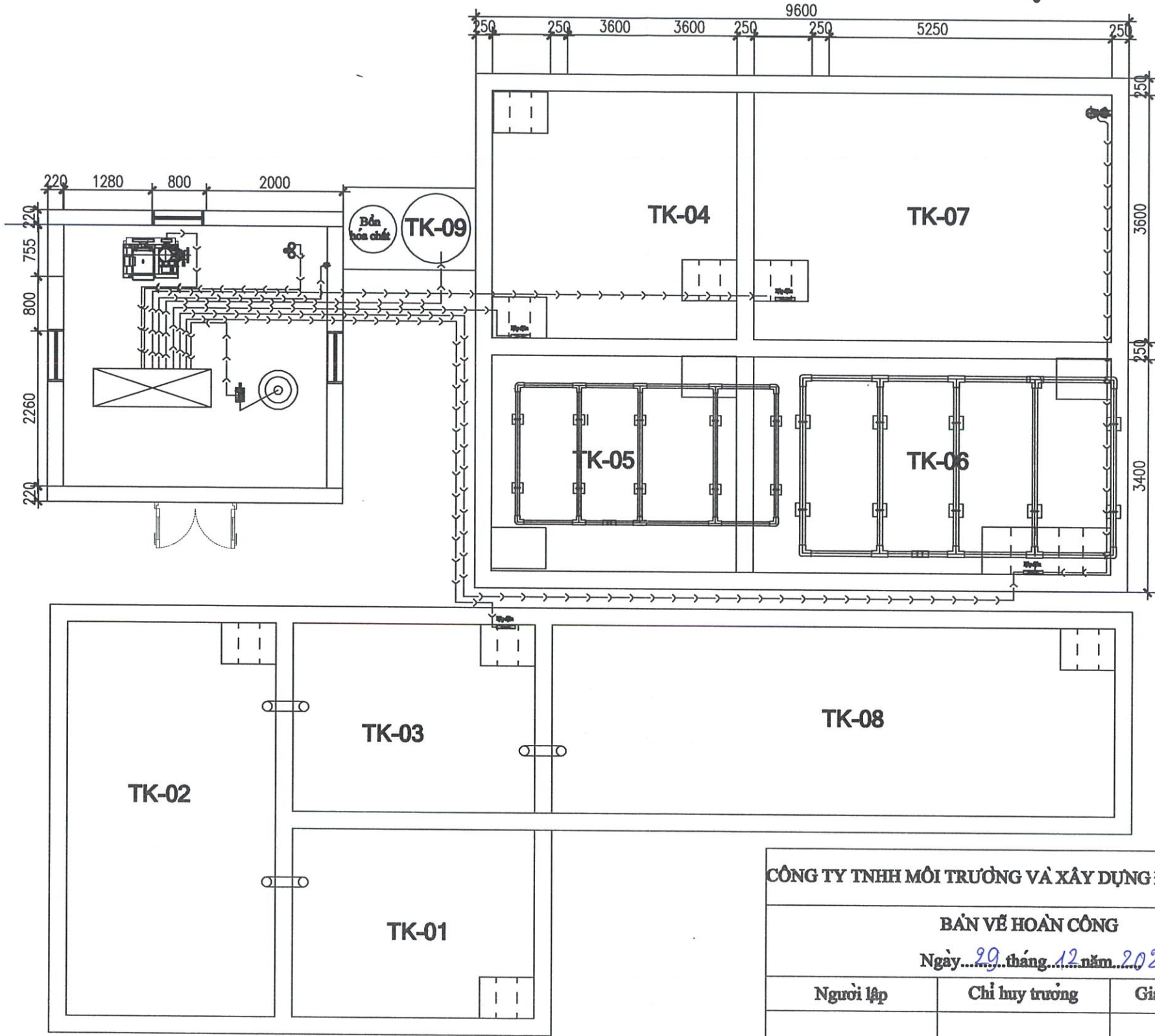
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CẤP KHÍ



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÂU		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 29 tháng 12 năm 2025		
Người lập	Chỉ huy trưởng	Giám sát CĐT
Nguyễn Minh Tú	Nguyễn Minh Tú	Phan Thanh Bình

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
ĐẠCH: TỔ DÂN PHỐ HƯNG CUNG XÃ ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TỈNH
 NGUYỄN ĐÌNH THIÊN NHÀ THẦU
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÂU
ĐẠCH: SỐ 3 - NGÕ 27 - NGÁCH 28 - PHỐ DỊCH VỌNG TỔ 15 - PHƯỜNG CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 NGUYỄN HỒNG VŨ NHÀ THẦU
CÔNG TRÌNH:
CÀI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
HẠNG MỤC:
CÀI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CẤP KHÍ
HOÀN THÀNH:
BẢN VẼ SỐ: 03

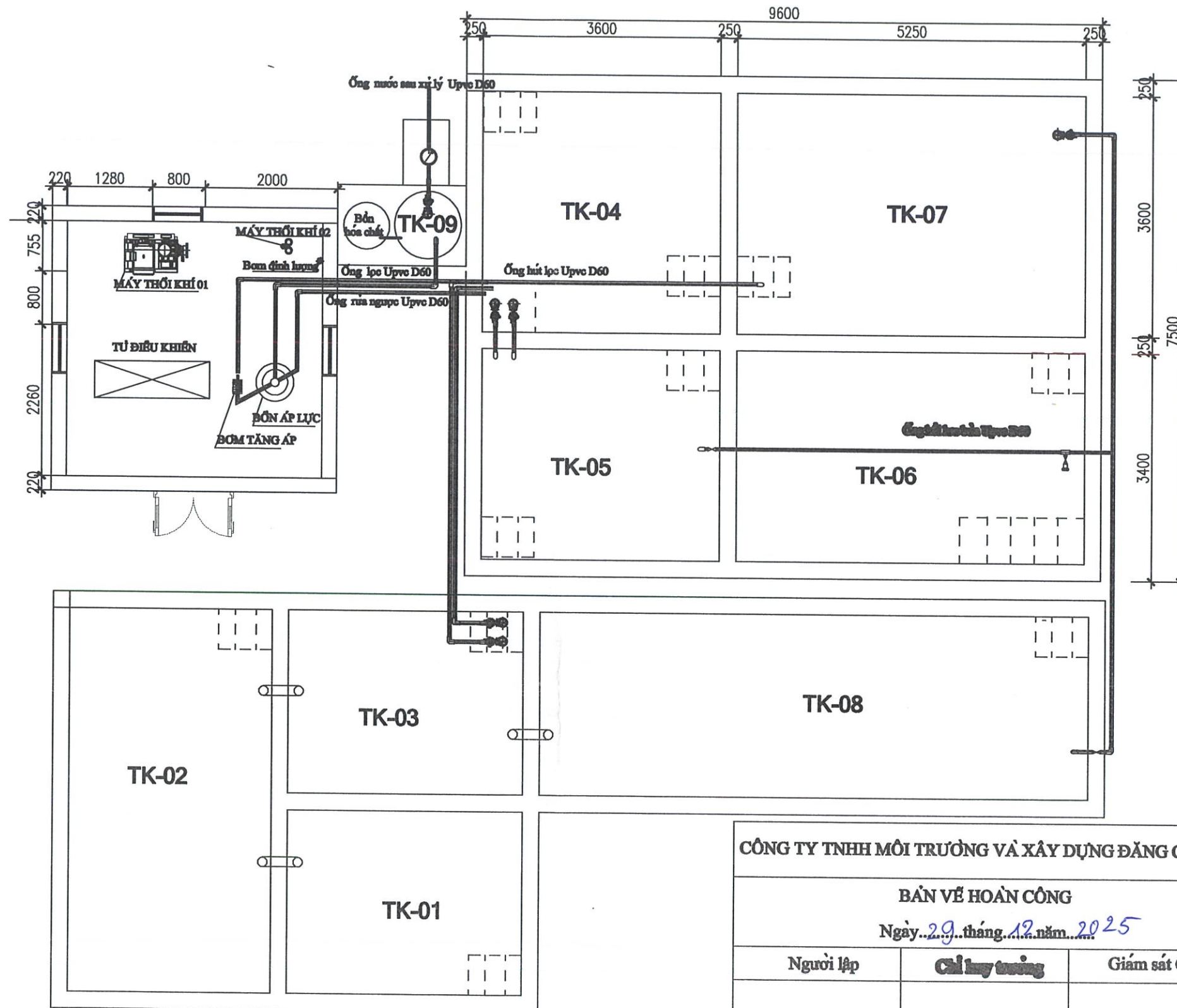
MẶT BẰNG ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÂU		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày...29...tháng...12...năm...2025		
Người lập	Chỉ huy trưởng	Giám sát CĐT
		
Nguyễn Minh Tú	Nguyễn Minh Tú	Phan Thanh Bình

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ TỔ ĐÀN PHỐ HÙNG DŨNG XÃ ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ  Nguyễn Đình Thiện
NHÀ THẦU
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÂU
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ SỐ 3 - NGÕ 27 - NGÁCH 28 - PHỐ DỊCH VỌNG TỔ 15 - PHƯỜNG CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI 
CÔNG TRÌNH:
CÀI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
HẠNG MỤC:
CÀI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ
TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG ĐƯỜNG CẤP ĐIỆN
HOÀN THÀNH:
BẢN VẼ SỐ: 04

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG MÁY BƠM



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÂU

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày...29...tháng...12...năm...2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Giám sát CĐT
Nguyễn Minh Tú	Nguyễn Minh Tú	Phan Thanh Bình

CHỖ ĐẦU TƯ

TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ

ĐỊA CHỈ:
TỔ DÂN PHỐ HÙNG DŨNG XÃ ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TỈNH

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM
Y TẾ
ĐỨC THỌ

Nguyễn Đình Thiên

NHÀ THẦU

CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG ĐĂNG CHÂU

ĐỊA CHỈ:
SỐ 3 - NGÕ 27 - NGÁCH 28 - PHỐ DỊCH VỌNG
TỔ 15 - PHƯỜNG CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Vũ

CÔNG TRÌNH:

CÀI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ

HẠNG MỤC:

CÀI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TRUNG TÂM Y TẾ ĐỨC THỌ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG
ĐƯỜNG ỐNG MÁY BƠM

HOÀN THÀNH:

BẢN VẼ SỐ: 05